

PHẦN I

ĐẶT VẤN ĐỀ

Thực hiện chủ trương của Bộ GD&ĐT về việc tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục, Trường Đại học Thủ Dầu Một triển khai công tác tự đánh giá theo các văn bản hướng dẫn mà Bộ GD&ĐT đã ban hành. Mục đích của việc tự đánh giá là tiến hành xem xét, rà soát, đánh giá tất cả các hoạt động của Nhà trường. Từ đó, có các biện pháp điều chỉnh các mặt hoạt động nhằm đạt được các mục tiêu, chiến lược đã đề ra.

Tự đánh giá giúp Nhà trường xác định được điểm mạnh, điểm yếu và đề ra kế hoạch hành động nhằm không ngừng cải tiến nâng cao hiệu quả đào tạo. Thực hiện công tác tự đánh giá không chỉ giúp cho việc đánh giá ngoài của cơ sở đào tạo mà còn thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong các hoạt động đào tạo, nghiên cứu phù hợp với mục tiêu và sứ mạng mà Nhà trường đã xác định.

Quy trình tự đánh giá của Trường

Căn cứ Quyết định số 65/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01/11/2007 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và Công văn 462/KTKĐCLGD-KĐDH 09/5/2013, Trường đã triển khai công tác tự đánh giá theo bộ tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT, cụ thể như sau:

- Thành lập Hội đồng Tự đánh giá và các nhóm chuyên trách (phụ lục 1,2);
- Lập kế hoạch tự đánh giá;
- Hợp các nhóm chuyên trách quán triệt nội dung phương pháp làm việc, phân công nhiệm vụ mỗi nhóm phụ trách một số tiêu chuẩn;
- Mỗi nhóm chuyên trách tiến hành thu thập thông tin và minh chứng từ các đơn vị, các nhóm thành viên của nhà trường (khoa/BM, phòng, trung tâm, nhân viên, sinh viên...) và các thành phần liên quan bên ngoài (nhà tuyển dụng, chuyên gia đánh giá ngoài, chuyên gia tư vấn ...) bằng các phương tiện thu thập ý kiến đánh giá chất lượng hoạt động của Nhà trường.

- Xử lý, phân tích thông tin, minh chứng thu được;
- Viết báo cáo tự đánh giá;

Phương pháp tự đánh giá Nhà trường căn cứ vào tình hình thực tế, dữ liệu minh chứng và Bộ tiêu chuẩn đánh giá Trường Đại học và Cao đẳng của Bộ GD&ĐT để tự đánh giá, cụ thể như sau:

- Mô tả và làm rõ thực trạng của Nhà trường có liên quan đến nội hàm của từng tiêu chí;

- Phân tích, so sánh thực trạng với yêu cầu của tiêu chí tự đánh giá để đi đến những nhận định, đánh giá, từ đó chỉ ra “điểm mạnh” và những “tồn tại”;

- Đề xuất kế hoạch hành động: đề ra các giải pháp và kế hoạch cải tiến với chương trình hành động và mốc thời gian cụ thể nhằm duy trì và phát huy các thế mạnh, khắc phục những tồn tại đã phát hiện;

- Xác định mức đánh giá: căn cứ trên kết quả phân tích thực trạng, nhà trường tự đánh giá mức “Đạt” hay “Chưa đạt” đối với những yêu cầu của tiêu chí được áp dụng để tự đánh giá;

- Viết báo cáo Tự đánh giá: tổ thư ký thu thập và tổng hợp tất cả 61 Phiếu đánh giá Tiêu chí từ các nhóm chuyên trách, tổng hợp thành Dự thảo Báo cáo TĐG. Sau đó Hội đồng TĐG, Ban thư ký và Nhóm chuyên trách họp thảo luận, góp ý cho Dự thảo Báo cáo TĐG. Dự thảo Báo cáo TĐG được chuyển đến những người đã cung cấp thông tin và minh chứng trong trường để xác minh lại các thông tin và minh chứng đã được sử dụng và mức độ chính xác từ các kết quả rút ra từ đó. Hội đồng TĐG và Ban thư ký hoàn chỉnh Báo cáo TĐG dựa trên nội dung của Dự thảo Báo cáo TĐG và trên cơ sở tiếp thu có thẩm định các ý kiến đóng góp từ các nhóm thành viên của Nhà trường cũng như các bên liên quan ngoài Trường.

- Trong Báo cáo tự đánh giá, mã thông tin và minh chứng được ký hiệu bằng chuỗi có 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức: Hn.ab.cd.ef

Trong đó:

- H: viết tắt “hộp minh chứng” (minh chứng của mỗi tiêu chuẩn tập hợp trong 1 hộp hoặc nhiều hộp);

- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết;

- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10);

- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10);

- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15).

Ví dụ:

H3.03.02.15: là minh chứng thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, được đặt trong hộp 3.

PHẦN II: TỔNG QUAN CHUNG

Lịch sử hình thành và phát triển trường Đại học Thủ Dầu Một

Sự hình thành và phát triển của Trường Đại học Thủ Dầu Một gắn liền với các mốc thời gian sau:

Tháng 9 năm 1976 BGD&ĐT thành lập Đoàn CBGV về tăng cường GD cho tỉnh Sông Bé, chủ yếu là xây dựng trường Sư phạm tại tỉnh Sông Bé. Đoàn gồm 13 đồng chí cán bộ, giảng viên do ông Lã Mỹ Dũng làm Trưởng đoàn.

Đầu tháng 11 năm 1976 đoàn về tiếp quản cơ sở Trường Trung học An Mỹ. Khi đó, tỉnh Sông Bé cử ông Nguyễn Đình Trãi phụ trách cơ sở vật chất để xây dựng trường, tên trường là *Trường Cao đẳng Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh (cơ sở 05)* đóng tại Sông Bé, số sinh viên của Trường là 500 sinh viên.

Năm 1977, Trường được đổi tên thành *Trường Cao đẳng Sư phạm cấp II tỉnh Sông Bé* ông Nguyễn Văn Nhuận được bổ nhiệm làm Hiệu trưởng.

Tháng 11 năm 1988 theo quyết định số 168/HĐBT đổi tên *Trường Cao đẳng Sư phạm cấp II tỉnh Sông Bé* thành trường *Cao đẳng Sư phạm Sông Bé*, ông Trần Chấn Quyền quyền Hiệu trưởng.

Tháng 8 năm 1992 sáp nhập trường Trung học sư phạm Sông Bé vào *trường Cao đẳng sư phạm Sông Bé*, ông Vũ Nửa làm Hiệu trưởng, địa điểm Trường tại số 6 Trần Văn Ôn.

Năm 1997 chia tách tỉnh Sông Bé thành Bình Dương và Bình Phước, trường CĐSP Sông Bé đổi tên thành *Cao Đẳng Sư Phạm Bình Dương*.

Tháng 6 năm 2009, Trường CĐSP Bình Dương được nâng cấp thành Trường ĐHTDM theo Quyết định số 900/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ TS. Nguyễn Văn Hiệp làm Hiệu trưởng. Tại thời điểm này Trường có hơn 100 cán bộ giảng viên và hơn 2.000 sinh viên hệ Cao đẳng và Trung cấp.

Sứ mệnh của Trường là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho quá trình phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh Bình Dương, các tỉnh Đông Nam Bộ, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và cả nước; nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ, cung ứng sản phẩm và dịch vụ cho thị trường.

Qua quá trình hình thành và phát triển cho đến nay, Trường ĐHTDM đã thành cơ sở giáo dục đa ngành, đa lĩnh vực. Với triết lý giáo dục “**Tri thức – Phát triển – Phồn vinh**”, trường ĐHTDM đang dần khẳng định vị thế của một đơn vị đào tạo, nghiên cứu khoa học chất lượng cao, đại diện tiêu biểu cho sức mạnh tri thức của tỉnh

Bình Dương. Hiện nay, sinh viên của trường đã quy đổi 12.651 đang học tập và nghiên cứu ở các chương trình đào tạo thạc sĩ, đại học, cao đẳng thuộc hai hệ chính quy và thường xuyên, cụ thể: thạc sĩ 9 ngành, đại học 26 ngành, Cao đẳng 20 ngành và hệ thường xuyên 17 ngành; thuộc 5 lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội nhân văn, sư phạm.

Trường phân đầu đến năm 2020 có 36 ngành đại học, 22 ngành cao học, 09 ngành tiến sĩ với quy mô là 16.000 sinh viên và học viên (ĐH: 15.000, Sau ĐH: 1.000). Trở thành cơ sở đào tạo có uy tín trong nước, tiến tới tiếp cận chuẩn mực giáo dục đại học khu vực và thế giới.

Về tổ chức, Trường có 01 Hiệu trưởng và 03 Phó Hiệu trưởng, 14 phòng, ban chức năng, 14 Khoa, 10 trung tâm, 3 Viện.

Về nhân sự, Tổng số cán bộ viên chức hiện đang làm việc tại trường là 753 người, trong đó có 635 giảng viên với 01 Giáo sư, 15 Phó Giáo sư, 115 Tiến sĩ, 504 Thạc sĩ (NCS 97). Trường có 100% GV có trình độ sau đại học, trong đó tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên là 20,6%.

Song song với việc xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học cơ hữu, nhà trường còn hợp tác với cán bộ khoa học có trình độ chuyên môn cao ở các trường thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Quốc gia Hà Nội, trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh...

Về đào tạo, Nhà trường đang tập trung hoàn thiện việc xây dựng chương trình đào tạo và đổi mới phương pháp giảng dạy theo định hướng CDIO. Tháng 8/2015, Trường được Bộ Giáo dục cho phép đào tạo thạc sĩ, đánh dấu bước phát triển quan trọng của Nhà trường.

Về nghiên cứu khoa học: hiện nay, Nhà trường đang đầu tư mạnh cho hoạt động nghiên cứu khoa học. Một trong những chương trình trọng điểm được triển khai từ năm 2015. Các Đề án nghiên cứu về Đông Nam Bộ hướng đến mục tiêu gắn kết giữa các hoạt động nghiên cứu khoa học với thực tiễn nhằm đáp ứng nguồn nhân lực theo yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Về hợp tác quốc tế: Trường đã thiết lập quan hệ hợp tác, liên kết đào tạo với hơn 30 đơn vị giáo dục trên thế giới; đồng thời ký kết hợp tác cung ứng lao động chất lượng cao cho các doanh nghiệp nước ngoài đang đóng trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Về cơ sở vật chất: Hiện nay Nhà trường có 02 cơ sở. Tổng diện tích đất của 02 cơ sở là: 643.630,5m² (64,3 ha) đạt tiêu chuẩn 50,87m²/sinh viên (với quy mô 15.109

SV hệ chính quy và hệ thường xuyên). Cụ thể: Cơ sở số 6, đường Trần Văn Ôn, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một: 67.435,5m², khu đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng trường mới tại Khu Công nghiệp và Đô thị Thới Hòa, thuộc phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương với diện tích là 576.195m².

Thư viện được trang bị đầy đủ các trang thiết bị, máy móc để làm việc và phục vụ nhu cầu học tập, nghiên cứu của sinh viên và giảng viên. Tổng số đầu sách phục vụ sinh viên học tập 14.806 nhan đề.

Trường có 135 phòng học và 02 hội trường. Khu thực hành thí nghiệm của Trường hiện nay gồm 35 phòng đã được nâng cấp mở rộng, trang bị các trang thiết bị phù hợp đáp ứng được yêu cầu cơ bản của các ngành đào tạo.

Trường có 681 máy vi tính để bàn, trong đó có 7 phòng máy vi tính với 300 máy được nối mạng Internet, 108 máy in các loại, 24 máy scanner, 09 máy photocopy, 05 máy quét mã vạch sử dụng cho Thư viện.

Nơi vui chơi giải trí có 01 câu lạc bộ thể hình, 01 nhà học võ thuật, 02 sân bóng chuyền, 01 sân bóng đá, 01 sân bóng rổ, sân tập TDTT ngoài trời 2,2ha, 01 đường chạy 400 mét, 01 sân khấu ngoài trời, 01 nhà đa năng diện tích 927,91m².

Trường có tòa nhà 3 tầng gồm 23 phòng để Lãnh đạo Trường, các phòng, ban chuyên môn làm việc, hội họp và tiếp khách; 5 dãy nhà cấp 4 gồm 50 phòng để các khoa làm việc (trong đó có phòng làm việc riêng cho lãnh đạo các khoa); 02 phòng làm việc cho giáo sư và phó giáo sư; 03 phòng khách đủ tiện nghi và 02 dãy phòng làm việc cho các trung tâm.

Về tài chính: Trường là đơn vị dự toán cấp 1, có con dấu và tài khoản riêng, thực hiện cơ chế quản lý tài chính của đơn vị sự nghiệp có thu theo quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ về Quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ đối với đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09/8/2006 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ; Nhà trường triển khai thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về việc Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

Trường công khai các nguồn tài chính theo quy định tại Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân và qua hội nghị công chức hàng năm được sử dụng, chi tiết đến từng nhiệm

vụ; đào tạo, nghiên cứu khoa học, nhiệm vụ khác, mua sắm tài sản, trang thiết bị... tình hình phân bổ kinh phí cho các hoạt động của Trường, các đơn vị và báo cáo quyết toán kinh phí hàng năm với Sở Tài chính đúng quy định.

Trong thời gian gần 8 năm hoạt động, quản lý tài chính thực hiện đúng quy định, sử dụng có hiệu quả các nguồn kinh phí cho việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và sự phát triển Nhà trường lâu dài. Năm 2014 Trường vinh dự được Chủ tịch nước tặng Huân chương lao động hạng nhất về thành tích xuất sắc trong công tác giáo dục, đào tạo.

Những phát hiện chính trong quá trình tự đánh giá:

Trong quá trình tự đánh giá, nhà trường đã có những phát hiện chính như sau:

Điểm mạnh

- Sứ mạng và mục tiêu của Nhà trường được xác định rõ ràng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực thực tế. Sứ mạng luôn được gắn kết chặt chẽ với nhu cầu chiến lược phát triển về sự nghiệp giáo dục - đào tạo của đất nước.

- Mục tiêu của Nhà trường luôn bám sát vào mục tiêu đào tạo trình độ đại học theo quy định của Luật Giáo dục. Các mục tiêu đều được cụ thể, rõ ràng và được rà soát, chỉnh sửa theo định kỳ để phù hợp với tình hình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội trong và ngoài tỉnh Bình Dương.

- Bộ máy quản lý của Trường được sắp xếp một cách khoa học theo mô hình quản lý 3 cấp (*trường, khoa và bộ môn*) tạo được sự gắn kết chặt chẽ thành một thể thống nhất. Chiến lược của Trường luôn ưu tiên thu hút tuyển dụng đội ngũ cán bộ trẻ có trình độ, giàu tiềm năng được đào tạo ở các trường đại học tiên tiến trong và ngoài nước. Trường có Hệ thống quản lý chất lượng tổng thể và Hệ thống ĐBCL theo đúng tiêu chuẩn của Bộ GDĐT. Các vị trí công tác trong hệ thống bộ máy quản lý được phân công hợp lý, đúng năng lực. Hệ thống văn bản mô tả công việc được soạn thảo đầy đủ và áp dụng hiệu quả. Trường thực hiện đánh giá cán bộ giảng viên theo từng năm học và sử dụng kết quả đánh giá xếp loại thi đua khen thưởng một cách công khai.

- Đặc điểm nổi bật của trường là tất cả các CTĐT từ năm 2014 đến nay đều được xây dựng theo định hướng CDIO, đào tạo theo học chế tín chỉ tương thích với các chương trình đại học tiên tiến trong và ngoài nước đáp ứng tốt nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ địa phương và đất nước. Việc đánh giá, cải tiến CTĐT luôn dựa trên những kết quả khảo sát định kỳ, thực hiện bởi hệ thống ĐBCL bên trong (GV, SV,

cựu SV, nhà tuyển dụng, doanh nghiệp,...). Hiện tại, trường đã đăng ký thành viên dự khuyết AUN và có 04 CTĐT đang trong giai đoạn hoàn tất hồ sơ kiểm định AUN. Năm 2014, Trường chính thức gia nhập tổ chức CDIO thế giới, mạnh dạn triển khai mô hình này cho nhiều ngành nghề đào tạo khác nhau kể cả các ngành ngoài lĩnh vực kỹ thuật.

- Người học được đảm bảo các chế độ chính sách xã hội, được chăm sóc sức khỏe, tập luyện văn thể, được đảm bảo an toàn trong trường học, được tạo điều kiện để tham gia các hoạt động NCKH và các hoạt động ngoại khóa. Trường thường xuyên tổ chức các ngày hội việc làm cho SV, tạo điều kiện cho SV gặp gỡ, trao đổi, cập nhật thông tin về các công ty, doanh nghiệp, nhà tuyển dụng. Đầu năm 2016, Trường mở khóa đào tạo các Kỹ năng xã hội đầu tiên. SV được học tập trải nghiệm, ứng dụng các kỹ năng vào thực tế cuộc sống.

- Về nghiên cứu khoa học luôn được Nhà trường quan tâm, tạo mọi điều kiện thuận lợi để cán bộ, giảng viên và người học được tham gia. Từ 2011 đến 2016, Trường đã có nhiều công trình nghiên cứu khoa học đạt chất lượng cao được ứng dụng vào thực tiễn đào tạo. Có 516 bài báo được đăng trên các tập san, tạp chí khoa học trong và ngoài nước, 153 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Cơ sở, cấp tỉnh và cấp Bộ. Năm 2015, Trường có đề tài "Tổng hợp và nghiên cứu hoạt tính sinh học vật liệu y sinh Hydroxyapatite (HA) từ vỏ trứng" đạt giải Ba, Giải thưởng Tài năng khoa học trẻ" do Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp cùng Bộ Khoa học và Công nghệ, Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tổ chức và đề tài "Khảo cứu văn bản Nôm Lục Vân Tiên do hòa thượng Thích Thanh Sơn sưu soạn" của sinh viên đạt giải khuyến khích Sinh viên nghiên cứu khoa học Eureka lần thứ 17. Ngoài ra, Trường còn đăng cai tổ chức nhiều hội thảo Khoa học trong nước và quốc tế như:

Năm 2012, Giáo dục kỹ năng sống cho sinh viên;

Năm 2013, Nền móng và giải pháp địa kỹ thuật xây dựng trên nền đất yếu (Quốc tế); đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát huy tính tích cực, sáng tạo của người học;

Năm 2015, Việt Nam 40 năm Thống nhất, phát triển và hội nhập (1975 – 2015) (Quốc tế), năm 2015, Tác động của quá trình đô thị hóa đối với cộng đồng dân cư – Những bài học kinh nghiệm từ Trung Quốc, Ấn Độ và thực tiễn Việt Nam (Quốc tế).

Năm 2016, Hội nghị Quốc tế lần thứ 5 về Các Hệ thống Cảm ngữ cảnh và ứng dụng (Quốc tế), năm 2016, Tăng trưởng xanh – con đường hướng đến phát triển bền vững (Hội thảo Quốc tế); Hội thảo quốc tế Quản lý môi trường và công nghệ xanh

IFGTM lần VI; Hội thảo “Những vấn đề văn học và ngôn ngữ Nam Bộ”, Năm 2014, Kết hợp với Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, Viện Khoa học xã hội vùng Nam bộ và Bảo tàng Chứng tích chiến tranh tổ chức Hội thảo “Chiến thắng Điện Biên Phủ – Những vấn đề lịch sử”; Năm 2015 tổ chức Hội thảo “Giải pháp nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của sinh viên,

- Về HTQT, Trường chủ động, tích cực hội nhập, nâng cao uy tín và vị thế của mình trong khu vực và quốc tế. Khai thác có hiệu quả các quan hệ hợp tác nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, tăng cường và hiện đại hoá cơ sở vật chất, thu hút các nguồn tài trợ học bổng cho cán bộ, SV. Chú trọng hợp tác với các đối tác có trình độ khoa học giáo dục nhằm tạo cơ hội tiếp cận với phương pháp nghiên cứu tiên tiến của các trường đại học hàng đầu trong và ngoài nước. Mở ra khả năng phát triển hợp tác NCKH trong nhiều lĩnh vực, tạo tiền đề để tổ chức các hội thảo, trao đổi GV, SV phối hợp nghiên cứu. Trường đã thiết lập quan hệ hợp tác, liên kết đào tạo với hơn 30 đơn vị giáo dục trên thế giới; đồng thời ký kết hợp tác cung ứng lao động chất lượng cao cho các doanh nghiệp nước ngoài đang đóng trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Từ năm 2010 đến nay, Trường đã hỗ trợ đào tạo cho 35 sinh viên Lào thuộc hai ngành Kinh tế và Công nghệ thông tin.

- Thư viện có nguồn tài liệu chuyên ngành phong phú, đáp ứng nhu cầu học tập và NCKH của GV và SV. Trường đặc biệt chú ý xây dựng các cơ sở thực tập, thực hành phục vụ tốt nhất cho việc giảng dạy và học tập của cán bộ và SV. Các phòng học, cơ sở thực hành được đầu tư các thiết bị cần thiết cho giảng dạy và học tập. Từ năm 2016, Nhà trường thực hiện dự án số hóa từng bước các phòng tư liệu của các khoa và Trung tâm Thông tin Thư viện; tiếp tục đầu tư, trang bị và thay thế những máy tính đã cũ, lạc hậu để phục vụ công tác quản lý, đào tạo và học tập; hoàn thiện quy hoạch các khu vực hành chính, học tập, vui chơi, dịch vụ.

- Về tài chính và quản lý tài chính, Trường có chiến lược khai thác các nguồn thu ngoài nguồn kinh phí do tỉnh Bình Dương cấp. Công tác quản lý và sử dụng nguồn tài chính mang tính dân chủ, công khai, minh bạch theo quy chế chi tiêu nội bộ. Sử dụng tốt các nguồn kinh phí, đảm bảo đáp ứng yêu cầu công tác đào tạo, NCKH, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập. Nguồn tài chính được đầu tư, phân bổ và sử dụng phù hợp đã đem lại hiệu quả thu hút người có học hàm học vị, đảm bảo tốt đời sống CB-VC, nâng cao chất lượng lao động của cán bộ, giảng viên, sinh viên trong toàn trường.

Tồn tại:

Nhà trường đã phát hiện những tồn tại, cũng như những thử thách có ảnh hưởng lớn đến các hoạt động của Trường như sau:

- Thử thách lớn nhất của Trường hiện nay là cơ sở vật chất chưa đáp ứng được qui mô đào tạo.

- NCKH chưa đủ khả năng chuyển giao công nghệ một cách rộng rãi. Các công trình NCKH của Nhà trường trong giai đoạn 2010-2015 chủ yếu thuộc phạm vi cấp trường và cấp tỉnh. Để khắc phục tình trạng này, từ năm 2016 Nhà trường tăng nguồn kinh phí, động viên, khuyến khích nâng cao chất lượng và mở rộng phạm vi đề tài nghiên cứu. Phân đầu đến năm 2018 nguồn thu kinh phí từ đề tài và chuyển giao công nghệ lớn hơn phần chi phí phục vụ cho NCKH.

PHẦN III: TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Sứ mạng và mục tiêu của trường đại học Thủ Dầu Một

Mở đầu

Ngay từ khi mới thành lập, Trường Đại học Thủ Dầu một đã xác định rõ vai trò, mục tiêu và định hướng phát triển thành *cơ sở đào tạo ngang tầm các đại học lớn trong nước, tiến tới tiếp cận chuẩn mực giáo dục đại học khu vực và thế giới; trở thành trung tâm nghiên cứu khoa học, tư vấn chính sách, cung ứng dịch vụ về kinh tế, giáo dục, văn hóa, xã hội, kỹ thuật công nghệ của Bình Dương và các tỉnh miền Đông Nam Bộ.*

Năm 2013, Nhà trường xây dựng chiến lược đến năm 2020 và được ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương phê duyệt, trong đó sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu được tuyên bố cụ thể, rõ ràng.

Quá trình thực hiện chiến lược, căn cứ tình hình phát triển và hội nhập của địa phương, đất nước đồng thời lắng nghe ý kiến đóng góp của các chuyên gia, nhà khoa học và bên liên quan, Năm 2015, Trường rà soát, sửa đổi, bổ sung sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu, cụ thể như sau:

Sứ mạng: *“Đào tạo nhân lực có chất lượng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của tỉnh Bình Dương, miền Đông Nam Bộ - vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và trở thành trung tâm tư vấn nghiên cứu trong khu vực”.*

Tầm nhìn, mục tiêu tổng quát: *“Phát triển theo theo mô hình đại học tiên tiến, xác lập uy tín trong nước và hội nhập. Người học có năng lực làm việc trong nước và nước ngoài.”*

Một số mục tiêu cụ thể:

- Năm 2017: Đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục đại học quốc gia;
- Năm 2018: Là thành viên của tổ chức AUN và một số chương trình đào tạo đạt chuẩn AUN - QA;
- Năm 2020: Tiến hành đánh giá chất lượng theo chuẩn Quốc tế (QS.STAR);
- Năm 2021: Đạt chuẩn Quốc gia đại học theo định hướng ứng dụng.

Tiêu chí 1.1. Sứ mạng của trường đại học được xác định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, các nguồn lực và định hướng phát triển của Nhà trường; phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

1. Mô tả

Sứ mạng của Trường được khẳng định và tuyên bố rõ ràng trong “Chiến lược phát triển trường Đại học Thủ Dầu Một đến năm 2020” do UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt [H1.01.01.01] là: *“Đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao phục vụ cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Dương, vùng Đông Nam Bộ, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và cả nước; thực hiện nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ, cung ứng sản phẩm và dịch vụ cho thị trường”*. Sứ mạng mà Nhà trường tuyên bố phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được nêu trong Đề án thành lập trường năm 2008 [H1.01.01.02] và Quy chế tổ chức, hoạt động do UBND tỉnh Bình Dương ban hành [H1.01.01.03]. Với chức năng, nhiệm vụ chính mà Trường được giao như sau:

- Đào tạo đại học, sau đại học để phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh Bình Dương và cả nước;
- Nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ, cung ứng sản phẩm và dịch vụ cho thị trường, phục vụ phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Bình Dương, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và cả nước.

Quy trình xây dựng Chiến lược phát triển đến năm 2020, Trường thành lập tổ biên soạn, làm việc dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Đảng ủy và Ban Giám hiệu [H1.01.01.04]; tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các chuyên gia, đại diện các sở, ban ngành trong tỉnh [H1.01.01.05] và toàn thể cán bộ, viên chức [H1.01.01.06]; trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Sứ mạng Trường được xác định hoàn toàn phù hợp với mục tiêu được đặt ra trong Chiến lược phát triển giáo dục 2011 - 2020 và Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Đông Nam Bộ đến năm 2020 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt [H1.01.01.07]. Sứ mạng của Trường được xây dựng trên cơ sở Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương đến năm 2020 [H1.01.01.08] phù hợp với tinh thần Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh Bình Dương lần thứ IX nhiệm kỳ 2010 - 2015 là *“Phát triển mạnh mẽ lưới giáo dục đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp; mở rộng quy mô và nâng chất lượng đào tạo nhằm cải thiện chất lượng nguồn nhân lực theo yêu cầu xã hội ... Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao theo mục tiêu*

phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, gắn mục tiêu đào tạo của các trường đại học, cao đẳng, trung cấp dạy nghề trên địa bàn tỉnh với yêu cầu sử dụng của các doanh nghiệp... ”[H1.01.01.09].

Các chương trình, kế hoạch hoạt động hàng năm của Nhà trường được xây dựng và điều hành phù hợp với chiến lược, mục tiêu phát triển kinh tế xã hội địa phương, khu vực và cả nước. Điều đó được thể hiện ở chỗ, Nhà trường trở thành đơn vị giáo dục đào tạo đa ngành về đại học và sau đại học. Hiện tại, Trường có 26 ngành đại học, 9 ngành sau đại học [H1.01.01.10]. Các ngành đào tạo của Trường đáp ứng được nguồn nhân lực cho thị trường lao động. Trong đào tạo, Trường luôn phối hợp chặt chẽ với cơ quan, doanh nghiệp giúp người học tiếp cận được với môi trường làm việc trong tương lai [H1.01.01.11]. Trong lĩnh vực khoa học, Trường đã huy động được nguồn lực, thu hút được đội ngũ các nhà khoa học, tập trung nghiên cứu toàn diện về Đông Nam Bộ - Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và có những đóng góp tích cực cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương và trong khu vực [H1.01.01.12].

Để đảm bảo nguồn lực cho việc thực hiện sứ mạng, trong những năm qua, Trường đã chú trọng phát triển đội ngũ, sắp xếp cơ cấu tổ chức và phân cấp quản lý khoa học; đầu tư cơ sở vật chất để đảm bảo việc thực hiện sứ mạng một cách tốt nhất.

- Về bộ máy tổ chức: Cơ cấu bộ máy hợp lý với 14 khoa, 14 phòng ban, 10 trung tâm và 03 viện được quản trị theo hướng phân quyền, phân cấp cho các đơn vị [H1.01.01.13]; Trường luôn chú trọng phát triển đội ngũ bằng nhiều giải pháp như thực hiện chính sách thu hút, đào tạo nguồn nhân lực, đưa đội ngũ đi đào tạo trong và ngoài nước; tổ chức huấn luyện nâng cao năng lực cán bộ giảng viên [H1.01.01.14].

Hiện nay, Trường có đội ngũ cán bộ, giảng viên đạt chuẩn theo quy định của Bộ GD&ĐT với 635 giảng viên, trong đó có 01 Giáo sư, 15 Phó Giáo sư, 115 Tiến sĩ, 504 Thạc sĩ (NCS 97) [H1.01.01.15].

- Về cơ sở vật chất, nguồn lực, Trường có: 135 phòng học; 02 hội trường (250 chỗ và 450 chỗ), 35 phòng thí nghiệm, thực hành với diện tích là 7.756,68 m²; thư viện diện tích 990 m² được trang bị đầy đủ tài liệu và kết nối với nhiều thư viện lớn ngoài trường; sân bãi phục vụ thể dục thể thao, vườn học tập là 37.199,0 m² [H1.01.01.16]. Từ năm 2013 đến nay trung bình hàng năm ngân sách Nhà nước cấp cho Trường khoảng 122,920 tỷ đồng; nguồn thu từ học phí, lệ phí và hoạt động khác là khoảng 43,2 tỷ đồng [H1.01.01.17].

Quá trình thực hiện Chiến lược, Trường cũng đã tiến hành các hoạt động rà soát, đánh giá việc thực hiện sứ mạng [H1.01.01.18], xác định điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong giai đoạn tiếp theo, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội địa phương, đất nước. Trên cơ sở rà soát, ý kiến đóng góp của các bên liên quan, năm 2015, Trường đã điều chỉnh Chiến lược giai đoạn 2017-2020 phù hợp với “Qui hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến 2025, định hướng đến 2030” và Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ Bình Dương lần thứ X [H1.01.01.19]. Sứ mạng được điều chỉnh như sau: *“Đào tạo nhân lực có chất lượng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của tỉnh Bình Dương, miền Đông Nam Bộ - vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và trở thành trung tâm tư vấn nghiên cứu trong khu vực”* [H1.01.01.20].

“Sứ mạng” của nhà trường được phổ biến và quán triệt đến toàn thể viên chức, người lao động bằng văn bản, được thảo luận qua các cuộc họp tại đơn vị; được phổ biến đến người học trong tuần sinh hoạt công dân đầu năm, hoặc trong sổ tay sinh viên [H1.01.01.21]. Tuyên bố sứ mạng được in thành bảng cứng treo ở những vị trí trang trọng trong trường. Được đăng tải trên website, được phổ biến rộng rãi đến các thành phần liên quan trong và ngoài trường [H1.01.01.22].

2. Điểm mạnh

Sứ mạng được xây dựng cụ thể, phù hợp với chức năng nhiệm vụ của Trường gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Dương, Đông Nam bộ - vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và cả nước.

Sứ mạng được thể hiện rõ ràng, nhất quán trong chiến lược phát triển đến năm 2020 được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Chiến lược được triển khai thực hiện trên thực tế bằng những đề án, chương trình, kế hoạch cụ thể, được rà soát và điều chỉnh phù hợp với quá trình phát triển và hội nhập; được công bố rộng rãi trên Website với toàn xã hội, được triển khai tới toàn thể cán bộ, giảng viên và sinh viên.

3. Tồn tại:

Sứ mạng của Trường tuy đã được quan tâm phổ biến bằng nhiều hình thức, nhưng chưa thật sự thu hút được sự quan tâm, chú ý của các đối tượng bên ngoài Trường.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2017– 2018, Nhà trường tiếp tục tuyên truyền và phổ biến rộng rãi sứ mạng bằng nhiều hình thức khác nhau như: trên website, các phương tiện thông

tin đại chúng, báo chí, những điều cần biết, sổ tay sinh viên, tư vấn tuyển sinh hàng năm tại các cơ sở giáo dục để giảng viên, sinh viên và đặc biệt các bên liên quan nắm bắt cụ thể.

Năm 2017, Trường sẽ tiếp tục rà soát, bổ sung điều chỉnh sứ mạng, và ban hành các kế hoạch hoạt động thực hiện sứ mạng.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 1.2. Mục tiêu của trường đại học được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật Giáo dục và sứ mạng đã tuyên bố của nhà trường; được định kì rà soát, bổ sung, điều chỉnh và được triển khai thực hiện

1. Mô tả

Mục tiêu phát triển đến năm 2020 của Trường ĐHTDM là: *“Phát triển Trường Đại học Thủ Dầu Một theo định hướng ứng dụng - thực hành. Đến năm 2020 trở thành cơ sở đào tạo ngang tầm các đại học có uy tín trong nước, tiến tới tiếp cận chuẩn mực giáo dục đại học khu vực và thế giới. Trở thành trung tâm nghiên cứu khoa học, tư vấn chính sách, cung ứng dịch vụ về kinh tế, giáo dục, văn hóa, xã hội, kỹ thuật công nghệ của Bình Dương và các tỉnh miền Đông Nam Bộ.”* [H1.01.02.01]. Mục tiêu phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học trong Luật Giáo dục [H1.01.02.02], Luật Giáo dục đại học và Sứ mạng của Trường [H1.01.02.03].

Trong quá trình hoạt động, Trường luôn nhận được sự tư vấn góp ý từ các nhà khoa học, các chuyên gia đầu ngành, các trường đại học tiên tiến trong và ngoài nước về định hướng phát triển, mục tiêu đào tạo, nghiên cứu khoa học [H1.01.02.04].

Tiếp thu các ý kiến đóng góp của các bên liên quan, Nhà trường đã rà soát điều chỉnh mục tiêu chung của Trường như sau *“Phát triển theo mô hình đại học tiên tiến, xác lập uy tín trong nước và hội nhập. Người học có năng lực làm việc trong nước và nước ngoài.”*[H1.01.02.05].

Từ mục tiêu chung, Trường tiến hành xây dựng các mục tiêu cụ thể phù hợp với các tiêu chuẩn trong phân tầng đại học đối với các trường theo định hướng ứng dụng mà BG&ĐT đã ban hành [H1.01.02.06]. Đưa ra mốc thời gian phấn đấu đạt chuẩn chất lượng [H1.01.02.05]:

- Năm 2017: Đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục đại học quốc gia;
- Năm 2018: Là thành viên của tổ chức AUN và một số chương trình đào tạo đạt chuẩn AUN - QA;
- Năm 2020: Tiến hành đánh giá chất lượng theo chuẩn Quốc tế (QS.STAR);

- Năm 2021: Chuẩn Quốc gia đại học theo định hướng ứng dụng.

Để thực hiện sứ mạng và các mục tiêu đề ra, Nhà trường đã ban hành nhiều chương trình, đề án và kế hoạch thực hiện thuộc các lĩnh vực phát triển nguồn nhân lực, đảm bảo chất lượng, hoạt động khoa học công nghệ, NCKH về miền Đông Nam Bộ, thực hiện tự chủ; Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, kiện toàn tổ chức bộ máy [H1.01.02.07].

Mục tiêu còn nêu rõ trong Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng ban hành ngày 08/8/2014, cụ thể là: *“Đào tạo những người đạt trình độ đại học, cao đẳng có phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp, có ý thức phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân; nắm vững phương pháp luận và kiến thức cơ bản về chuyên ngành đào tạo, có kỹ năng thực hành và giải quyết những vấn đề liên quan đến các lĩnh vực chuyên môn và đời sống xã hội”* [H1.01.02.08].

Mục tiêu mà Nhà trường đề ra hoàn toàn phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học được nêu tại Khoản 1, Điều 39 Luật Giáo Dục là: *“đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp tương xứng với trình độ đào tạo, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”*. [H1.01.02.09]

Ngoài ra, mục tiêu còn được cụ thể hóa trong quy chế đào tạo bậc thạc sĩ mà Trường ban hành năm 2014: *“Đào tạo trình độ thạc sĩ: Giúp học viên nắm vững lý thuyết, có trình độ cao về thực hành, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc ngành, chuyên ngành được đào tạo. Bồi dưỡng sau đại học: Nhằm bổ sung và nâng cao kiến thức, năng lực chuyên môn ở trình độ thạc sĩ, giúp người học tích lũy các tín chỉ thuộc chương trình Sau đại học của từng chuyên đề cụ thể”* [H1.01.02.10]. Mục tiêu Trường công bố phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ thạc sĩ của Luật Giáo dục đại học và Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ do BGD&ĐT ban hành [H1.01.02.11].

Công tác định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh mục tiêu đào tạo

Mục tiêu đào tạo của trường được cụ thể hóa thành các Chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo [H1.01.02.12]. Kết quả thực hiện các CDR này được rà soát, đánh giá hàng năm bởi các bên liên quan bao gồm SV, cựu SV, doanh nghiệp thông qua các Phiếu khảo sát [H1.01.02.13]. Bên cạnh đó, giảng viên tham gia đóng góp ý kiến qua các cuộc họp rà soát, đánh giá chương trình đào tạo tại các Khoa/BM [H1.01.02.14].

Kết quả thực hiện mục tiêu đào tạo:

Tính đến năm 2016, sau 7 năm thành lập, Nhà trường đã chuyển đổi chương trình đào tạo từ niên chế sang học chế tín chỉ cho tất cả các chương trình đào tạo [H1.01.02.15]. Năm học 2013-2014, Trường xúc tiến xây dựng chương trình đào tạo theo định hướng CDIO và năm 2015 Trường được kết nạp là thành viên tổ chức CDIO Thế giới [H1.01.02.16]. Năm 2015- 2016 Trường hướng tới kết nối mạng lưới với các trường đại học Đông Nam Á (ASEAN University Network - AUN) và đang xây dựng hồ sơ đăng ký gia nhập tổ chức AUN, cam kết thực hiện mục tiêu đào tạo theo chuẩn của tổ chức này. Sau khi gia nhập tổ chức AUN, Trường dự kiến có 4 chương trình đào tạo đăng ký đánh giá cấp chương trình theo tiêu chuẩn AUN-QA (Ngôn ngữ Anh, Quản trị Kinh doanh, Hệ thống Thông tin, Kỹ thuật Phần mềm) [H1.01.02.17].

Để đạt được mục tiêu trở thành Trung tâm tư vấn nghiên cứu theo định hướng ứng dụng trong khu vực, Trường ban hành nhiều chương trình, đề án, kế hoạch nghiên cứu khoa học, để giải quyết các vấn đề về kinh tế-xã hội trong và ngoài tỉnh Bình Dương. Kết quả nghiên cứu hàng năm được Trường tổ chức tổng kết và ban hành báo cáo về hoạt động NCKH, đề ra phương hướng cho năm học tiếp theo [H1.01.02.18].

Cụ thể, năm 2015, Nhà trường tiến hành tổng kết, đánh giá hoạt động khoa học công nghệ trong giai đoạn từ 2011-2015 và đề ra nhiệm vụ giai đoạn 2016–2020 [H1.01.02.19]. Kết quả hoạt động khoa học của Nhà trường cũng đã được tổng kết, đánh giá trong Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ Trường nhiệm kỳ 2015-2020 [H1.01.02.20].

Từ những kết quả đạt được cho thấy mục tiêu của Nhà trường được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật Giáo dục và sứ mạng đã tuyên bố. Đây là yếu tố khách quan và đáng tin cậy khẳng định cho việc đạt được mục tiêu mà nhà trường đề ra.

2. Điểm mạnh

- Mục tiêu của trường được xác định rõ ràng phù hợp với Luật Giáo dục và sứ mạng của nhà trường.

- Mục tiêu đào tạo của trường được cụ thể hóa bằng các chuẩn đầu ra theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, CDIO, AUN-QA và được hiện thực hóa qua các chương trình đào tạo.

- Mục tiêu đào tạo luôn được rà soát, bổ sung và điều chỉnh theo định kì.

3. Tồn tại:

Trường Đại học Thủ Dầu Một mới thành lập năm 2009, đến năm 2014 mới có sinh viên ra trường nên các ý kiến đóng góp, đánh giá về mục tiêu, chương trình đào tạo chưa nhiều, đặc biệt là của cựu sinh viên.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2017-2018, Trường tiếp tục khảo sát lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan về mục tiêu đào tạo và chương trình đào tạo, đặc biệt là ý kiến từ các chuyên gia, nhà khoa học, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng để bổ sung, thay đổi chương trình, mục tiêu đào tạo theo hướng đáp ứng yêu cầu thực tiễn và hội nhập.

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Sứ mạng, mục tiêu của Nhà trường được xây dựng trên đường lối, chủ trương chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về phát triển Kinh tế - Xã hội, phát triển giáo dục và đào tạo; phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Bình Dương, Đông Nam bộ - Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của trường đại học.

Trường đã xác định rõ ràng sứ mạng và mục tiêu trên cơ sở chức năng nhiệm vụ đã được Bộ GD&ĐT giao cho. Ngoài ra, sứ mạng và mục tiêu của Trường còn được xác định từ việc phân tích, đánh giá các nguồn lực hiện có, từ định hướng phát triển KT-XH, nhu cầu về nguồn nhân lực của địa phương, khu vực và cả nước. Hàng năm, các mục tiêu của Trường được bổ sung, điều chỉnh nhằm phù hợp với yêu cầu của tình hình thực tiễn về phát triển các nguồn lực đáp ứng các yêu cầu về đào tạo, NCKH. Trong thời gian tới, Nhà trường tích cực bổ sung lực lượng CB giảng viên có năng lực; tăng cường CSVC và kinh phí cho đào tạo và NCKH để Trường xứng tầm là một trường đại học, một cơ sở đào tạo có uy tín trong khu vực.

Tiêu chuẩn 1 gồm có: 2 tiêu chí đạt 2/2.

Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và quản lí

Mở đầu

Trường Đại học Thủ Dầu Một được tổ chức, hoạt động theo quy định của Luật Giáo dục và Điều lệ trường đại học. Với bộ máy quản lý gọn nhẹ, Trường đã tạo được sự gắn kết chặt chẽ giữa các đơn vị thành một thể thống nhất đảm bảo hiệu quả quản lí tốt.

Trong những năm qua, Trường đã chú trọng kiện toàn công tác tổ chức và quản lí để phù hợp với qui định của Nhà nước và đặc thù của Trường. Quy chế dân chủ được Trường phát huy tốt. Mọi quy định của Trường trước khi được áp dụng đều lấy ý kiến của CBVC. Trách nhiệm và quyền hạn của mỗi cá nhân và các đơn vị trong Trường được phân định rõ ràng, làm cơ sở cho việc thực hiện kế hoạch chung, tạo sự phát triển ổn định lâu dài. Việc xây dựng và thực hiện kế hoạch chiến lược của Trường gắn kết chặt chẽ với nhiệm vụ của ngành GD&ĐT, phù hợp với tình hình KT-XH của tỉnh Bình Dương nói riêng và cả nước nói chung.

Theo qui định của Bộ GD&ĐT, ngày 30 tháng 03 năm 2010 Trường thành lập Phòng Khảo thí và ĐBCL và sau đó ngày 01 tháng 08 năm 2014 đổi tên thành Phòng ĐBCL. Phòng có nhiệm vụ tư vấn cho Ban Giám hiệu và hỗ trợ cho các đơn vị rà soát, đánh giá và cải tiến chất lượng liên tục theo qui trình ĐBCL của Bộ GD&ĐT tổng hợp thành Mô hình ĐBCL bên trong áp dụng cho các CTĐT của Nhà trường.

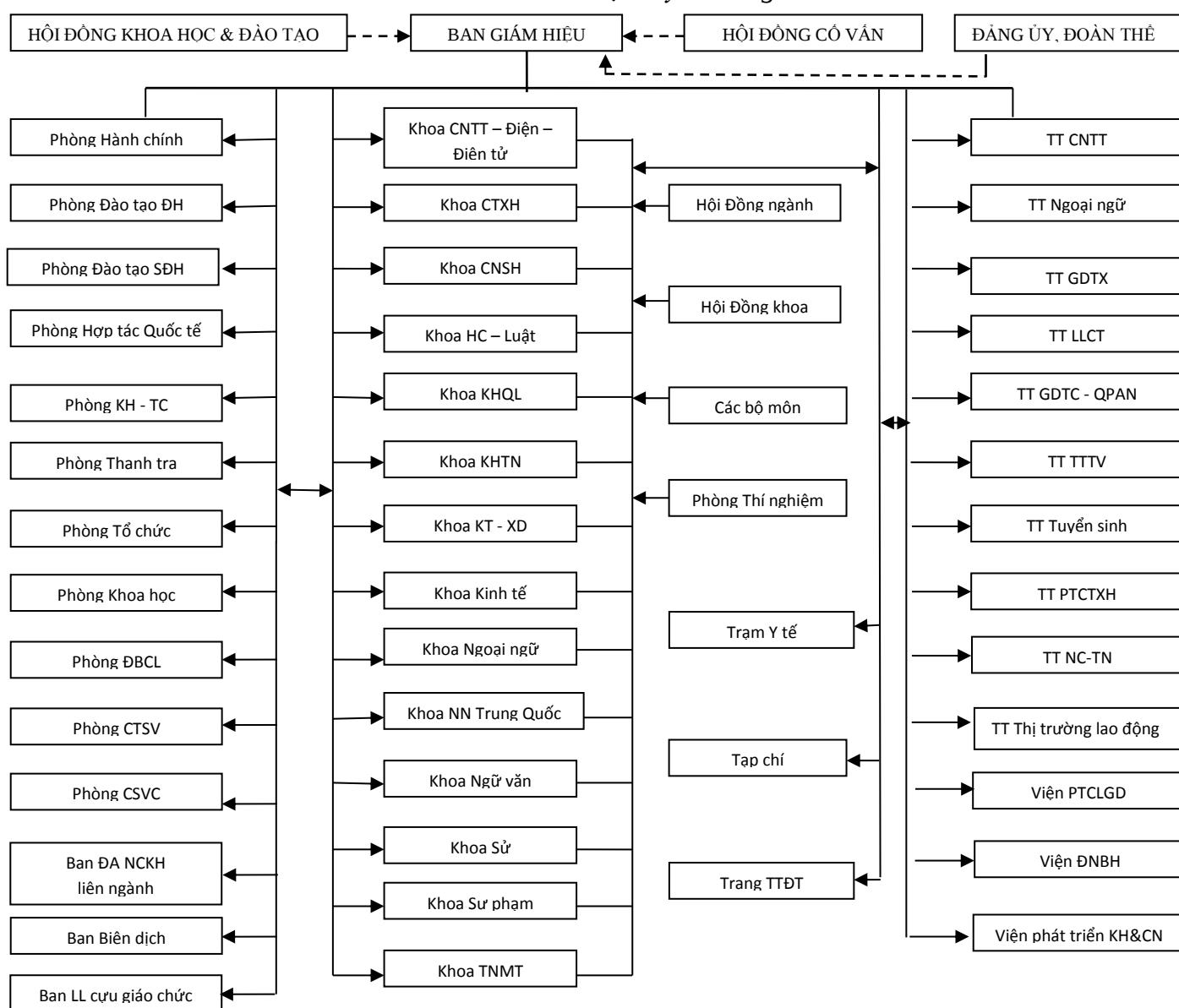
Đảng bộ và các tổ chức đoàn thể trong trường hoạt động hiệu quả đúng theo qui định của pháp luật. Tổ chức Đảng phát triển vững mạnh, trong sạch, luôn tiên phong trong chỉ đạo, đề xuất, định hướng đúng đắn cho mọi hoạt động của Trường, từ Đảng bộ đến các chi bộ. Công đoàn thường xuyên tổ chức các buổi sinh hoạt văn hóa, tinh thần; phát triển ngày càng vững chắc tình đoàn kết, tương thân, tương ái trong tập thể cán bộ viên chức cũng như thực hiện tốt những hoạt động từ thiện ngoài xã hội. Đoàn Thanh niên hoạt động tích cực và hiệu quả, tổ chức tốt các sinh hoạt ngoại khóa cho SV học tập và phát huy truyền thống dân tộc, trách nhiệm xã hội, đạt được nhiều thành tích và khen thưởng từ cấp trên.

Tiêu chí 2.1. Cơ cấu tổ chức của trường đại học được thực hiện theo quy định của Điều lệ trường đại học và các quy định khác của pháp luật có liên quan, được cụ thể hóa trong quy chế về tổ chức và hoạt động của nhà trường.

1. Mô tả

Cơ cấu tổ chức của Trường được thực hiện theo quy định Điều lệ trường đại học đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22/9/2010, nay là Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 và được cụ thể hóa theo Quy chế tổ chức và hoạt động do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương phê duyệt theo Quyết định số 72/2009/QĐ-UBND ngày 23/10/2009 [H2.02.01.01].

Sơ đồ tổ chức bộ máy Trường



Sau khi thành lập Trường, UBND tỉnh Bình Dương đã có văn bản chỉ định các chức danh trong Hội đồng Trường [H2.02.01.02]. Tuy nhiên, chưa có thông tư hướng dẫn cụ thể về việc thành lập Hội đồng Trường. Vì vậy, Nhà trường chủ trương thành lập Hội đồng cố vấn với các chức năng và nhiệm vụ như Hội đồng Trường để điều hành hoạt động của Trường [H2.02.01.03].

Trên cơ sở đó, Nhà trường xây dựng bộ máy quản lý bao gồm Ban Giám hiệu, Hội đồng cố vấn, Hội đồng KH&ĐT và các Hội đồng ngành [H2.02.01.04], [H2.02.01.05], 14 phòng, ban chức năng [H2.02.01.06], 14 khoa, trong đó có Hội đồng khoa và các bộ môn thuộc khoa [H2.02.01.07], [H2.02.01.08], [H2.02.01.09], 10 trung tâm và 03 viện, tổ chức đảng và đoàn thể [H2.02.01.10]. Các đơn vị tự chịu trách nhiệm về hoạt động của đơn vị mình theo phân cấp của Hiệu trưởng.

Việc phân quyền cho các đơn vị trong Trường rõ ràng, cụ thể, gọn nhẹ, khoa học. Vì thế, bộ máy tổ chức của Trường luôn được phát huy có hiệu quả đáp ứng được nhu cầu hội nhập và phát triển của Nhà trường.

Việc bổ nhiệm cán bộ được thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT. Các qui trình thủ tục góp ý về việc bổ nhiệm cán bộ đều được lấy ý kiến bằng việc bỏ phiếu tín nhiệm một cách nghiêm túc.

Ban Giám hiệu của Trường gồm 4 người: Hiệu trưởng và 03 Phó Hiệu trưởng do UBND tỉnh Bình Dương bổ nhiệm [H2.02.01.11].

Về việc bổ nhiệm Ban chủ nhiệm Khoa và tổ Bộ môn được thực hiện theo Điều lệ trường đại học.

Trường có nhiều đợt cải tiến về cơ cấu tổ chức để phù hợp với tình hình thực tế nhằm đạt hiệu quả cao hơn. Cụ thể vào tháng 10 năm 2016 trường quyết định tách phòng Đào tạo thành 02 phòng nhằm quản lý tốt công tác đào tạo đối với hai mảng riêng biệt là Đại học và Sau đại học, ... Mỗi khi có sự điều chỉnh, cải tiến về cơ cấu tổ chức, Hiệu trưởng ký quyết định ban hành theo quy định gửi đến các đơn vị để cập nhật kịp thời [H2.02.01.12].

2. Điểm mạnh

Trường có cơ cấu tổ chức đúng theo các qui định của Điều lệ trường đại học và qui định của cơ quan chủ quản là UBND tỉnh Bình Dương. Qui trình bổ nhiệm được thực hiện đầy đủ và nghiêm túc theo đúng qui định. Đội ngũ CBQL thỏa mãn các tiêu chuẩn bổ nhiệm.

Trường đã có đầy đủ các Quy chế về tổ chức và hoạt động, Bảng mô tả công việc và Bộ qui trình làm việc được áp dụng nghiêm túc, hiệu quả vào việc vận hành Nhà trường.

3. Tồn tại:

Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường đang được rà soát, điều chỉnh và bổ sung.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2016-2017, Trường sẽ hoàn thiện Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường; tiếp tục nghiên cứu sắp xếp cơ cấu bộ máy tổ chức của các đơn vị phù hợp với tình hình phát triển của Nhà trường đáp ứng nhu cầu xã hội.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 2.2. Có hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý một cách có hiệu quả các hoạt động của trường

1. Mô tả

Nhà trường có đủ hệ thống các văn bản để tổ chức, quản lý một cách có hiệu quả các hoạt động của Trường như: tổ chức cán bộ, đào tạo, tài chính, nghiên cứu khoa học... Hệ thống văn bản này bao gồm văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan cấp trên như: luật, pháp lệnh, nghị định, thông tư, quy định, quyết định của Nhà nước, Bộ GD&ĐT, UBND Tỉnh Bình Dương và văn bản do Nhà trường ban hành. Các văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan cấp trên luôn được Nhà trường cập nhật đầy đủ và thực hiện nghiêm túc. Căn cứ các văn bản này, tùy từng lĩnh vực, mục tiêu cụ thể, Nhà trường ban hành các văn bản để cụ thể hóa và triển khai các hoạt động quản lý và điều hành của Trường.

Về hệ thống văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của Trường, các đơn vị trực thuộc Trường, từng vị trí việc làm của mỗi cá nhân: Nhà trường có Quy chế tổ chức và hoạt động [H2.02.02.01], Quy chế làm việc của Trường ĐH TDM [H2.02.02.02]. Trên cơ sở các quy chế này, nhà trường đã ban hành quy chế làm việc của các đơn vị trực thuộc [H2.02.02.03].

Về hệ thống văn bản kế hoạch tài chính: Nhà trường đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ theo văn bản của Bộ tài chính nên việc chi tiêu phúc lợi, phụ cấp đối với CBVC đảm bảo công bằng, khách quan, minh bạch [H2.02.02.04].

Về công tác đào tạo: Nhà trường có đầy đủ hệ thống văn bản pháp quy của Nhà nước; Bộ GD&ĐT qui định, hướng dẫn công tác đào tạo. Các qui định này luôn được

áp dụng nghiêm túc. Căn cứ các văn bản hướng dẫn trên, Trường đã ban hành hệ thống văn bản điều hành, quản lý trong công tác như: Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ; Quy định chuẩn đầu ra các ngành đào tạo trình độ đại học, cao đẳng; Quy định về việc thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ; Quy định CDR tiếng Anh; CDR tin học cho SV hệ chính quy đào tạo theo học chế tín chỉ; Quy định về thực tập sư phạm cuối khóa; Quản lý đào tạo thạc sĩ; Chương trình khung và chương trình giáo dục của các ngành, chuyên ngành và các Quy định liên quan đến công tác đào tạo [H2.02.02.05]

Hệ thống văn bản qui định về công tác tổ chức: Nhà trường ban hành đầy đủ hệ thống văn bản về việc hướng dẫn công tác tổ chức, quản lý, thực hiện chế độ đối với cán bộ, viên chức trong cơ quan hành chính sự nghiệp như: Quy trình nghiệp vụ về công tác tổ chức [H2.02.02.06]; Quy định về công tác thi đua, khen thưởng [H2.02.02.07]; Quy chế đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, viên chức [H2.02.02.08]; Quy chế đánh giá, xếp loại giảng viên và viên chức hành chính, nhân viên phục vụ trong toàn Trường [H2.02.02.09]; Quy chế giảng viên [H2.02.02.10]; Quy định về chế độ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và nghỉ việc riêng [H2.02.02.11]; Các văn bản về cơ cấu tổ chức và hoạt động của các tổ chức Đảng, Đoàn thể Nhà trường [H2.02.02.12]. Các qui định này luôn được Trường áp dụng nghiêm túc.

Về công tác sinh viên: Trường phát hành Sổ tay sinh viên và sổ Công tác chủ nhiệm lớp, văn bản hướng dẫn về việc thực hiện chế độ học phí, học bổng, thi đua, khen thưởng, nội quy, quy chế.... đến tận tay sinh viên và được đưa lên website của Trường tại địa chỉ <http://www.tdmu.edu.vn>. [H2.02.02.13].

Về hoạt động khoa học và công nghệ: Nhà trường đã ban hành Quy chế hoạt động KHCN; quy định về hoạt động KHCN và đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường, áp dụng đối với các đơn vị trực thuộc Trường, các cá nhân, nhóm có đề tài được phê duyệt hoặc được giao nhiệm vụ KHCN [H2.02.02.14].

Về hoạt động hợp tác quốc tế: Nhà trường đã ban hành Quy trình Hợp tác quốc tế để hướng dẫn các đối tượng và các cá nhân có liên quan trong lĩnh vực hợp tác quốc tế [H2.02.02.15].

Về tin học hóa công tác hành chính: Nhằm đảm bảo tính bảo mật, chính xác cho công tác quản lý nhân sự, năm 2014 Nhà trường đã áp dụng phần mềm hỗ trợ nghiệp vụ công tác tổ chức (do Ths. Nguyễn Tấn Lộc, giảng viên khoa CNTT- Điện- Điện tử thiết kế) bao gồm các nội dung: Tuyển dụng, thỉnh giảng; đào tạo, bồi dưỡng;

các thủ tục cử GV đi đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước; quản lý nhân sự; thi đua khen thưởng; báo cáo thống kê. Ngoài ra, trong công tác văn thư lưu trữ, Nhà trường cũng đã áp dụng phần mềm quản lý văn bản do Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bình Dương hướng dẫn và cài đặt [H2.02.02.16].

Những qui định trong nội bộ đều được thảo luận, góp ý trước khi ban hành và phổ biến rộng rãi đến toàn thể cán bộ viên chức của Trường trên các kênh thông tin website của khoa, của Trường [H2.02.02.17].

Đối với hoạt động phổ biến thông tin, Nhà trường đã triển khai việc phát hành văn bản thông qua email để nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý. Việc phát hành văn bản thông qua email kết hợp với đưa thông tin lên website đã giúp các thông tin của Trường được phổ biến kịp thời, nhanh chóng và chính xác [H2.02.02.18].

Cuối mỗi năm học, Trường thực hiện báo cáo tổng kết năm học để đánh giá lại hiệu quả các mặt hoạt động của Trường, các công việc đã thực hiện và đề ra phương hướng nhiệm vụ cho năm học mới [H2.02.02.19].

2. Điểm mạnh

Trường có hệ thống văn bản quy định rõ ràng, cụ thể làm căn cứ để điều hành hoạt động được thông suốt, đúng quy định.

3. Tồn tại

Công tác quản lý văn bản chưa được tin học hóa 100%.

4. Kế hoạch hành động

Giai đoạn 2017-2020 Trường sẽ đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý bộ máy của Trường: Tin học hóa 100%; các phòng ban chức năng đều sử dụng phần mềm chuyên biệt trong công tác quản lý.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 2.3. Chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được phân định rõ ràng

1. Mô tả

Trách nhiệm và quyền hạn của tập thể lãnh đạo, các đơn vị, cá nhân đều được thể hiện thông qua các quy chế hoạt động của Nhà trường [H2.02.03.01]. Quy chế tổ chức và hoạt động, Đề án xác định vị trí việc làm của Trường [H2.02.03.02] quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Hội đồng Khoa học và Đào tạo, lãnh đạo các đơn vị.

Hiệu trưởng chịu trách nhiệm trước Bộ GD&ĐT, UBND tỉnh về mọi hoạt động trong Trường. Các Phó Hiệu trưởng giúp việc cho Hiệu trưởng điều hành một số lĩnh vực công tác, chịu trách nhiệm về các quyết định trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng [H2.02.03.03]. Các Phó Hiệu trưởng, Trưởng phòng Đào tạo, Tổ chức, Công tác sinh viên, Kế hoạch-Tài chính, Tổng biên tập Tạp chí ĐHTDM, Trưởng Ban biên tập thông tin được Hiệu trưởng ủy quyền ký và chịu trách nhiệm các văn bản liên quan đến lĩnh vực phụ trách [H2.02.03.04].

Nhiệm vụ của giảng viên được thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT [H2.02.03.05] và quy chế giảng viên của Trường [H2.02.03.06]. Các quyền lợi và nghĩa vụ của cán bộ hợp đồng được thể hiện rõ trong các hợp đồng lao động [H2.02.03.07].

Các hoạt động của Trường đều được lập kế hoạch và có sự phê duyệt của Lãnh đạo trước khi thực hiện [H2.02.03.08].

Việc phân định trách nhiệm và quyền hạn của tập thể lãnh đạo và cá nhân đã có tác dụng tạo điều kiện thuận lợi trong triển khai các hoạt động và hỗ trợ tích cực cho công tác quản lý điều hành mọi hoạt động của Nhà trường.

2. Điểm mạnh

Chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của từng đơn vị, vị trí công tác đều có văn bản quy định và hướng dẫn rõ ràng; được công bố rộng rãi đến các đơn vị và cá nhân.

3. Tồn tại

Việc phối hợp công tác giữa một số đơn vị đôi lúc còn chậm trễ trong quá trình xử lý công việc.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2017-2018, Trường sẽ tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện phối hợp hoạt động của các đơn vị nhằm giải quyết nhanh chóng, gọn nhẹ và hiệu quả các công việc đề ra.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 2.4. Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể trong trường đại học hoạt động hiệu quả và hằng năm được đánh giá tốt; các hoạt động của tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể được thực hiện theo quy định của pháp luật

1. Mô tả

Nhà trường có tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể gồm: Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, Hội Cựu sinh viên, Ban Liên lạc Cựu giáo chức.

Hoạt động của tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể của Trường được thực hiện theo quy định của Pháp luật. Đảng bộ thực hiện chức năng lãnh đạo theo Điều lệ Đảng và các Quy định của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Các tổ chức đoàn thể hoạt động theo đúng quy định của Hiến pháp, Pháp luật; Điều lệ trường đại học và Điều lệ của tổ chức, đoàn thể. Tất cả các tổ chức đoàn thể đã phát huy trách nhiệm cùng Nhà trường thực hiện tốt mục tiêu giáo dục.

Cơ cấu tổ chức Đảng gồm Ban Chấp hành Đảng bộ Trường (15 đồng chí) và các chi bộ trực thuộc, hoạt động của đảng bộ theo quy chế làm việc do Ban chấp hành ban hành [H2.02.04.01]. Hoạt động của Ban chấp hành Đảng bộ và các chi bộ được duy trì đều đặn, luôn được đổi mới nội dung và cách thức sinh hoạt (thông tin họp chi bộ tại website Trường <http://danguy.tdmu.edu.vn/category/hop-chi-bo>). Đảng bộ luôn chú trọng tăng cường công tác quản lý, nâng cao chất lượng đảng viên và đẩy mạnh công tác phát triển Đảng. Trong nhiệm kỳ 2010-2015, Đảng bộ đã có 827 quần chúng ưu tú được tham dự lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng, kết nạp 105 đảng viên mới (trong đó có 53 cán bộ, giảng viên và 52 sinh viên), vượt 5% chỉ tiêu so với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2010-2015 đề ra [H2.02.04.02]. Hàng năm, Đảng bộ Trường đều nhận được bằng khen, giấy khen của tổ chức Đảng cấp trên.[H2.02.04.03]

Ban Chấp hành Công đoàn Trường gồm có 15 ủy viên do Đại hội Đại biểu Công đoàn Trường bầu ra và được sự chuẩn y của Công đoàn cấp trên, hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành [H2.02.04.04]. Dưới sự lãnh đạo sâu sát của Đảng bộ Trường, Công đoàn đã tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết của Công đoàn cấp trên, tổ chức nhiều hoạt động phong trào thiết thực, chăm lo đời sống và bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của người lao động như: phong trào thi đua “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”, Giỏi việc trường, đảm việc nhà”, “Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc”, cuộc vận động “Dân chủ - Kỷ cương – Tình thương – Trách nhiệm”, tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho cha mẹ CBVC nhân Ngày Người cao tuổi 01/10, tổ chức thăm hỏi các gia đình cán bộ viên chức thuộc diện chính sách nhân Ngày Thương binh Liệt sỹ 27/7, vận động công đoàn viên tham gia hiến máu tình nguyện đạt chỉ tiêu đề ra. Ngoài ra, Công đoàn còn tổ chức các phong trào đền ơn, đáp nghĩa, nhân đạo, từ thiện,... thu hút được nhiều

công đoàn viên tham gia [H2.02.04.05]. Hàng năm, Công đoàn Trường nhận được nhiều bằng khen, giấy khen của Liên đoàn Lao động tỉnh [H2.02.04.06].

Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên Trường hoạt động theo Điều lệ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Mỗi năm, Đoàn Thanh niên đều xây dựng chương trình công tác Đoàn và các phong trào hoạt động cụ thể. Trong đó có nhiều hoạt động tích cực, sôi nổi, bổ ích như: Chiến dịch Tình nguyện Mùa hè xanh, Tiếp sức mùa thi, Hưởng ứng Tháng Thanh niên, Hiến máu nhân đạo, Tổ chức tặng quà cho sinh viên không có điều kiện về quê đón Tết,... đã thu hút mạnh mẽ sự tham gia của đoàn viên thanh niên, góp phần giáo dục và rèn luyện cho sinh viên về lý tưởng, nhận thức chính trị, có đời sống văn hóa lành mạnh, tích cực, có động cơ học tập tốt; góp phần thực hiện tốt mục tiêu giáo dục và đào tạo của Trường [H2.02.04.07]. Thành tích của Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên đã được ghi nhận, biểu dương, khen thưởng [H2.02.04.08].

Tổ chức Đảng và các đoàn thể của Trường luôn phối hợp chặt chẽ với nhau trong các hoạt động, tạo nên sức mạnh tập thể thực hiện thành công nhiệm vụ chung của Nhà trường [H2.02.04.09].

2. Điểm mạnh

Đảng bộ luôn thể hiện được vai trò then chốt trong lãnh đạo các hoạt động giáo dục của Nhà trường. Tổ chức Đảng và các đoàn thể luôn là một thể thống nhất, phối hợp nhịp nhàng trong các mặt hoạt động của Nhà trường.

3. Tồn tại

Công tác vận động tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng cho đảng viên, quần chúng ở một vài chi bộ chưa thật sự đổi mới, sáng tạo.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2017-2018, Đảng bộ Trường quan tâm chỉ đạo để công tác vận động tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng cho đảng viên, quần chúng ở tất cả các chi bộ được đổi mới, sáng tạo hơn nữa, đạt hiệu quả cao hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 2.5: Có tổ chức đảm bảo chất lượng giáo dục đại học, bao gồm trung tâm hoặc bộ phận chuyên trách; có đội ngũ cán bộ có năng lực để triển khai các hoạt động đánh giá nhằm duy trì, nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

1. Mô tả

Thực hiện Chỉ thị số 53/2007/CT-BGD-ĐT ngày 07/9/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà trường đã thành lập *Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng*

theo Quyết định số 340/QĐ-ĐHTDM do Hiệu trưởng Trường ĐHTDM ký ban hành ngày 30/3/2010, là đơn vị quản lý chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Hiệu trưởng. Năm 2013 đổi tên *Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng*. Năm 2014, đổi tên thành *Phòng Đảm bảo chất lượng* [H2.02.05.01].

Về nguồn nhân lực: Phòng ĐBCL gồm có một trưởng phòng và ba chuyên viên. Đội ngũ cán bộ phòng ĐBCL có kinh nghiệm làm việc nhiều năm trong ngành giáo dục và đều được tập huấn về công tác ĐBCL, trong đó, 02 cán bộ có chứng chỉ kiểm định viên, 01 chuyên viên tốt nghiệp ĐH và ThS ở nước ngoài giao tiếp tốt bằng tiếng Anh [H2.02.05.02].

Phòng ĐBCL cũng đã tham mưu cho BGH thành lập các Tổ ĐBCL ở các khoa: mỗi khoa 9-11 người. Trong đó, Tổ trưởng là trưởng hoặc phó khoa, các thành viên là trưởng, phó bộ môn. Tổ ĐBCL được Trường cử đi tập huấn về công tác ĐBCL do ĐHQG TP.HCM tổ chức hoặc Nhà trường mời các chuyên gia ĐBCL về tập huấn. Hiện nay, Khoa có 2 cán bộ được cử đi học lớp Kiểm định viên KĐCL GD ĐH&CD [H2.02.05.03].

Trường đã cử 04 cán bộ ở các khoa sang Thái Lan để tập huấn về kiểm định chất lượng theo AUN và cử nhiều lượt cán bộ đi tập huấn, hội thảo về đảm bảo chất lượng để nâng cao năng lực, triển khai các hoạt động đánh giá, đảm bảo chất lượng của Trường [H2.02.05.04].

Về chức năng của phòng ĐBCL.

- Tham mưu đề xuất Lãnh đạo Trường ban hành các văn bản quy định và hướng dẫn toàn bộ hoạt động ĐBCL bên trong của Trường [H2.02.05.05].

- Hướng dẫn, tư vấn, theo dõi và kiểm tra việc tổ chức thực hiện các hoạt động đảm bảo chất lượng tại tất cả các đơn vị trực thuộc Trường [H2.02.05.06];

- Chủ trì việc tổ chức triển khai cũng như theo dõi tiến độ và kết quả của việc thực hiện công tác tự đánh giá trong phạm vi toàn Trường, đánh giá chương trình đào tạo theo Bộ Tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đánh giá ngoài để kiểm định chất lượng cấp Nhà nước [H2.02.05.07].;

- Xây dựng sổ tay đảm bảo chất lượng (bao gồm: quy trình ĐBCL và bảng biểu, phiếu khảo sát, bảng biểu thống kê,...) [H2.02.05.08];

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, các khóa tập huấn cho cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên trong toàn Trường về công tác đảm bảo chất lượng, tự đánh giá và đánh giá ngoài [H2.02.05.09];

- Xây dựng và tuyên truyền về văn hóa chất lượng cũng như hiệu quả của các hoạt động đảm bảo chất lượng để các đơn vị, cá nhân trong và ngoài Trường biết nhằm nâng cao nhận thức chung về công tác đảm bảo chất lượng, khẳng định vị thế của Trường trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam và cho phép tiếp tục đào tạo và mở rộng đào tạo.

Trang web giới thiệu phòng ĐBCL: <http://www.thudaumot.edu.vn/don-vi-truc-thuoc/phong-dam-bao-chat-luong/gioi-thieu-3/gioi-thieu-phong-dam-bao-chat-luong>

Nhà trường đã ban hành Đề án Đảm bảo chất lượng giai đoạn 2013 – 2020, thành lập các bộ phận thực hiện gồm: Hội đồng Tự đánh giá, Ban Thư ký và nhóm công tác chuyên trách tự đánh giá Trường theo Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng mà Bộ GD&ĐT đã ban hành. Ngoài ra, hàng năm Nhà trường đều xây dựng Kế hoạch đảm bảo chất lượng và cuối năm tổ chức họp đánh giá thực hiện Kế hoạch đảm bảo chất lượng và đề xuất kế hoạch cho năm tiếp theo [H2.02.05.10].

Từ năm 2013 đến nay, Phòng ĐBCL là đầu mối triển khai tự đánh giá CTĐT cho các ngành: Sư phạm Văn, Sư phạm Lịch sử, Sư phạm Tiểu học, Quản trị kinh doanh, Ngôn ngữ Anh, Hệ thống thông tin [H2.02.05.11]. Theo kế hoạch đến năm 2018, Nhà trường tiến hành đánh giá ngoài 04 CTĐT theo bộ tiêu chuẩn AUN-QA [H2.02.05.12].

Năm 2014, Trường hoàn thành báo cáo tự đánh giá cấp trường và đến tháng 3 năm 2015 được BGD&ĐT chấp nhận hoàn thành việc đánh giá trong [H2.02.05.13].

Năm 2014 - 2016, Phòng ĐBCL triển khai kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên và các hoạt động khác của Nhà trường. Sau mỗi đợt khảo sát phòng tiến hành xử lý thông tin báo cáo với BGH để có căn cứ đưa ra các biện pháp cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo. Hình thức khảo sát bằng phiếu hoặc bằng trực tuyến [H2.02.05.14].

Ngoài ra, Phòng ĐBCL còn phối hợp với các phòng ban chức năng tổ chức gặp mặt các bên liên quan lấy ý kiến phản hồi đánh giá về CTĐT, chất lượng đào tạo của Nhà trường [H2.02.05.15]. Thông qua các ý kiến của các bên liên quan, Nhà trường đã triển khai thực hiện các kế hoạch để khắc phục những tồn tại, đồng thời phát huy các thế mạnh của Nhà trường hiện có. Phòng còn phối hợp với Phòng Thanh tra luôn tổ chức thực hiện các hoạt động thanh tra định kỳ, thanh tra các kỳ thi tốt nghiệp, kỳ thi tuyển sinh và giám sát các hoạt động dạy và học của Trường [H2.02.05.16].

2. Điểm mạnh

Trường đã có bộ phận chuyên trách làm công tác đảm bảo chất lượng. Đội ngũ cán bộ được đào tạo bài bản, có trách nhiệm và nhiệt tình trong công tác.

Phối hợp tốt với các đơn vị trong Nhà trường thực hiện các hoạt động đảm bảo chất lượng.

3. Tồn tại

Phòng ĐBCL chưa có nhiều cơ hội được tham gia tập huấn, bồi dưỡng ở nước ngoài để nâng cao hơn nữa hiệu quả cho việc thực hiện ĐBCL theo các tiêu chuẩn quốc tế.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2018-2019, Phòng ĐBCL hoàn tất đề án Hệ thống ĐBCL theo tiêu chuẩn AUN-QA của Trường. Hoàn thành thủ tục để được công nhận là thành viên của tổ chức AUN. Đề xuất Lãnh đạo Trường tiếp tục cử cán bộ đi học các lớp kiểm định viên ở các trung tâm trong và ngoài nước.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 2.6. Có các chiến lược và kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, dài hạn phù hợp với định hướng phát triển và sứ mạng của trường; có chính sách và biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện các kế hoạch của trường

1. Mô tả

Với mục tiêu trở thành trường đại học phát triển theo định hướng ứng dụng và thực hiện sứ mạng “Đào tạo nhân lực có chất lượng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của tỉnh Bình Dương, miền Đông Nam Bộ - vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và trở thành trung tâm tư vấn nghiên cứu trong khu vực”, Trường ĐHTDM đã có các chiến lược và kế hoạch thực hiện phù hợp với định hướng phát triển và sứ mạng của Trường, cụ thể như sau:

Về kế hoạch phát triển ngắn hạn: Hàng năm, cùng với việc báo cáo tổng kết năm học [H2.02.06.01], Nhà trường đều xây dựng các kế hoạch phát triển ngắn hạn thông qua các văn bản chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ năm học phù hợp với mục tiêu phát triển của Trường [H2.02.06.02] [H2.02.06.03]. Kế hoạch ngắn hạn xác định rõ các nhiệm vụ trọng tâm của năm học mới, phát huy những kết quả đạt được ở năm học trước và từng bước tạo cơ sở thực hiện chiến lược trung hạn, dài hạn của Trường.

Giai đoạn từ năm 2009-2014, Trường phát triển theo mô hình đào tạo đại học đa ngành, đa lĩnh vực. Để nâng cao chất lượng đào tạo, Trường xác định đổi mới phương

pháp dạy học theo hướng “*Phát huy tính tích cực, chủ động của người học*”; xây dựng lại chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ, thống nhất lại thời lượng đào tạo, số lượng tín chỉ, ưu tiên thời gian rèn luyện kỹ năng, thực hành [H2.02.06.04]; phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động đào tạo; mở rộng quy mô ngành đào tạo đáp ứng yêu cầu “*đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương*”; hoàn thiện hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục đại học, tăng cường kiểm tra đánh giá, lấy ý kiến phản hồi từ người học [H2.02.06.05]. Mặt khác, Nhà trường luôn quan tâm đến việc nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, đầu tư cơ sở vật chất, chú trọng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ viên chức, như tăng tiền thừa giờ, tiền nghiên cứu khoa học, tăng tiền phúc lợi, tăng kinh phí tổ chức tham quan, du lịch [H2.02.06.06].

Về chiến lược và kế hoạch phát triển trung hạn: Nhà trường xây dựng chiến lược phát triển trung hạn đến năm 2020 nhằm định hướng phát triển trong từng giai đoạn cho phù hợp với mục tiêu, sứ mạng mà Nhà trường đã công bố [H2.02.06.07]. Chiến lược trung hạn của Trường bao gồm các chương trình lớn như sau:

- + Nâng cao chất lượng đào tạo: Tập trung rà soát và điều chỉnh chương trình đào tạo theo hướng cập nhật các chương trình đào tạo tiên tiến, chú trọng đào tạo năng lực nghề nghiệp, năng lực ngoại ngữ và kỹ năng xã hội, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động. Xác định và xây dựng chương trình đào tạo các ngành theo định hướng ứng dụng chất lượng cao [H2.02.06.08].

- + Nghiên cứu khoa học: Đẩy mạnh hoạt động NCKH trong đội ngũ giảng viên và sinh viên; tập trung thực hiện đề án nghiên cứu khoa học về Bình Dương, Đông Nam Bộ; đầu tư sở vật chất phục vụ NCKH, ứng dụng và chuyển giao khoa học kỹ thuật, đầu tư cho thư viện [H2.02.06.09]. Nội dung chiến lược phát triển trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học của Trường phù hợp với sứ mạng “*trở thành trung tâm tư vấn nghiên cứu trong khu vực*”.

- + Đảm bảo chất lượng: Tổ chức kiểm tra đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT, AUN để phấn đấu đạt chuẩn quốc gia, chuẩn khu vực và chuẩn quốc tế [H2.02.06.10].

- + Phát triển nguồn nhân lực: Đội ngũ cán bộ giảng dạy có trình độ chuyên môn sâu được đào tạo trong và ngoài nước; nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ viên chức để đáp ứng quy mô, tốc độ phát triển Nhà trường [H2.02.06.11].

+ Hợp tác quốc tế: Mở rộng quan hệ quốc tế với các trường tiên tiến trong khu vực thuộc khối ASEAN và các nước khác trên thế giới. Đưa giáo viên đi học nước ngoài để nâng cao trình độ chuyên môn nhằm tiến tới trao đổi giảng viên, sinh viên thuộc các trường đại học trong khu vực. Tiếp tục phấn đấu để khẳng định uy tín của thành viên chính thức của tổ chức CDIO thế giới, trở thành thành viên của tổ chức AUN [H2.02.06.12].

+ Tự chủ tài chính: Xây dựng kế hoạch, lộ trình tự chủ tài chính phù hợp với đặc điểm tình hình phát triển của Trường [H2.02.06.13].

Chiến lược phát triển dài hạn của Trường đến năm 2025 hiện đang trong giai đoạn soạn thảo. Tuy nhiên, năm 2015, trên cơ sở rà soát đánh giá việc thực hiện “Chiến lược phát triển đến năm 2020”, Nhà trường đã có văn bản sửa đổi bổ sung và định hướng mục tiêu phát triển của Trường đến năm 2025 [H2.02.06.14]. Mục tiêu phát triển của Trường là trở thành trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực theo chuẩn đại học ứng dụng. Để thực hiện mục tiêu này, Trường thực hiện một cách đồng bộ tất cả lĩnh vực đào tạo, NCKH, xây dựng đội ngũ, hợp tác quốc tế, đảm bảo chất lượng; phấn đấu đến năm 2021 được công nhận đạt chuẩn quốc gia theo định hướng ứng dụng, năm 2025 đạt chuẩn quốc tế. Đổi mới phương pháp giảng dạy theo chuẩn CDIO, cập nhật chương trình đào tạo theo hướng đại học tiên tiến, đáp ứng yêu cầu hội nhập. Đẩy mạnh NCKH theo hướng ứng dụng, phục vụ kinh tế - xã hội; phấn đấu trong thời gian tới có 50% đề tài NCKH được đưa vào ứng dụng, tăng nguồn thu ngân sách từ công tác NCKH.

Biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện các kế hoạch của Nhà trường:

Năm 2014, Nhà trường đã tiến hành rà soát, đánh giá kết quả hoạt động của Trường trong 05 năm và việc triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược [H2.02.06.15]. Năm 2015, Trường đã tiến hành rà soát giữa kỳ “Chiến lược phát triển Trường ĐHTDM đến năm 2020” và có văn bản điều chỉnh bổ sung phù hợp [H2.02.06.16]. Để giám sát, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch năm học, hàng tháng, hàng quý, Trường tổ chức cuộc họp giao ban với trưởng các đơn vị để nghe báo cáo đánh giá những việc đã làm, những khó khăn, vướng mắc và đề xuất các biện pháp khắc phục [H2.02.06.17]. Bên cạnh đó, hằng năm, Trường đều có các kế hoạch kiểm định chuyên môn tại các khoa [H2.02.06.18], và thực hiện báo cáo sơ kết, báo cáo tổng kết năm học để đánh giá các hoạt động, đồng thời xác định phương hướng, nhiệm vụ cho năm học mới [H2.02.06.19].

2. Điểm mạnh

Trường đã xây dựng chiến lược phù hợp với sứ mạng và định hướng phát triển của Nhà trường, có các kế hoạch, lộ trình cụ thể để thực hiện.

Mỗi chiến lược thuộc từng lĩnh vực hoạt động đều đưa ra mục tiêu và giải pháp cụ thể để thực hiện, từ đó Nhà trường có chính sách và các biện pháp để giám sát, đánh giá việc thực hiện và kịp thời điều chỉnh những vấn đề vướng mắc, tồn tại trong quá trình thực hiện.

3. Tồn tại:

Một vài đơn vị trực thuộc của Nhà trường chưa thực sự chủ động trong việc xây dựng các kế hoạch phát triển dài hạn của đơn vị.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017, Trường tiếp tục chỉ đạo các đơn vị triển khai xây dựng các kế hoạch dài hạn khả thi hơn nữa và chương trình hành động trong từng giai đoạn để thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển của Trường đạt kết quả tốt; tiếp tục tăng cường việc giám sát, đánh giá thực hiện các kế hoạch.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 2.7. Thực hiện đầy đủ chế độ định kì báo cáo cơ quan chủ quản, các cơ quan quản lý về các hoạt động và lưu trữ đầy đủ các báo cáo của Trường

1. Mô tả

Trường thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, đúng quy định chế độ báo cáo định kỳ đến cơ quan chủ quản [H2.02.07.01] và báo cáo theo yêu cầu của các sở, ban, ngành về các lĩnh vực công tác [H2.02.07.02].

Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường thực hiện chế độ báo cáo thường kỳ hàng năm, báo cáo ba công khai, báo cáo thống kê định kì và báo cáo đột xuất đúng nội dung, thời hạn quy định trên tất cả các lĩnh vực theo yêu cầu [H2.02.07.03].

Tùy theo nội dung yêu cầu của từng lĩnh vực, Hiệu trưởng giao cho các đơn vị chức năng chủ trì tổng hợp và thực hiện các loại báo cáo. Các khoa, phòng, ban, viện, trung tâm trong Trường đều có sự phối kết hợp chặt chẽ trong việc cung cấp thông tin, số liệu cần thiết cho đơn vị chủ trì thực hiện báo cáo.

Công tác văn thư lưu trữ của Trường do phòng Hành chính phụ trách, thực hiện đầy đủ, có hệ thống, đúng quy định của Luật Lưu trữ và các quy định của Nhà nước về công tác văn thư lưu trữ và bảo vệ bí mật Nhà nước [H2.02.07.04]. Hằng năm, Trường đều thực hiện đầy đủ báo cáo về công tác văn thư, lưu trữ theo yêu cầu của Sở Nội vụ

[H2.02.07.05]. Ở cấp khoa, công tác văn thư, lưu trữ được thực hiện thông qua bộ phận trợ lý khoa phụ trách về công tác hành chính và được quy định cụ thể trong quy chế làm việc của mỗi khoa [H2.02.07.06].

Tất cả văn bản giấy đều được lưu trữ tại kho lưu trữ của Trường [H2.02.07.07]. Từ năm 2013, Trường đã triển khai thêm phần mềm quản lý văn bản, các văn bản của Trường đều được sao chụp và đưa lên hệ thống phần mềm quản lý. Việc ứng dụng công nghệ thông tin này đã giúp tìm kiếm văn bản được thuận lợi và nhanh chóng [H2.02.07.08]. Bên cạnh đó, để đảm bảo công tác lưu trữ được thực hiện chuyên nghiệp và có hiệu quả cao, các cá nhân, bộ phận phụ trách về công tác văn thư, lưu trữ đều được tham gia các lớp tập huấn về nghiệp vụ văn thư, lưu trữ để kịp thời bổ sung, cập nhật các văn bản quy định mới về công tác lưu trữ [H2.02.07.09].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường đã thực hiện báo cáo thường xuyên và định kỳ đúng nội dung và thời hạn theo yêu cầu của các cấp chủ quản.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác văn thư lưu trữ đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời và phục vụ tốt công tác lưu trữ, quản lý văn bản.

3. Tồn tại:

Phòng lưu trữ của Trường chưa đúng quy cách của một phòng lưu trữ hiện đại.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017, Nhà trường tiếp tục tăng cường sử dụng hệ thống công nghệ thông tin phục vụ công tác lưu trữ, thường xuyên bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ làm công tác văn thư, lưu trữ kết hợp với việc xây dựng và trang bị phòng lưu trữ hồ sơ hiện đại.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Trường ĐHTDM có cơ cấu tổ chức đồng bộ và chặt chẽ. Nhà trường đã xây dựng các chiến lược và kế hoạch phát triển theo từng giai đoạn, phù hợp với định hướng phát triển, mục tiêu, sứ mạng mà Trường đã công bố. Nhà trường luôn bám sát các văn bản chỉ đạo của Bộ GD&ĐT hướng dẫn thực hiện ĐBCL bên trong, tiếp tục xây dựng Hệ thống ĐBCL theo mô hình AUN-QA và hướng tới nghiên cứu mô hình ĐBCL theo ABET. Trường có hệ thống văn bản đầy đủ, nội dung rõ ràng và được phổ biến rộng rãi, thường xuyên ban hành các văn bản nội bộ, hướng dẫn kịp thời để các hoạt động của Nhà trường diễn ra đạt hiệu quả và phù hợp với thực tiễn.

Đảng bộ Trường luôn đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh; luôn tiên phong trong chỉ đạo, định hướng đúng đắn cho mọi hoạt động của Trường. Các tổ chức đoàn thể như Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên hoạt động tích cực và hiệu quả, nhận được nhiều bằng khen, giấy khen từ các cơ quan chủ quản cấp trên.

Bộ phận chuyên trách ĐBCL hoạt động hiệu quả, hỗ trợ Nhà trường đạt nhiều thành tích trong kiểm định chất lượng các đơn vị thuộc Trường theo chuẩn của Bộ GD&ĐT và AUN-QA. Các báo cáo định kỳ theo yêu cầu của các cơ quan chủ quản đều được thực hiện đầy đủ, đúng hạn.

Tiêu chuẩn 2 gồm có: 7 tiêu chí đạt 7/7

Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo

Mở đầu

Chương trình đào tạo (CTĐT) của Trường ĐHTDM được xây dựng trên cơ sở những quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT, có tham khảo chương trình đào tạo của các trường tiên tiến trong và ngoài nước, được thiết kế phù hợp với sứ mạng, mục tiêu, chức năng và nhiệm vụ của Trường. Chương trình luôn gắn với nhu cầu học tập của sinh viên và nguồn nhân lực của thị trường lao động trong và ngoài tỉnh Bình Dương.

CTĐT được rà soát, điều chỉnh, bổ sung những vấn đề mới để đáp ứng theo yêu cầu thị trường lao động. Bên cạnh đó, Trường cũng đã mở thêm nhiều ngành đào tạo nhằm đáp ứng nguồn nhân lực theo nhu cầu của xã hội nói chung và tỉnh Bình Dương nói riêng. Hầu hết các CTĐT của Trường đều được thiết kế theo hướng liên thông tích hợp giữa các ngành đào tạo.

Tiêu chí 3.1. Chương trình đào tạo của trường đại học được xây dựng theo các quy định hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; có sự tham khảo chương trình đào tạo của các trường đại học có uy tín trong nước hoặc trên thế giới; có sự tham gia của các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp.

1. Mô tả

Đến năm học 2015 - 2016, Trường được phép đào tạo 5 ngành cao học, 22 ngành hệ đại học chính quy và 21 ngành thuộc hệ cao đẳng [H3.03.01.01] . Căn cứ vào các Quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT về xây dựng và thẩm định CTĐT, Trường đã ban CTĐT trình độ cao học [H3.03.01.02], CTĐT trình độ đại học, cao đẳng chính quy [H3.03.01.03] và các CTĐT tương ứng cho các hệ thường xuyên (*Hệ vừa làm vừa học, đại học Văn bằng 2, Liên thông*) [H3.03.01.04]

CTĐT của trường được thiết kế dựa trên các quy định trong Thông tư 08/2011/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 2 năm 2011, Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 [H3.03.01.05] của BGD&ĐT; Đảm bảo về khối lượng kiến thức tối thiểu và được thẩm định, ban hành. Có đầy đủ đề cương chi tiết và các hồ sơ theo quy định ban hành. Ngoài ra, Trường còn ban hành văn bản hướng dẫn xây dựng CTĐT phù hợp với điều kiện cụ thể [H3.03.01.06].

Hầu hết, các CTĐT thạc sĩ và đại học của trường đều có sự tham khảo CT của các trường đại học có uy tín trong nước như: ĐH Khoa học tự nhiên TP.HCM, ĐH

Hoa Sen, ĐH Công nghệ thông tin, ĐH SPKT TP.HCM, Học viện Bưu chính viễn thông, Đại học Nông Lâm TP.HCM, Đại Kinh tế TP.HCM, Đại học sư phạm TP.HCM, Đại học XH&NV TP.HCM. Ngoài ra, một số ngành đào tạo của Trường tham khảo CTĐT các trường đại học uy tín trên thế giới [H3.03.01.07]. Các CTĐT đều được Hội đồng khoa học đào tạo tư vấn, thẩm định. [H3.03.01.08].

Việc xây dựng các chương trình đào tạo có sự tham gia thẩm định của các nhà khoa học, giảng viên, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động (CBQL các nhà trường, lãnh đạo các doanh nghiệp), sinh viên mới tốt nghiệp, cựu sinh viên [H3.03.01.09]

2. Điểm mạnh

Các CTĐT của trường được xây dựng theo các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT và được xây dựng trên cơ sở có sự tham khảo CTĐT của các trường đại học tiên tiến trong và ngoài nước; sự đóng góp ý kiến của các cán bộ quản lý, giảng viên và ý kiến từ phía các nhà tuyển dụng.

3. Tồn tại:

Chưa lấy ý kiến đóng góp của các giáo sư đầu ngành cho các CTĐT. Số lượng CT được tham khảo CTĐT của các đại học có uy tín ở nước ngoài còn ít. Sự tham gia, xây dựng cho CTĐT của giảng viên, cán bộ quản lý, nhà tuyển dụng còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Trong giai đoạn 2017 - 2020, Nhà trường tiến hành lấy ý kiến đóng góp xây dựng CTĐT một cách rộng rãi từ khoa học chuyên môn, giảng viên, nhà tuyển dụng với số lượng nhiều hơn và đa dạng hơn. Đồng thời, Xây dựng mối quan hệ và hợp tác về lĩnh vực liên kết đào tạo, trao đổi CT với các trường đại học trong và ngoài nước như: Thái lan, Singapore, Philippine, Đài Loan, Hàn quốc ...

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 3.2. Chương trình đào tạo có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

1. Mô tả

Tất cả các CTĐT được xây dựng dựa trên cơ sở tầm nhìn, sứ mạng và mục tiêu đào tạo của Trường, cụ thể như sau:

1/ CTĐT được thiết kế có mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể; có chuẩn đầu ra thể hiện rõ về kiến thức, năng lực nghề nghiệp, năng lực ngoại ngữ, công nghệ thông tin, kỹ năng xã hội cho từng ngành đào tạo cụ thể;

2/ CTĐT thiết kế một cách hệ thống và được cân đối hợp lý giữa các khối kiến thức. Số tín chỉ bố trí cho các khối kiến thức được thống nhất chung giữa các ngành học;

3/ CTĐT được thiết kế đảm bảo cân đối lý thuyết, thực hành, thực tế chuyên môn, thực tập nghề nghiệp; trong chương trình, các học phần đều được đánh mã số, và được quy định phần tiên quyết, phần học trước, phần bắt buộc, phần tự chọn; các học phần được sắp xếp trong các học kỳ một cách khoa học thuận tiện cho việc tổ chức giảng dạy và học tập. Trong đào tạo, Nhà trường thể hiện linh hoạt về việc thực hiện CTĐT trong việc áp dụng những học phần tương đương, học phần thay thế thể hiện trong quy chế đào tạo [H3.03.02.01];

4/ Từng ngành đào tạo được thiết kế đáp ứng linh hoạt nhu cầu của thị trường lao động. [H3.03.01.02], [H3.03.01.03], [H3.03.01.04].

Tất cả các học phần đều có đề cương chi tiết. Từ năm học 2014 – 2015, nhà trường triển khai phát triển CTĐT theo đề xướng CDIO [H3.03.02.02] nên đề cương chi tiết được thiết kế có sự thống nhất theo tinh thần CDIO [H3.03.02.03]

Để đáp ứng thị trường lao động, khi xây dựng CTĐT, Trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan, đơn vị tuyển dụng lao động, cựu sinh viên, sinh viên mới tốt nghiệp để tìm hiểu, phân tích và đánh giá nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. Việc lấy ý kiến của các bên liên quan về các CTĐT giúp Nhà trường xác định được chuẩn mực về kiến thức, kỹ năng, thái độ trong các chương trình đào tạo của mình [H3.03.02.04], [H3.03.02.05].

Năm học 2015 – 2016, Trường thành lập Ban phát triển chất lượng đào tạo, nay đổi thành Viện phát triển chất lượng giáo dục. Viện có nhiệm vụ xây dựng, tổ chức nghiên cứu và phát triển các CTĐT [H3.03.02.06]; Ngoài ra nhà trường đã ban hành chuẩn đầu ra cho tất cả các ngành học đang được đào tạo [H3.03.02.07].

Căn cứ trên Quy chế đào tạo Bộ GD&ĐT ban hành, Trường xây dựng Quy chế đào tạo cho tất cả các hệ đào tạo theo học chế tín chỉ [H3.03.02.01]. Hàng năm Trường ban hành danh mục đào tạo [H3.03.02.08] và kế hoạch đào tạo [H3.03.02.09].

Để đạt được CDR cho các CTĐT, Trường luôn quan tâm việc đổi mới PPDH và kiểm tra đánh giá. Vận dụng PPDH tích cực hướng tới năng lực, tổ chức kiểm tra đánh

giá linh hoạt chú trọng đến năng lực và kỹ năng của sinh viên. Để thực hiện được việc này, nhà trường đã tổ chức nhiều khóa tập huấn phương pháp dạy học tích cực nhằm nâng cao năng lực giảng dạy cho giảng viên [H3.03.02.10].

2. Điểm mạnh

CTĐT của trường có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động. Chương trình có CDR đối với từng ngành học cụ thể.

3. Tồn tại:

Các CTĐT chưa thật sự mềm dẻo, chưa thiết kế nhiều môn học tự chọn, do nhiều điều kiện khách quan nên học chế tín chỉ chưa được triển khai một cách mạnh mẽ và triệt để nên sinh viên nên còn bị giới hạn trong việc chọn chuyên ngành, chọn môn học theo sở thích và nhu cầu học tập cá nhân. Việc tìm hiểu nhu cầu nhân lực của thị trường lao động đã tiến hành nhưng hiệu quả còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Trong giai đoạn 2016 – 2020, Phát huy vai trò của Viện phát triển chất lượng giáo dục và Trung tâm Tuyển sinh & Thị trường lao động, Nhà Trường tiếp tục nghiên cứu, rà soát, điều chỉnh CTĐT cho phù hợp nhu cầu xã hội; thiết kế CTĐT mới chú trọng phát triển năng lực người học, tăng cường hơn nữa tính mềm dẻo, linh hoạt của các CTĐT. Tiếp tục hoàn thiện công tác nghiên cứu nhu cầu của thị trường lao động, lấy ý kiến của các bên liên quan khi thiết kế CTĐT đảm bảo cho CTĐT của nhà trường đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 3.3. Chương trình đào tạo chính quy và giáo dục thường xuyên được thiết kế theo quy định, đảm bảo chất lượng đào tạo

1. Mô tả

Tính đến năm học 2016-2017, Nhà trường đã thiết kế được các bộ CTĐT bao gồm *trình độ đại học chính quy 26 ngành, trình độ cao đẳng chính quy 21*; Hệ đào tạo thường xuyên có 14 ngành trình độ Đại học và 3 ngành trình độ cao đẳng [H3.03.01.03], [H3.03.01.04].

Các hệ đào tạo của Trường có chương trình được thiết kế theo đúng quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT đối với từng hệ [H3.03.03.01].

Chương trình chính quy và thường xuyên được thiết kế đảm bảo chất lượng đào tạo như nhau, chỉ khác nhau về khung thời gian và hình thức đào tạo. Các chương trình đều đảm bảo đầy đủ các tiêu chuẩn đào tạo như: đề cương chi tiết, đội ngũ GV,

phương pháp giảng dạy, quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập, hình thức thi và thang điểm đánh giá. Về CSVC trang thiết bị và phòng học cũng được dùng chung cho cả hai hệ đào tạo, được thể hiện cụ thể trên thời khóa biểu [H3.03.03.02].

Các CTĐT đảm bảo tính liên thông cho các hệ đào tạo hiện có của Trường. Các quy định cho các hệ đào tạo chính quy và thường xuyên trong Trường phù hợp với các quy định của Bộ GD&ĐT, các điều khoản về học vụ cho đào tạo. [H3.03.03.03]

Để nâng cao chất lượng về chương trình, từ năm học 2014 – 2015, Nhà trường triển khai kế hoạch phát triển CT theo định hướng CDIO. Để phát triển chương trình theo CDIO, Nhà trường mời các chuyên gia trong và ngoài nước tổ chức tập huấn cho tất cả giảng viên về thiết kế chương trình, đề cương chi tiết, phương pháp giảng dạy. Bước đầu Trường chọn các chương trình thí điểm xác định CDR, thực hiện giảng dạy, đáp ứng nhu cầu xã hội. [H3.03.02.02], [H3.03.02.10]

2. Điểm mạnh

Các CTĐT chính quy và giáo dục thường xuyên của nhà trường thiết kế theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT, đảm bảo chất lượng đào tạo. Trong việc xây dựng CTĐT chính quy và giáo dục thường xuyên, Nhà trường đã triển khai theo một chuẩn chung, trong đó nội dung tương đương về chương trình học, GV, phương pháp dạy học, quy trình kiểm tra đánh giá đối với hai CTĐT chính quy và thường xuyên là tương đối giống nhau.

3. Tồn tại:

CTĐT giáo dục thường xuyên của trường chưa được kiểm soát chặt chẽ về chất lượng giảng dạy của GV, công tác kiểm tra đánh giá;

Chương trình thiết kế chưa tinh gọn, còn hạn chế về mặt tích hợp. Trường đã triển khai thiết kế CTĐT theo định hướng CDIO nhưng hiệu quả mang lại chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

Trong giai đoạn 2016 – 2020, nhà trường tổ chức biên soạn chương trình mới trong đó nội dung cần chú trọng tính tích hợp, ứng dụng, thiết thực, đảm bảo tính khoa học nhằm phát huy năng lực người học.

Trường phấn đấu, đến năm 2020 có khoảng 10 ngành đạt chuẩn kiểm định AUN-QA.

Năm học 2017-2018, Tiếp tục lấy ý kiến phản hồi từ người học về chất lượng giảng dạy, cơ sở vật chất để cải tiến chương trình, nâng cao trình độ năng lực người dạy và đầu tư cơ sở vật chất phục vụ người học.

Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 3.4. Chương trình đào tạo được định kỳ bổ sung, điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến quốc tế, các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động, người tốt nghiệp, các tổ chức giáo dục và các tổ chức khác nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hoặc cả nước.

1. Mô tả

Tính đến đầu năm học 2016 – 2017, Trường đã có 3 lần tiến hành điều chỉnh CTĐT. Năm 2012, bậc đại học và cao đẳng được cấu trúc lại theo hướng giảm khối lượng kiến thức đại cương, tăng khối lượng kiến thức chuyên nghiệp và thời lượng thực hành cho các học phần [H3.03.04.06]. Năm 2014-2015, Trường chọn một số ngành thí điểm; đến 2016, Trường tiến hành đại trà [H3.03.02.02], [H3.03.02.03]

Năm học 2016- 2017, tiến hành thiết kế, xây dựng lại các CTĐT phục vụ cho các khóa học tiếp theo, cụ thể: Thay đổi thời gian đào tạo (cử nhân 3,5 năm, kỹ sư từ 4-4,5 năm), thêm các học phần Nhập môn ngành và Tư duy biện luận ứng dụng vào tất cả các ngành học [H3.03.04.01]

Quá trình điều chỉnh chương trình, Nhà trường căn cứ vào thông tư số 08/2011)/TT-BGDĐT) của Bộ GD&ĐT để triển khai thực hiện [H3.03.04.02]. Khoa và các tổ bộ môn rà soát, tham khảo, bổ sung, điều chỉnh và đối sánh với các chương trình đại học uy tín trong và ngoài nước [H3.03.04.03]. Tổ chức các buổi tham quan học tập tại các trường đại học có uy tín, các cơ sở sản xuất để học hỏi kinh nghiệm và tìm hiểu nhu cầu thị trường lao động [H3.03.04.04].

Trường cũng tiến hành điều tra, khảo sát, lấy ý kiến đóng góp của các nhà tuyển dụng lao động, các chuyên gia giáo dục về CTĐT làm cơ sở cơ cấu các học phần trong CTĐT nhằm đáp ứng tốt yêu cầu của xã hội và người học. [H3.03.04.05]. Ngoài ra, Trường đã tổ chức nhiều hội thảo Khoa học nhằm tiếp nhận ý kiến từ các nhà khoa học, cán bộ giảng dạy nhằm đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế xã hội như: “*Nâng cao năng lực đào tạo nguồn nhân lực các ngành Khoa học xã hội và Nhân văn*” [H3.03.04.06]

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã mạnh dạn trong việc điều chỉnh bổ sung CTĐT phù hợp với yêu cầu thực tế nguồn nhân lực theo chuẩn đầu ra của các ngành đào tạo đã ban hành, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế xã hội tại tỉnh Bình Dương và Vùng

Kinh tế trọng điểm phía Nam. Trong đó nổi bật nhất là từ năm 2014 – 2015 Nhà trường đã tiến hành nhiều hoạt động tập huấn, triển khai cho toàn trường việc biên soạn CTĐT, thiết kế đề cương chi tiết theo định hướng CDIO đối với tất cả các ngành đào tạo. Các CTĐT mới biên soạn hiện nay kể cả CTĐT cao học đều được thiết kế theo định hướng CDIO. Từ năm 2015, Trường đã là thành viên của Tổ chức CDIO thế giới.

3. Tồn tại:

Chưa tham khảo được nhiều CTĐT của các nước tiên tiến và có nền giáo dục rất phát triển như Mỹ, Nhật...; Cần tăng cường lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan đối với chương trình đào tạo, nhất là CTĐT hệ thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Trường đã có kế hoạch phát triển mối quan hệ hợp tác trong việc trao đổi giảng viên - sinh viên, tham khảo CTĐT tiên tiến của các trường đại học trong và ngoài nước (Singapore, Thái Lan, ĐH Quốc gia Hà Nội, ĐH quốc gia TP.HCM...) để hoàn thiện các CTĐT của Trường.

Từ năm 2016-2017, nhà trường sẽ tiếp tục tiến hành phối hợp chặt chẽ và hiệu quả hơn với nhà tuyển dụng để đánh giá chất lượng sinh viên mới tốt nghiệp và cựu sinh viên. Lấy kết quả khảo sát để xây dựng cơ sở dữ liệu theo chuỗi thời gian từng năm để phục vụ tốt hơn công tác điều chỉnh CTĐT.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 3.5. Chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng đảm bảo liên thông với các trình độ đào tạo và chương trình đào tạo khác

1. Mô tả

Các CTĐT của Trường được thiết kế theo hướng đảm bảo liên thông dọc và liên thông ngang giữa các trình độ, được thể hiện ở các CTĐT liên thông từ trung cấp, cao đẳng lên đại học tạo điều kiện cho các đối tượng có trình độ khác nhau cùng tham gia học tập tại trường. CTĐT liên thông của Trường được thiết kế linh hoạt, tạo điều kiện cho sinh viên ở bậc trung cấp và cao đẳng có thể học liên thông một cách thuận lợi [H3.03.05.01]. Mặt khác, SV trung cấp và cao đẳng từ các trường khác cũng có thể đăng ký thi tuyển vào chương trình đại học liên thông đối với các ngành tương ứng theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT [H3.03.05.02]

Hiện nay, Nhà trường đã có các bộ CTĐT liên thông từ trung cấp lên cao đẳng và từ cao đẳng lên đại học như: *Giáo dục Tiểu học, Mầm non, Ngôn ngữ Anh, SP Ngữ*

văn, Kế toán, Quản trị Kinh doanh, Kỹ thuật Điện – Điện tử, Hệ thống thông tin, Kỹ thuật phần mềm.

Các CTĐT của Trường được thiết kế theo học chế tín chỉ nên việc tổ chức liên thông cho người học rất thuận lợi. Đảm bảo được Quy chế đào tạo và kiến thức cho tất cả các bậc học của Trường. Đây cũng là điều kiện tốt để sinh viên có hoàn cảnh khó khăn hoặc chuyển trường đến nơi cư trú khác tiếp tục được theo học [H3.03.02.01].

CTĐT trình độ thạc sĩ của Trường cũng được thiết kế linh hoạt, tạo điều kiện cho các SV tốt nghiệp bậc đại học từ các ngành tương ứng tại trường hoặc từ các trường khác có thể nộp đơn đăng ký thi tuyển [H3.03.05.03]. Đồng thời, Trường cũng có các quy định và yêu cầu cụ thể về đầu vào khi tuyển sinh các ngành cao học (*ngành đúng, ngành gần, ngành xa*) và thiết kế danh mục các học phần chuyển đổi, bổ túc kiến thức nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người học khi đăng ký tuyển sinh vào các ngành cao học của trường [H3.03.05.04]

Từ năm học 2012 – 2013, các CTĐT của nhà trường được thiết kế lại: các học phần đại cương chung cho hệ đại học, cao đẳng có thể áp dụng giảng dạy chung cho nhiều ngành. Hơn nữa, trong cùng một ngành, người học có thể được liên thông từ cao đẳng lên đại học. [H3.03.01.06], [H3.03.01.02], [H3.03.01.03], [H3.03.01.04].

Về liên thông ngang, CT được thiết kế đảm bảo cho sinh viên có thể đăng ký học song song 2 văn bằng. Điều kiện để đối tượng được đăng ký học song song 2 văn bằng là ngành đào tạo chính ở chương trình thứ hai phải khác ngành đào tạo chính ở chương trình thứ nhất; Sau khi đã kết thúc học kỳ 1 năm thứ nhất người học không thuộc diện xếp hạng học lực yếu ở chương trình thứ nhất [H3.03.02.01]. CTĐT của Trường cũng được thiết kế theo hướng liên thông trong giữa các ngành gần nhau trong cùng một khoa hoặc ở các khoa khác nhau thể hiện qua việc thiết kế các học phần chung trong khối kiến thức đại cương, khối kiến thức cơ sở ngành [H3.03.01.02], [H3.03.01.03], [H3.03.01.04]. Mặt khác, trong Quy chế đào tạo của Nhà trường cũng quy định người học được bảo lưu, miễn giảm những học phần cùng nội dung và thời lượng trong hai CTĐT cùng hoặc khác trường [H3.03.02.01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng CTĐT theo hệ thống tín chỉ, đảm bảo tính liên thông với các trình độ đào tạo giáo dục khác nhau. Các CTĐT bậc đại học và cao học của Trường nhìn chung được thiết kế linh hoạt nhằm đảm bảo hướng liên thông dọc, liên

thông ngang, liên thông trong và liên thông ngoài giữa các trình độ đào tạo và CTĐT khác.

3. Tồn tại

Khi xây dựng CTĐT liên thông, nhà trường còn thiếu kinh nghiệm trong việc đảm bảo tính liên thông, sự gắn kết giữa các trình độ đào tạo khác nhau, ngành phù hợp, ngành gần.

Nhà trường chưa thực hiện việc ký kết các thỏa thuận công nhận CTĐT với các trường cao đẳng và đại học khác nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho SV trường khác có thể vào học liên thông tại Trường cũng như SV của Trường có thể tham gia học liên thông tại các trường khác.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017, Trường sẽ tiến hành đánh giá tính liên thông và sự gắn kết giữa các trình độ đào tạo khác nhau của người học. Xây dựng kế hoạch đào tạo liên thông ngang, dọc giữa các ngành học trong Trường. Từ đó, điều chỉnh CTĐT để tạo điều kiện cho người học có thể dễ dàng chuyển đổi từ trình độ đào tạo này sang trình độ đào tạo khác.

Nhà trường có kế hoạch làm việc với các trường cao đẳng, đại học có các ngành học tương tự như các ngành của Trường để xúc tiến việc ký kết các thỏa thuận công nhận CTĐT của nhau nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người học tham gia học liên thông. Mặt khác, Nhà trường cũng rà soát, ban hành những quy định của Trường để bảo đảm tính chặt chẽ về liên thông trong về CTĐT giữa các ngành gần nhau ngay trong Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 3.6. Chương trình đào tạo được định kỳ đánh giá và thực hiện cải tiến chất lượng dựa trên kết quả đánh giá

1. Mô tả

Các CTĐT trình độ thạc sĩ của Trường trước khi triển khai tổ chức đào tạo đều được phản biện, thẩm định bởi các đơn vị đào tạo uy tín thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Sư phạm TP.HCM, Đại học Kinh tế TP.HCM, Đại học XHNV TP.HCM [H3.03.06.01]

CTĐT của Nhà trường luôn được rà soát chỉnh sửa thường xuyên và được triển khai cho các khoa và tổ bộ môn rà soát, đánh giá, nhận xét thông qua Hội đồng KH&ĐT theo quy định của nhà trường [H3.03.06.02]. Vì thế, CTĐT của Trường

thường xuyên được điều chỉnh, cải tiến ở các mặt thời lượng, tiến độ thực hiện, trình tự môn học, kiến thức, tỷ lệ lý thuyết – thực hành trong từng học phần...[H3.03.06.03]

Đối với các CTĐT có SV tốt nghiệp ra trường, các đơn vị khoa tiến hành tự đánh giá dựa trên bộ tiêu chuẩn AUN-QA, cụ thể: *Kỹ thuật phần mềm, Kế toán, Quản trị kinh doanh, Sư phạm Ngữ văn, Sư phạm lịch sử, Ngôn ngữ Anh* (SV tốt nghiệp năm 2014), *Hệ thống thông tin, Kỹ thuật Điện – Điện tử, Khoa học môi trường, Công tác xã hội* (SV tốt nghiệp năm 2015). Trong đó, các ngành *Ngôn ngữ Anh, Quản trị kinh doanh, Kỹ thuật phần mềm và Hệ thống thông tin* được chuẩn bị tích cực cho việc đánh giá ngoài cấp chương trình theo chuẩn AUN-QA vào năm 2018 [H3.03.06.04]. Trường cũng đã xác định lộ trình đánh giá ngoài theo chuẩn AUN-QA đối với một số ngành khác cho đến năm 2020.

Ngoài ra, việc đánh giá CTĐT được thực hiện trên cơ sở thông tin thu nhận được từ việc lấy ý kiến của các bên liên quan về CTĐT, chất lượng đào tạo thông qua năng lực làm việc của SV tốt nghiệp ra trường, các hội thảo do trường và các khoa tổ chức với các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, cựu SV, phụ huynh [H3.03.06.05]. Kết quả đánh giá được các khoa sử dụng để tiến hành cải tiến CTĐT, đối sánh giữa CTĐT trước và sau khi đánh giá, cải tiến [H3.03.06.06]

2. Điểm mạnh.

Các CTĐT trình độ thạc sĩ của nhà trường đều được phản biện, thẩm định bởi những đơn vị đào tạo uy tín; việc điều chỉnh, cập nhật và bổ sung được thực hiện định kỳ. Nhà trường tiến hành song song việc chuẩn bị kiểm định đánh giá cấp trường cùng với việc đánh giá một số ngành học theo chuẩn AUN-QA.

3. Tồn tại:

CTĐT của Trường chưa được đánh giá một cách quy mô, thường xuyên và có hệ thống cũng như thực hiện cải tiến chất lượng dựa trên kết quả đánh giá đối với các CTĐT được xây dựng. Việc triển khai khảo sát lấy kiến đánh giá CTĐT của cựu sinh viên đối với các khóa 2010, 2011 còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016- 2017, Nhà trường sẽ tiếp tục xây dựng kế hoạch đánh giá các CTĐT theo Bộ tiêu chuẩn kiểm định CTĐT của Bộ GD-ĐT ban hành vào tháng 3/2016 (Thông tư 04/TT-BGDĐT). Bên cạnh đó cũng tích cực chuẩn bị cho một số ngành đào tạo kiểm định theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA từ năm 2018 đến năm 2020.

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận về tiêu chuẩn 3:

Nhìn chung, từ năm 2011 – 2016 các CTĐT của Trường Đại học Thủ Dầu Một được xây dựng đúng theo các quy định của Bộ GD-ĐT. Đặc biệt từ năm học 2014 – 2015 nhiều CTĐT của nhà trường đã được định xây dựng theo chuẩn CDIO. Việc xây dựng CTĐT của nhà trường đảm bảo theo các bước chặt chẽ, có tham khảo ý kiến của các bên liên quan như GV, CBQL, nhà chuyên môn, cựu sinh viên và doanh nghiệp. Các CTĐT được thiết kế linh hoạt đảm bảo tính liên thông giữa các trình độ và CTĐT khác. Nhà trường đã áp dụng chuẩn mực của CTĐT chính quy cho các CTĐT hệ thường xuyên và không ngừng điều chỉnh, cải tiến chất lượng nhằm đảm bảo chất lượng của cả hai loại chương trình.

Hiện nay nhà trường tiếp tục tổ chức đánh giá, rà soát cải tiến CTĐT nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội cũng như nhu cầu của người học. Bên cạnh đó nhà trường cũng đề ra kế hoạch khắc phục những còn tồn tại liên quan đến CTĐT như: kế hoạch theo dõi sinh viên tốt nghiệp, kế hoạch rà soát chuẩn đầu ra, kế hoạch khảo sát định kỳ ý kiến của các bên liên quan về CTĐT, kế hoạch làm việc với các trường trong và ngoài nước để xúc tiến việc ký kết hợp tác trong lĩnh vực xây dựng và phát triển CTĐT. Thực hiện những điều này, nhà trường nhằm không ngừng củng cố, cải tiến và nâng cao chất lượng của các CTĐT của mình nhằm đạt được sứ mệnh và mục tiêu đào tạo mà nhà trường đã cam kết.

Tiêu chuẩn 3 gồm có: 6 tiêu chí đạt 6/6

Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đào tạo

Mở đầu:

Ngay từ khi được thành lập, Trường luôn xem hoạt động đào tạo là một trong những hoạt động quyết định đến sự tồn tại và phát triển. Vì thế, hoạt động này được Nhà trường triển khai một cách đồng bộ có hệ thống từ việc đổi mới công tác quản trị đại học, phát triển chương trình, phương pháp dạy học đến việc đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá. Sau 7 năm hoạt động, Nhà trường đã phát triển công tác đào tạo theo hướng đa ngành nghề nhằm đáp ứng nguồn nhân lực theo nhu cầu của Bình Dương, các tỉnh Miền Đông Nam Bộ và hướng tới cả nước.

Các môn học được tổ chức và giảng dạy theo CTĐT đã thiết kế về nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá, tỷ lệ lý thuyết, thực hành nhằm đảm bảo sinh viên đạt được chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ. Hoạt động giảng dạy và học tập được tổ chức theo học chế tín chỉ. Việc quản lý các hoạt động về đào tạo đều có phần mềm hỗ trợ. Về kiểm tra và đánh giá sinh viên được thực hiện theo quy trình chặt chẽ. Hàng năm, Nhà trường có tổ chức khảo sát theo định kỳ để lấy ý kiến của tất cả các bên liên quan về chất lượng đào tạo.

Tiêu chí 4.1. Đa dạng hoá các hình thức đào tạo, đáp ứng yêu cầu học tập của người học theo quy định

1. Mô tả

Nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho các tỉnh miền Đông Nam Bộ và khu vực kinh tế trọng điểm phía nam, đáp ứng yêu cầu học tập đa dạng của người học, Trường đã xin phép và được Bộ GD&ĐT cho phép tổ chức đào tạo nhiều trình độ khác nhau (cao đẳng, đại học, cao học) theo các phương thức đào tạo chính quy và thường xuyên. Năm học 2016 – 2017, Nhà trường đang tổ chức đào tạo 26 ngành đại học và 12 ngành cao đẳng thuộc nhiều lĩnh vực. Về đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2015, Nhà trường được phép tuyển sinh 5 ngành; đến năm 2016, được phép tuyển sinh thêm 4 ngành [H4.04.01.01]. Để đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho tỉnh Bình Dương, Trường tiến hành liên kết đào tạo một số ngành do các trường các trường Trường ĐHSP thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Trường Đại học XH&NV thành phố Hồ Chí Minh chủ trì đào tạo và cấp bằng tốt nghiệp [H4.04.01.02]. Mỗi năm, Nhà trường tổ chức 2 đợt tuyển sinh đào tạo trình độ đại học, cao đẳng hệ thường xuyên với các hình thức đào tạo liên thông, vừa làm vừa học [H4.04.01.03]. Để điều hành hoạt động đào tạo hệ này, Hiệu trưởng Trường đã ban

hành các quy chế đào tạo bao gồm những quy định đào tạo phù hợp với các quy định của Bộ GD&ĐT [H4.04.01.04]. Mặt khác, Nhà trường đã tổ chức khảo sát các doanh nghiệp để có cơ sở xác định các ngành nghề, quy mô đào tạo và nhu cầu của xã hội đối với hệ đào tạo này [H4.04.01.05]. Các lớp học này được tổ chức giảng dạy vào các buổi tối trong tuần hoặc ngày thứ bảy, chủ nhật hàng tuần tạo điều kiện thuận tiện cho học viên theo học [H4.04.01.06]

Ngoài các chương trình đào tạo cấp bằng tốt nghiệp, Nhà trường cũng được Bộ GD&ĐT giao nhiệm vụ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho GV trong cơ sở giáo dục đại học, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục, nghiệp vụ quản lý mầm non, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ. Mặt khác, Trung tâm phát triển công tác xã hội của nhà trường thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng – huấn luyện cấp chứng chỉ kỹ năng xã hội cho sinh viên theo yêu cầu chuẩn đầu ra đối với sinh viên đại học, cao đẳng chính quy [H4.04.01.07].

Cùng với việc tổ chức tổng kết đánh giá 5 năm đào tạo từ 2009 đến 2015 [H4.04.01.08], Trường cũng tiến hành khảo sát ý kiến những người học theo hình thức vừa làm vừa học, văn bằng 2. Kết quả cho thấy việc đa dạng hóa các hình thức đào tạo của nhà trường đã đáp ứng yêu cầu học tập của người học [H4.04.01.09]. Trong công tác đào tạo, Nhà trường đảm bảo điều kiện chất lượng các hệ đào tạo thường xuyên như đối với chính quy từ CTĐT, đội ngũ GV đến CSVC và trang thiết bị phục vụ dạy học [H4.04.01.10]

2. Điểm mạnh

Trường đã sớm thực hiện đa dạng hóa các hình thức, phương thức, loại hình đào tạo, tạo điều kiện cho nhiều đối tượng tham gia học tập.

3. Tồn tại

Trường chưa đủ điều kiện để mở các ngành đào tạo tiến sĩ, chưa có CTĐT chất lượng cao và những chương trình liên kết với các trường Quốc tế.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2016-2017, Trường lập kế hoạch để mở thêm các mã ngành đào tạo chất lượng cao phục vụ nhu cầu xã hội đồng thời đẩy nhanh việc ký kết và triển khai các chương trình chất lượng cao, chương trình liên kết đào tạo với các trường đại học ở nước ngoài. Từ năm học 2017 – 2017, Trường sẽ làm đề án mở các ngành đào tạo bậc tiến sĩ khi có đủ điều kiện cho phép.

5. Tự đánh giá mức: Đạt

Tiêu chí 4.2. Thực hiện công nhận kết quả học tập của người học theo niên chế kết hợp với học phần; có kế hoạch chuyển quy trình đào tạo theo niên chế sang học chế tín chỉ có tính linh hoạt và thích hợp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người học

1. Mô tả

Từ năm học 2010-2011 (năm đầu tiên tuyển sinh đào tạo đại học chính quy), Nhà trường thực hiện việc chuyển đổi hình thức đào tạo từ niên chế sang học chế tín chỉ cho tất cả ngành đào tạo trình độ đại học, cao đẳng hệ chính quy cho phép người học tích lũy kiến thức trong chương trình đào tạo theo số lượng tín chỉ. Để tạo cơ sở pháp lý thực hiện việc đào tạo theo học chế tín chỉ, Nhà Trường đã ban hành các Quy chế đào tạo [H4.04.02.01] nhằm cụ thể hóa Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ GD&ĐT [H4.04.02.02] và triển khai thực hiện đối với các hệ đào tạo hệ thường xuyên [H4.04.02.03]

Từ năm học 2012 – 2013, Trường bắt đầu sử dụng hệ thống phần mềm EdusoftNet để quản lý đồng bộ các khâu trong công tác đào tạo: quản lý GV, quản lý học phí, quản lý chương trình - kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu, tổ chức thi, quản lý kết quả học tập - điểm số của SV, quản lý SV,... Việc sử dụng phần mềm QLĐT giúp phát huy được những ưu điểm nổi bật của học chế tín chỉ phát huy được tính tích cực và tính chủ động của người học. Công tác quản kết quả học tập của SV được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác và thuận tiện trong việc tra cứu [H4.04.02.04]

Hoạt động đào tạo của Trường đều được thực hiện theo kế hoạch năm học, được triển khai tới toàn thể cán bộ, giảng viên, sinh viên, được thực hiện một cách đồng bộ, linh hoạt trong năm học [H4.04.02.05] và được triển khai trên thời khóa biểu [H4.04.02.06]. Phòng Đào tạo chịu trách nhiệm tổ chức hướng dẫn SV đăng ký môn học chính thức, môn học lại bằng hình thức online, SV có thể kiểm tra thời khóa biểu, bảng điểm cá nhân trên website của trường, một số yêu cầu học vụ mới phù hợp với học chế tín chỉ cũng từng bước được bổ sung trong quy chế đào tạo như: học cải thiện điểm, đăng ký môn học thay thế, thông qua các văn bản hướng dẫn, các quy định/công bố CĐR, các bảng điểm tích lũy của SV.... Ngoài ra, Trường còn hướng dẫn SV tự tích lũy việc học ngoại ngữ và tin học để đạt các chứng chỉ theo quy định chuẩn đầu ra... [H4.04.02.07]. Tuy nhiên, do kinh nghiệm tổ chức và triển khai đào tạo tín chỉ còn hạn chế nên dẫn đến việc thực hiện chưa đầy đủ, chưa thật sự đúng nghĩa theo học chế tín chỉ. Song, Nhà trường cũng đã từng bước thực hiện các học vụ thuộc học chế tín chỉ:

đăng ký môn học trực tuyến, sinh viên chủ động trong việc học lại – học cải thiện điểm, học các học phần tương đương- thay thế, xét tốt nghiệp...[H4.04.02.08]

2. Điểm mạnh

Nhờ quyết tâm triển khai học chế tín chỉ ngay khi thành lập trường (năm 2009) và kết hợp ứng dụng phần mềm Edusoft trong công tác quản lý đào tạo giúp cơ sở dữ liệu về công tác đào tạo luôn được cập nhật, đảm bảo tính chính xác và an toàn giúp người học rất dễ dàng tiếp cận và chủ động thiết lập hoặc điều chỉnh kế hoạch học tập cá nhân.

3. Tồn tại

Việc triển khai đào tạo theo học chế tín chỉ ở Trường còn hạn chế, chưa hoàn thiện: môn học tự chọn còn ít, SV chưa được chủ động trong tiến độ học tập, chọn môn học, chọn giảng viên, việc tổ chức học lại cũng còn nhiều khó khăn.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2016 – 2017 và những năm tiếp theo, Trường tiếp tục nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ, cải tiến hoàn thiện dần việc tổ chức dạy học theo học chế tín chỉ trong đó chú trọng hoàn thiện quy trình đăng ký môn học (trong đó có đăng ký học lại, học cải thiện), tăng cường mở các lớp môn học tự chọn, tăng tính chủ động của sinh viên trong việc xác định tiến độ học tập phù hợp nhu cầu bản thân để tiến tới thực hiện học chế tín chỉ hoàn toàn vào năm học 2018 – 2019.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4.3. Có kế hoạch và phương pháp đánh giá hợp lý các hoạt động giảng dạy của giảng viên; chú trọng việc triển khai đổi mới phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của người học.

1. Mô tả

Về quy trình đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên: Nhà trường đã ban hành Quy chế GV và các văn bản về việc đánh giá giảng viên [H4.04.03.01]. Tổ chức đánh giá thông qua các hoạt động dự giờ giảng viên [H4.04.03.02] lấy kết quả làm cơ sở đánh giá chất lượng đội ngũ giảng dạy. Việc tổ chức đánh giá các hoạt động giảng dạy của giảng viên được thực hiện theo Quy định của Trường và đều có phiếu khảo sát đánh giá giờ dạy của giảng viên được lưu tại các khoa [H4.04.03.03]. Kết quả đánh giá được tổng hợp phản hồi lại cho giảng viên các cấp quản lý để nghiên cứu, điều chỉnh, cải tiến phương pháp dạy học cho có hiệu quả.

Mặt khác, Trường còn tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV thông qua các môn học bằng hình thức: phát phiếu giấy sau khi kết thúc môn học hoặc khảo sát bằng đăng nhập vào website để xem kết quả học tập các môn học <http://dkmh.tdmu.edu.vn/TQM/XemKQDG> . Kết quả khảo sát cũng được xử lý, tổng hợp và phản hồi lại cho các cá nhân và đơn vị để có biện pháp cải tiến, đổi mới phương pháp cho thích hợp[H4.04.03.04]. Hàng năm, Nhà trường kết hợp với Khoa tổ chức kiểm tra chuyên môn, cụ thể (kiểm tra hồ sơ chuyên môn và dự giờ trên lớp). Kết quả kiểm tra được phản hồi đến từng cá nhân và được thông qua Hội đồng khoa và Lãnh đạo Trường xử lý, cải tiến [H4.04.03.05].

Về đổi mới phương pháp dạy và học: Để đổi mới PPDH, Trường yêu cầu tất cả GV phải có chứng chỉ lý luận dạy học đại học/ nghiệp vụ sư phạm đại học (đối với các ngành ngoài sư phạm). Trường luôn quan tâm đến việc đổi mới phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập theo hướng phát triển năng lực của người học. Năm học 2014 – 2015, Trường bắt đầu tổ chức các lớp tập huấn cho đội ngũ GV cốt cán của các khoa nhằm triển khai việc xây dựng CTĐT theo đề xướng CDIO [H4.04.03.06]. Trong năm 2016, Nhà Trường đã kết hợp với các khoa tổ chức nhiều hoạt động nhằm thúc đẩy hoạt động đổi mới PPGD, thường xuyên mở các lớp tập huấn nâng cao kỹ năng và phương pháp giảng dạy ISW (Instructional Skills Workshop) [H4.04.03.07],

Trường yêu cầu GV chú trọng việc hướng dẫn SV tự học, viết tiểu luận, chuẩn bị nội dung thảo luận tại các buổi seminar, SV chủ động tham gia nghiên cứu khoa học. Trong đề cương chi tiết tất cả các học phần đều phải xác định rõ thời lượng, cách thức tổ chức dạy – học, kiểm tra đánh giá, làm bài tập nhóm, bài tập cá nhân, thảo luận trên lớp, tự học... để phát huy tính chủ động, khả năng tự học, tự nghiên cứu của người học trong việc nắm bắt và vận dụng kiến thức giải quyết các vấn đề. [H4.04.03.08].

Nhằm giúp người học phát triển năng lực tư duy, năng lực tự học - tự nghiên cứu. Từ năm học 2016 – 2017, CTĐT đều được thiết kế có phần phương pháp nghiên cứu khoa học và Tư duy biện luận ứng dụng. Trung tâm Phát triển Công tác Xã hội tổ chức và triển khai thực hiện kế hoạch huấn về kỹ năng xã hội cho tất cả các sinh viên theo chuẩn đầu ra [H4.04.03.09]. Mặt khác, nhằm đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, Khoa công nghệ thông tin đã triển khai thí điểm E-Learning (<http://elearning.tdmu.edu.vn/>), Khoa ngoại ngữ triển khai dạy học Tiếng Anh giao tiếp trực tuyến cho sinh viên sử dụng giáo trình Life và website My ELT và nhiều khoa cũng đã triển khai elearning[H4.04.03.10].

2. Điểm mạnh

Nhà trường, Khoa đều có kế hoạch và phương pháp đánh giá hợp lý các hoạt động giảng dạy của GV; Luôn chú trọng đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực của SV. Các hoạt động đánh giá, đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập được thực hiện thường xuyên có hiệu quả.

3. Tồn tại

Nhà trường và các Khoa/BM có tổ chức các Tập huấn về PPGD và đánh giá nhưng chưa có các Hội thảo về cải tiến PPGD theo định kỳ.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2017, Nhà trường sẽ triển khai và mở rộng chương trình tập huấn cho GV toàn trường. Bên cạnh đó, tiếp tục gửi GV đi học tập nước ngoài và ký kết, hợp đồng GV nước ngoài đến và làm việc tại trường để tạo cơ hội học tập lẫn nhau về PPGD và đánh giá kết quả học tập của người học.

Nhà trường tiếp tục cải tiến quy trình dự giờ, giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm giảng dạy của các giảng viên với nhau. Tổ chức hội thảo về việc đổi mới PPDH, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập, tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học đầy đủ và đồng bộ hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4.4. Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu môn học và đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo; đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề.

1. Mô tả

Để đánh giá kết quả học tập của người học, Nhà trường đã ban hành những Quy định về công tác kiểm tra đánh giá kết thúc môn học. Các văn bản thể hiện rõ quy định, qui trình về việc ra đề, tổ chức thi, chấm thi, nhập điểm, công bố điểm thi và điểm tổng kết môn học. Trường còn xây dựng quy trình đăng ký chấm phúc khảo, giải quyết khiếu nại về điểm số, quản lý bài thi và kết quả kiểm tra đánh giá sao cho phù hợp với các Quy chế đào tạo đã được ban hành. Các quy định trong công tác kiểm tra đánh giá của Trường được thể hiện rõ trách nhiệm của từng cá nhân và đơn vị liên quan. Khoa và các tổ bộ môn được phân quyền trong việc tổ chức ra đề, coi thi, chấm thi; giảng viên nhập điểm trực tuyến có sự kiểm tra, giám sát của khoa và bộ môn;

Phòng Đào tạo (bộ phận phụ trách công tác kiểm tra đánh giá) giữ vai trò đầu mối phối hợp với các khoa trong việc lên kế hoạch thi, xếp lịch kiểm tra, hỗ trợ điều động GV tham gia coi thi, chấm thi, giám sát trong tất cả các khâu trước khi xét công nhận kết quả cho người học. Phòng thanh tra thực hiện chức năng thanh tra, giám sát các khoa để đảm bảo công tác kiểm tra đánh giá nghiêm túc, khách quan, chính xác và công bằng. Vì thế, hoạt động đào tạo của Trường trong việc tổ chức thi, chấm thi đảm bảo quy trình chặt chẽ, nghiêm túc, công bằng, đúng quy chế hiện hành [H4.04.04.01]. Các hình thức kiểm tra giữa kỳ, kiểm tra kết thúc học phần được đa dạng hóa như: thi vấn đáp, thực hành, tự luận, trắc nghiệm, viết tiểu luận, làm đồ án môn học, bài tập lớn... [H4.04.04.01], [H4.04.04.02]. Nhà trường còn ban hành Quy định về cách tính điểm tổng kết học phần (*đối với học phần chỉ có lý thuyết, học phần thực hành, học phần có cả lý thuyết và thực hành*) bao gồm nhiều điểm thành phần với những trọng số cụ thể: kiểm tra thường xuyên, kiểm tra giữa kỳ, kiểm tra kết thúc học phần; cách tính điểm khóa luận/đồ án tốt nghiệp [H4.04.04.01], [H4.04.04.03],[H4.04.04.04]

Về phương pháp đánh giá kết quả học tập của sinh viên, Nhà trường chú trọng đến việc đánh giá mức độ tích lũy của sinh viên về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề, vận dụng thang Bloom trong việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên [H4.04.04.05]

Hiện nay, Trường chỉ đạo các Khoa tiến hành xây dựng ngân hàng đề thi để tiến tới hoàn thiện quy trình tổ chức kiểm tra đánh giá một cách đồng bộ [H4.04.04.06]

Trường tiếp tục khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về phương pháp và quy trình thực hiện kiểm tra đánh giá [H4.04.04.07]. Tăng cường kiểm tra đánh giá các kỹ năng và năng lực của sinh viên, tiến hành tổng kết, rút kinh nghiệm công tác ra đề, tổ chức kiểm tra đánh giá của các loại hình đào tạo trong trường. [H4.04.04.08].

2. Điểm mạnh

- Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá được xây dựng cụ thể, đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng của công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên; góp phần thực hiện mục tiêu môn học;

- Các hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên đa dạng, phong phú phù hợp với đặc điểm của từng môn học.-

3. Tồn tại

Đối với các khóa học bậc đại học hệ thường xuyên, phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học phần còn hạn chế, Nhà trường đã áp dụng quy trình

kiểm tra đánh giá của hệ chính quy nhưng chưa xây dựng được quy trình kiểm tra đánh giá riêng, phù hợp cho các hệ thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, Nhà trường chỉ đạo các khoa tiến hành các công việc sau:

- Hoàn chỉnh Quy định về công tác kiểm tra đánh giá, trong đó chú trọng việc đa dạng hóa hình thức kiểm tra, ra đề thi theo hướng đánh giá được năng lực của người học, phù hợp với đặc điểm của SV chính quy và thường xuyên.

Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4.5. Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Văn bằng tốt nghiệp và chứng chỉ được cấp theo quy định và được công bố trên trang thông tin điện tử của trường

1. Mô tả

Nhà trường luôn công khai kết quả học tập của sinh viên một cách thường xuyên. Trường quy định sau 15 ngày kể từ ngày kiểm tra kết thúc học phần, giảng viên phải hoàn tất điểm (*điểm trên bài, bảng điểm, lên điểm trên phần mềm đào tạo, ký đầy đủ vào các biểu mẫu*) và xác nhận kết quả, công bố, tổ chức lưu trữ [H4.04.05.01]. Điểm của sinh viên được công bố trên trang website xem điểm, cụ thể: <http://dkmh.tdmu.edu.vn/DIEM/XemDiem>. Sinh viên đăng nhập tài khoản cá nhân của mình có thể xem và in kết quả học tập kịp thời [H4.04.05.02]. Ngoài ra SV có nhu cầu ký xác nhận bảng điểm sẽ được Phòng Đào tạo giải quyết [H4.04.05.03].

Kết quả học tập của sinh viên được bảo quản, lưu trữ tại Phòng Đào tạo và các Khoa trên phần mềm EdusoftNet và bản in trên giấy theo quy định. Các loại hồ sơ, sổ sách lưu giữ kết quả học tập của sinh viên theo từng khóa, lớp được được các khoa sắp xếp theo hệ thống, thuận tiện cho việc tìm kiếm khi cần thiết [H4.04.05.04].

Việc quản lý, in ấn, cấp phát văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp cho SV được Nhà trường thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và Quy chế quản lý, cấp phát văn bằng chứng chỉ [H4.04.05.05]. Các loại hồ sơ sổ sách liên quan như Quyết định công nhận tốt nghiệp, danh sách sinh viên tốt nghiệp, sổ cấp phát văn bằng chứng chỉ được bảo quản, lưu trữ cẩn thận theo đúng quy định của Bộ GD-ĐT. Việc xử lý văn bằng in hư, sửa đổi, hủy văn bằng chứng chỉ cũng được thực hiện đúng quy trình [H4.04.05.06]

Mỗi năm, Nhà trường công bố kế hoạch xét tốt nghiệp 2 lần và được tiến hành rà soát dữ liệu đào tạo, xét tốt nghiệp cho sinh viên [H4.04.05.07]. Sau khi có Quyết

định và danh sách SV tốt nghiệp được đưa lên Website của Trường trước khi tiến hành in ấn văn bằng, chứng chỉ theo quy định của Bộ GD-ĐT[H4.04.05.08] [H4.04.05.09].

2. Điểm mạnh

Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời và lưu trữ an toàn. Văn bằng chứng chỉ được in ấn và cấp phát đúng quy định. Thông tin tốt nghiệp được công khai rộng rãi trên Website của Trường giúp người học có thể tra cứu khi cần thiết.

3. Tồn tại

Quy trình quản lý điểm, in cấp bằng điểm cho sinh viên hiện nay còn một số điểm bất cập, chưa tạo sự thuận tiện cho sinh viên.

4. Kế hoạch hành động

Trường tiếp tục cải tiến quy trình, cách thức quản lý điểm, biểu mẫu bằng điểm,... đảm bảo tính chính xác, an toàn và tạo thuận lợi tối đa cho người học có thể tiếp cận trực tuyến nhanh chóng, dễ dàng theo dõi kết quả học tập, tình hình tiến bộ theo thời gian.

5.Tư đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4.6. Có cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo của nhà trường, tình hình sinh viên tốt nghiệp, tình hình việc làm và thu nhập sau khi tốt nghiệp

1. Mô tả

Công tác lưu trữ thông tin dữ liệu về hoạt động đào tạo được Trường quan tâm lưu giữ một cách khoa học, hợp lý và được phân công cho các đơn vị chức năng có trách nhiệm thu thập lưu trữ. Hệ thống cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo của Nhà trường do các đơn vị được phân công quản lý bao gồm:

+ Trung tâm công nghệ thông tin, Trung tâm Tuyển sinh và Thị trường lao động phối hợp với phòng Đào tạo quản lý hệ thống hồ sơ/dữ liệu về tuyển sinh bao gồm: Hồ sơ tuyển sinh, Điểm chuẩn đầu vào, điểm trúng tuyển, danh sách thí sinh trúng tuyển, danh sách sinh viên nhập học, danh sách các lớp môn học [H4.04.06.01].

+ Phòng Đào tạo và các khoa quản lý Các chương trình đào tạo, đề cương chi tiết[H4.04.06.02]; Kế hoạch đào tạo, lịch trình đào tạo từng khóa/năm học [H4.04.06.03]; Kết quả học tập của sinh viên; kết quả điểm tốt nghiệp; quyết định, danh sách sinh viên tốt nghiệp; Hồ sơ, dữ liệu hoạt động đào tạo (chương trình, thời khóa biểu), thông tin sinh viên, kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên các khóa được Phòng Đào tạo và các đơn vị liên quan (các khoa, phòng Công tác sinh viên...)

cập nhật thường xuyên, lưu trữ đầy đủ trên sổ sách và phần mềm quản lý đào tạo edusoft [H4.04.06.04]

+ Phòng Tổ chức phối hợp phòng Đào tạo và các khoa quản lý Các điều kiện đảm bảo chất lượng về CTĐT, CSVC, GV giảng dạy đúng chuyên môn và học vị [H4.04.06.05];

+ Hàng năm, Trung tâm Tuyển sinh và Thị trường lao động tiến hành khảo sát tình hình việc làm của SV sau tốt nghiệp trong đó đã đánh giá về thời gian để SV tìm được việc làm; tỉ lệ SV có việc làm đúng chuyên ngành đào tạo và những đánh giá về những nội dung của khóa học. Sau khi SV tốt nghiệp, Trung tâm phối hợp với bộ phận cấp phát văn bằng chứng chỉ tiến hành khảo sát để cập nhật thông tin việc làm của SV sau tốt nghiệp hoặc giới thiệu cho SV nếu chưa có việc làm. Ngoài ra, vào các dịp lễ kỷ niệm thành lập Trường hằng năm, thông qua những SV về gặp mặt, các khoa đã phỏng vấn trực tiếp các cựu SV về tình hình việc làm sau khi tốt nghiệp. Qua đó, nhà trường xây dựng được cơ sở dữ liệu Thông tin về sinh viên tốt nghiệp (tình hình việc làm, việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo, thu nhập sau 1 năm tốt nghiệp) [H4.04.06.06]

Tháng 9/2016 Trường đã thành lập Ban liên lạc Hội Cựu SV [H4.04.06.07] và Trung tâm Tuyển sinh & Thị trường lao động cũng tạo kênh liên lạc với cựu sinh viên để nắm bắt thông tin tốt hơn về tình hình việc làm và thu nhập của sinh viên sau tốt nghiệp [H4.04.06.08]

2. Điểm mạnh

Hệ thống lưu trữ thông tin được thực hiện tốt; thông tin, dữ liệu liên quan đến hoạt động đào tạo được lưu trữ cả trên sổ sách và trong máy tính.

Nhà trường đã thành lập Trung tâm tuyển sinh và thị trường lao động là đơn vị chuyên trách thực hiện thu thập, nắm bắt những ý kiến phản hồi của sinh viên trong khi học tại trường và sau khi tốt nghiệp cũng như ý kiến của các nhà tuyển dụng.

3. Tồn tại

Quy mô khảo sát sinh viên tốt nghiệp về tình hình việc làm còn chưa lớn. Trường chưa có cơ chế đồng bộ để cập nhật nhanh chóng và chính xác tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp theo thời gian.

Chưa khai thác triệt để phần mềm quản lý đào tạo của nhà trường, một số chức năng của phần mềm chưa hoàn thiện cần tiếp tục cải tiến và phát triển. Việc tổ chức lưu trữ dữ liệu đào tạo của trường còn biểu hiện phân tán, chưa hợp lý.

4. Kế hoạch hành động

Nhà Trường tiếp tục cải tiến, hoàn thiện hệ thống phần mềm quản lý đào tạo; mặt khác tổ chức hợp lý hóa công tác lưu trữ cơ sở dữ liệu đào tạo đảm bảo tính tập trung, thống nhất để đảm bảo hiệu quả quản lý, khai thác sử dụng cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo của Nhà trường.

Nhà trường chỉ đạo Trung tâm Tuyển sinh và Thị trường Lao động mở rộng quy mô khảo sát về tình hình việc làm của SV tốt nghiệp, hoàn thiện website của Trung tâm góp phần phục vụ công tác khảo sát cựu sinh viên.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4.7. Có kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường và kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của xã hội

1. Mô tả

Trên cơ sở nhận thức việc tổ chức đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường là việc làm quan trọng để phát triển chất lượng đào tạo. Trong báo cáo tổng kết năm học hàng năm, Nhà trường đều có đưa ra những nhận xét, đánh giá về chất lượng đào tạo đối với sinh viên tốt nghiệp khóa học và đề ra các giải pháp để nâng cao chất lượng đào tạo cho người học ở các khóa học tiếp theo [H4.04.07.01]. Năm học 2014- 2015, Trường đã xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch đánh giá năng lực và chất lượng của sinh viên tốt nghiệp khóa học đầu tiên ra trường. Tổ chức lấy ý kiến phản hồi sinh viên tốt nghiệp về các hoạt động đào tạo của Trường, phân tích kết quả khảo sát để điều chỉnh hoạt động đào tạo [H4.04.07.02].

Thực hiện theo kế hoạch Nhà trường, các Khoa đã tiến hành lấy ý kiến khảo sát sinh viên tốt nghiệp ra trường và các bên liên quan về chương trình đào tạo, đội ngũ giảng viên, công tác quản lý và cán bộ phục để kịp thời điều chỉnh các hoạt động đào tạo của mình cho phù hợp với nhu cầu xã hội[H4.04.07.03]. Kết quả, Năm học 2016 – 2017, Nhà trường tăng cường trang bị kỹ năng xã hội cho sinh viên, tổ chức các lớp bồi dưỡng để sinh viên đạt chuẩn đầu ra về kỹ năng xã hội, bổ sung học phần Tư duy biện luận ứng dụng, Nhập môn ngành cho sinh viên tất cả các ngành học, tăng cường giảng dạy ngoại ngữ (tiếng Anh) cho sinh viên qua việc cải tiến 4 học phần: Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2, Tiếng Anh 3, Tiếng Anh 4, tăng cường hoạt động thực tế, thực hành, thực tập chuyên môn theo hướng nâng cao năng lực, kỹ năng nghề nghiệp cho người học [H4.04.07.04]

Ngoài ra, Nhà trường đã xây dựng nhiều mối quan hệ với các đơn vị sử dụng lao động để có được nguồn thông tin về chất lượng đào tạo của Trường như Ban quản lý các khu công nghiệp và Hiệp hội thương gia Đài Loan, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bình Dương, VNPT Bình Dương,... [H4.04.07.05]. Ban Chỉ đạo Công tác Thực tập Sư phạm tổ chức các hội nghị tổng kết, triển khai công tác TTSP đánh giá và để lắng nghe ý kiến phản hồi từ các trường phổ thông, trường tiểu học và mầm non trong tỉnh. Tổng hợp các ý kiến của đơn vị tiếp nhận sinh viên thực tập để có những điều chỉnh cho phù hợp trong công tác đào tạo: tăng cường hoạt động thực hành trong việc giảng dạy học phần Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên, tổ chức cho sinh viên tìm hiểu thực tế ở trường phổ thông khi học các học phần Phương pháp giảng dạy... [H4.04.07.06].

2. Điểm mạnh

Trường đã triển khai kịp thời kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo thông qua khảo sát sinh viên sau khi ra trường để điều chỉnh chương trình đào tạo phù hợp với yêu cầu của xã hội

3. Những tồn tại

Hoạt động đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi tốt nghiệp của Nhà trường còn gặp nhiều khó khăn, quy mô khảo sát nhà tuyển dụng còn nhỏ nên Nhà trường còn chưa có nhiều dữ liệu về chất lượng SV tốt nghiệp của Trường

4. Kế hoạch hành động

Trong những năm tới, Nhà Trường tiếp tục triển khai và hoàn thiện quy trình phân tích, đánh giá ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về chương trình đào tạo, chất lượng hoạt động giảng dạy, đánh giá, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ sinh viên, giảng viên, chất lượng đào tạo,... Trên cơ sở kết quả phân tích đánh giá khách quan các Khoa, Phòng, Ban và từng GV sẽ lập kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu xã hội.

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận về tiêu chuẩn 4:

Điểm nổi bật trong CTĐT của Trường Đại học Thủ Dầu Một là tính đa dạng về ngành học và chuyên ngành đối với hệ đào tạo đại học chính quy và thường xuyên, cao học; CTĐT của nhà trường có thể đáp ứng một cách linh hoạt với các nhu cầu học tập khác nhau của người học bao gồm: học theo hình thức chính quy, vừa làm vừa học, liên thông, liên kết. Bên cạnh đó, ngay từ năm 2010 khi bắt đầu tuyển sinh khóa đầu

tiên đào tạo trình độ đại học, nhà trường đã quyết tâm chuyển sang đào tạo theo học chế tín chỉ. Mặc dù học chế tín chỉ của nhà trường chưa hoàn thiện nhưng để đảm bảo tính hệ thống và tương đối ổn định, nhà trường đã từng bước xây dựng được các quy định, quy trình đào tạo theo học chế tín chỉ tương đối linh hoạt, được cập nhật thường xuyên nhằm triển khai thuận lợi việc tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ và tạo điều kiện thuận lợi cho người học khi tham gia học tập theo học chế này. Trong những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục điều chỉnh để hoàn thiện các quy chế, quy trình liên quan tiến tới thực hiện học chế tín chỉ đầy đủ.

Mặt khác, nhà trường luôn coi trọng việc bồi dưỡng nâng cao năng lực, phương pháp giảng dạy cho đội ngũ GV của nhà trường thông qua những hoạt động giao lưu, trao đổi kinh nghiệm, tập huấn đổi mới phương pháp giảng dạy... Công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên của trường được đảm bảo thực hiện nghiêm túc, khách quan, công bằng qua cả quy chế, quy định chặt chẽ và thường xuyên được cải tiến nhằm đánh giá năng lực, kỹ năng nghề nghiệp của người học.

Nhà trường có kế hoạch rà soát, điều chỉnh những điểm còn tồn tại thiếu sót trong việc tổ chức đào tạo để không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

Tiêu chuẩn 4 gồm có: 7 tiêu chí đạt 7/7

Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên

Mở đầu

Trường Đại học Thủ Dầu Một có đội ngũ CBQL, GV, NV đảm bảo đủ trình độ, phẩm chất và năng lực, hoàn thành tốt nhiệm vụ của Nhà trường. Đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng yêu cầu về số lượng, chất lượng, chuyên môn theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo. Trường đã triển khai và thực hiện tốt các văn bản về công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, quy hoạch cán bộ đúng quy trình và có tiêu chí rõ ràng, minh bạch.

Đội ngũ CBQL của Nhà trường được bổ nhiệm theo nhiệm kỳ và đảm bảo đúng tiêu chuẩn, trình tự, quy trình hướng dẫn về công tác bổ nhiệm cán bộ theo các văn bản quy định của cấp trên. Nhà trường thường xuyên tổ chức và cử CB, GV và NV tham gia các lớp tập huấn bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy. Số lượng đội ngũ GV có học vị trên đại học ngày càng tăng.

Nhà trường luôn hỗ trợ, khuyến khích CB, GV và NV nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tạo động lực thu hút người có học hàm, học vị về tham gia giảng dạy và công tác lâu dài tại Trường.

Tiêu chí 5.1. Có kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên và nhân viên; quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện cụ thể của trường đại học; có qui trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng, minh bạch

1. Mô tả

Chiến lược xây dựng và phát triển Trường ĐHTDM đến năm 2020 và chiến lược phát triển đến năm 2025 đã nêu rõ mục tiêu, giải pháp, chương trình hành động phát triển nhân sự [H5.05.01.01]. Hàng năm, Trường đều có kế hoạch tuyển dụng nhân sự rõ ràng dựa trên kế hoạch định biên hàng năm do BGH phê duyệt. Do đó, việc tuyển dụng cán bộ phù hợp với yêu cầu của từng ngành đào tạo [H5.05.01.02].

Năm 2013, Trường đã xây dựng kế hoạch xác định rõ các vị trí việc làm, mô tả công việc của từng vị trí CB-VC, số lượng người làm việc hiện nay tại Trường [H5.05.01.03].

Hàng năm, Phòng Tổ chức cán bộ đều tiến hành khảo sát nhu cầu nhân sự của các đơn vị để lập Kế hoạch định biên trình Ban Giám hiệu phê duyệt và tiến hành tuyển dụng [H5.05.01.04].

Phòng Tổ chức xây dựng Quy trình tuyển dụng, trong đó nêu rõ các yêu cầu về

trình độ, kinh nghiệm, tính chuyên nghiệp làm cơ sở cho việc xét tuyển [H5.05.01.05]. Quy trình tuyển dụng được thực hiện theo đúng quy định, công khai và minh bạch, bao gồm các bước:

- Thông báo tuyển dụng: Tất cả các vị trí đều được đăng tuyển với các tiêu chí rõ ràng trên các phương tiện truyền thông có uy tín được nhiều người tham khảo như website của Nhà trường, website Phòng Tổ chức và báo Bình Dương [H5.05.01.06].

- Sơ tuyển hồ sơ và khảo sát năng lực thực tế: Hội đồng Tuyển dụng họp xét duyệt hồ sơ và mời các ứng viên có hồ sơ đầy đủ đến phỏng vấn và đánh giá. Việc đánh giá và phỏng vấn các ứng viên được căn cứ trên Phiếu đánh giá tuyển dụng với các tiêu chuẩn cụ thể [H5.05.01.07]. Riêng vị trí GV, sau khi phỏng vấn ứng viên còn phải thực hiện một số tiết giảng để Hội đồng đánh giá về kiến thức, kỹ năng, thái độ của ứng viên [H5.05.01.08].

- Các ứng viên trúng tuyển sẽ được ký kết hợp đồng thử việc với các mốc thời gian theo quy định của pháp luật hiện hành [H5.05.01.09].

Bên cạnh việc tuyển dụng, nhằm để thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao về công tác tại Trường, UBND tỉnh Bình Dương đã ban hành chính sách thu hút nguồn nhân lực đối với người có học hàm học vị về công tác tại Trường [H5.05.01.10].

Trong giai đoạn 2010 – 2015, Nhà trường đã xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển đội ngũ đáp ứng nhu cầu đào tạo và NCKH [H5.05.01.11].

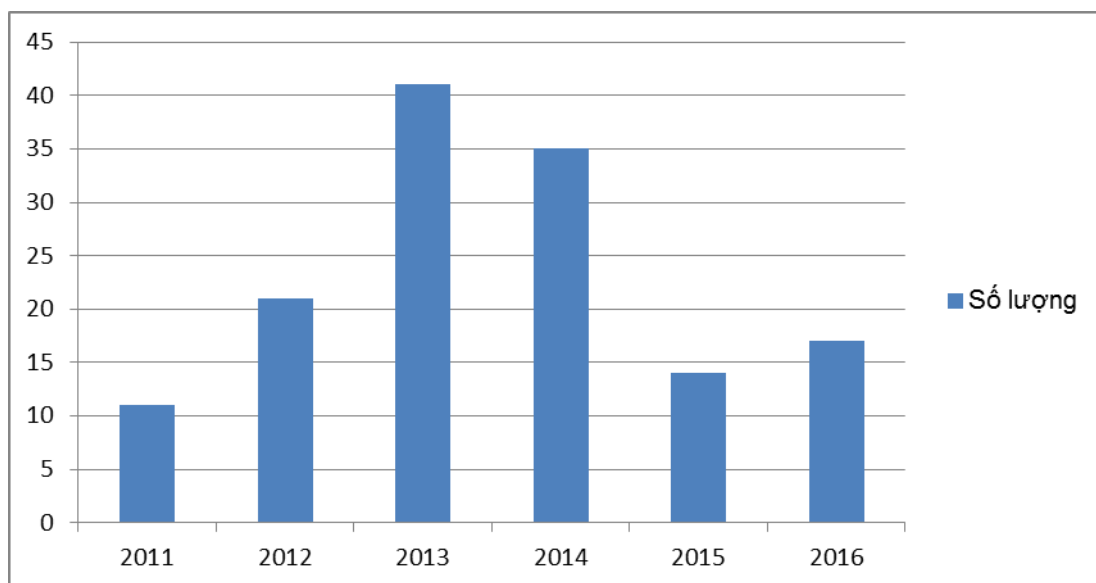
Công tác đào tạo, bồi dưỡng CBVC luôn được Nhà trường quan tâm và xem đây là nhiệm vụ thường xuyên, có ý nghĩa quan trọng, góp phần trong việc nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực công tác, chất lượng và hiệu quả làm việc của CBVC. Vì vậy, Trường đã có kế hoạch và kết quả của việc thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ CBVC.

Nhà trường có chính sách cử CBVC đi đào tạo bồi dưỡng tại các đơn vị đào tạo tiên tiến trong và ngoài nước bằng nguồn kinh phí của Trường và tỉnh Bình Dương hỗ trợ. Từ năm 2011 - 2015, Trường đã cử 153 CBVC học tập nâng cao trình độ chuyên môn trong và ngoài nước [H5.05.01.12], và cử 1295 lượt CBVC tham gia các khóa bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong nước [H5.05.01.13].

Đảng ủy và Ban Giám hiệu có quy hoạch CBQL cho giai đoạn 5 năm/lần theo nhiệm kỳ Hiệu trưởng. Các vị trí trong BGH do Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương bổ nhiệm, trường các đơn vị thuộc Trường do Hiệu trưởng bổ nhiệm. Quy trình bổ nhiệm

do Hiệu trưởng ban hành, các tiêu chí bổ nhiệm dựa trên Điều lệ trường đại học [H5.05.01.14].

Đối với quy trình bổ nhiệm và bổ nhiệm lại cán bộ quản lý Nhà trường tuân thủ theo quy trình, hướng dẫn của chính phủ và UBND tỉnh Bình Dương ban hành. Tùy từng chức vụ công việc quản lý mà nhà trường có quy trình bổ nhiệm khác nhau: như quy trình bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng khác quy trình bổ nhiệm Trưởng Khoa [H5.05.01.15].



Biểu đồ 1. Biểu đồ thể hiện số lượng CBVC hoàn thành luận án tiến sĩ và luận văn thạc sĩ từ năm 2011 – 2016

2. Điểm mạnh

Nhà trường có Chiến lược nhân sự và mục tiêu, giải pháp cụ thể; có kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên và nhân viên; quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ phù hợp với điều kiện cụ thể của Trường; quy trình và tiêu chuẩn tuyển dụng đối với tất cả vị trí đều rõ ràng, minh bạch, mang lại hiệu quả cao, tuyển chọn các ứng viên có đủ năng lực đáp ứng nhu cầu công việc.

Ngoài ra, Nhà trường đã có kế hoạch chiến lược dài hạn về đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ của Trường đến năm 2020.

3. Tồn tại:

Việc sử dụng biên chế tuyển dụng viên chức của Nhà trường còn chịu sự quản lý của UBND tỉnh Bình Dương, vì vậy Nhà trường rất khó chủ động trong việc tuyển dụng viên chức hàng năm.

4. Kế hoạch hành động

Tiếp tục tổ chức tuyển dụng thêm giảng viên và cán bộ theo quy hoạch.

Từ năm học 2017-2018 bắt đầu thực hiện 02 Chương trình bồi dưỡng GV và CBVC của Trường.

Tiếp tục đề xuất tỉnh Bình Dương tạo cơ chế thuận lợi để Trường thực hiện việc tuyển dụng CBVC được tốt hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 5.2. Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được đảm bảo các quyền dân chủ trong trường đại học

1. Mô tả

Để thực hiện quyền dân chủ trong trường học, Trường ĐHTDM đã xây dựng môi trường dân chủ, đảm bảo cho cán bộ viên chức được quyền kiểm tra, giám sát, tham gia đóng góp ý kiến xây dựng các hoạt động trong Trường. Nhà trường đã ban hành quy chế thực hiện dân chủ [H5.05.02.01]. Trường thực hiện nghiêm túc các điều quy định trong Quy chế dân chủ và luôn công khai cho tất cả cán bộ viên chức được biết về các hoạt động của Nhà trường. Các Nghị quyết của Trường luôn được thông báo rộng rãi đến tất cả các đơn vị và CB-VC [H5.05.02.02].

Ngoài ra, Nhà trường còn thực hiện chế độ công khai các quyền lợi, chế độ, chính sách theo quy chế chi tiêu nội bộ (quy chế này được cập nhật bổ sung định kỳ hàng năm thông qua ý kiến tập thể của các đơn vị) [H5.05.02.03].

Các danh hiệu thi đua khen thưởng đều được Hội đồng Thi đua khen thưởng bình chọn từ cấp cơ sở đến cấp Trường [H5.05.02.04].

Các chủ trương lớn của Nhà trường đều được quyết định dựa trên ý kiến của tập thể CBVC theo nguyên tắc tập trung dân chủ và đảm bảo quyền lợi thiết thực của CBVC. 100% CBVC được tham gia thảo luận, góp ý về giảng dạy, nghiên cứu khoa học, quy chế chi tiêu nội bộ bằng các hoạt động như sau:

- Hàng năm, Nhà trường đều tổ chức Hội nghị CBVC để thảo luận, đánh giá, đóng góp ý kiến và giải pháp cho các mặt hoạt động của Trường [H5.05.02.05].

- Vào đầu mỗi năm học, Nhà trường tổ chức cuộc gặp mặt giữa Ban Giám hiệu với toàn thể CBVC nhằm tổng kết năm học trước và triển khai nhiệm vụ cho năm học mới [H5.05.02.06].

- Hàng năm, Nhà trường đều có kế hoạch tổ chức tuần sinh hoạt công dân, sinh viên vào đầu mỗi năm học [H5.05.02.07]. Ngoài ra, Ban Giám hiệu cùng với các đơn

vị liên quan đều có kế hoạch tiếp xúc đại diện sinh viên [H5.05.02.08]. Ban Giám hiệu đã tiếp thu, ghi nhận những ý kiến của sinh viên và đã giải quyết kịp thời, đúng quy định. Đảng ủy và Ban Giám hiệu đã chỉ đạo Công đoàn và Ban Thanh tra nhân dân kịp thời giải quyết những vấn đề mà CBVC phản ánh. [H5.05.02.09]

Hàng năm, Nhà trường đều thu thập ý kiến đóng góp của CBVC về các chủ trương, hoạt động của Nhà trường thông qua các hình thức như: gặp và trao đổi trực tiếp, đóng góp ý kiến qua email, qua hộp thư góp ý hoặc tiếp xúc trực tiếp thông qua các cuộc họp giữa Ban Giám hiệu với các bên liên quan [H5.05.02.10]. Việc đảm bảo quyền dân chủ của CBVC trong Trường được sự hỗ trợ và giám sát của Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên. Trong đó, Ban Thanh tra nhân dân có nhiệm vụ giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, việc thực hiện quy chế dân chủ của các cá nhân, đơn vị trong Nhà trường. Các tổ chức này hoạt động có hiệu quả, nhận được sự ủng hộ của toàn thể CBVC và sự khen thưởng từ các cơ quan chủ quản cấp trên [H5.05.02.11].

2. Điểm mạnh

Thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ trong Trường.

Lãnh đạo Nhà trường thường xuyên tiếp thu và lắng nghe ý kiến phản ánh, góp ý của cán bộ, viên chức và người học. Có nhiều kênh tiếp xúc trực tiếp với lãnh đạo để trao đổi ý kiến về xây dựng Nhà trường.

100% CBVC được tham gia thảo luận, góp ý về định mức giảng dạy, nghiên cứu khoa học và quy chế chi tiêu nội bộ.

3. Tồn tại

Nhà trường chưa có văn bản quy định cụ thể, rõ ràng để giải quyết các khiếu nại, thắc mắc của CBVC.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2017, Trường xây dựng văn bản về quy trình giải quyết khiếu nại, thắc mắc của CBVC.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 5.3. Có chính sách, biện pháp tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước

1. Mô tả

Trong 5 năm qua, Nhà trường thực hiện tốt các kế hoạch, chính sách để hỗ trợ CBVC học tập, tập huấn trong và ngoài nước. Trường đã xây dựng quy chế chi tiêu

nội bộ quy định về mức chi cho hoạt động hỗ trợ CBVC tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ cũng như tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học ở trong và ngoài nước [H5.05.03.01].

Nhà trường có chế độ, chính sách hỗ trợ CBVC đủ điều kiện được cử đi bồi dưỡng ngắn hạn, dài hạn, chuyên môn, nghiệp vụ tại nước ngoài như các trường Đại học tại Anh, Pháp, Newzealand, Bỉ, Mỹ, Úc, Trung Quốc, Hàn Quốc, Ireland, Đức, ... được Trường hỗ trợ mọi quyền lợi được cử đi học [H5.05.03.02]. Ngoài ra, Nhà trường còn có chính sách hỗ trợ kinh phí cho CBVC tham dự hội nghị, hội thảo khoa học trong và ngoài nước [H5.05.03.03]. Đặc biệt, Trường luôn chú trọng, tạo điều kiện để giảng viên nâng cao trình độ chuyên môn như khuyến khích giảng viên có trình độ thạc sĩ tìm các cơ hội học bổng tiến sĩ và hỗ trợ kinh phí khi hoàn thành khóa học đúng thời hạn [H5.05.03.04].

Trường xây dựng và thực hiện các văn bản quy định về chế độ kinh phí hỗ trợ các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ đối với giảng viên có sản phẩm nghiên cứu khoa học, hoặc các công trình NCKH như giáo trình, sách tham khảo, các bài báo được đăng trên các tạp chí uy tín trong và ngoài nước [H5.05.03.05]. Tạo điều kiện cho cán bộ quản lý, giảng viên được tham gia hoặc chủ trì các đề tài nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ ngoài Trường. Nhà trường xác định việc giao lưu trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ với các cơ sở bên ngoài là rất cần thiết đối với cán bộ quản lý và giảng viên. Thông qua hoạt động này, các giảng viên sẽ học hỏi, trao đổi kinh nghiệm về chuyên môn, nghiệp vụ [H5.05.03.06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có những biện pháp và chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi về thời gian và tài chính để CBVC tham gia học tập, nghiên cứu, bồi dưỡng năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, giao lưu trao đổi kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước.

3. Tồn tại:

Số lượng CBVC được cử đi học tập, dự hội thảo ở nước ngoài vẫn còn chưa tương xứng với nhu cầu phát triển của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, Nhà trường tiếp tục đề xuất với UBND tỉnh Bình Dương tăng nguồn kinh phí cho hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ, nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao năng lực đội ngũ viên chức cho sự phát triển và hội nhập của Trường trong giai

đoạn mới.

Nhà trường tiếp tục thực hiện có hiệu quả chủ trương, chính sách khuyến khích cán bộ, giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ tại các cơ sở trong và ngoài nước; đặc biệt khuyến khích cán bộ, giảng viên tham gia các chương trình hợp tác quốc tế trong trao đổi chuyên môn và nghiên cứu khoa học.

Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 5.4. Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức, năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ và hoàn thành nhiệm vụ được giao

1. Mô tả

Hiện tại đội ngũ cán bộ quản lý của Trường là 159 người, gồm: 07 PGS.TS, 26 tiến sĩ, 114 thạc sĩ (NCS: 34), 12 (CH: 09) đại học được bổ nhiệm đúng qui trình [H5.05.04.01].

Ban Giám hiệu 04 người (01 Hiệu trưởng, 03 Phó Hiệu trưởng) đều có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực quản lý chuyên môn nghiệp vụ và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Trong 5 năm qua, các đồng chí đều đạt các danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp trường, tỉnh, bộ [H5.05.04.02], không có CBQL vi phạm về phẩm chất đạo đức, năng lực quản lý.

Đối với CBQL thuộc các đơn vị, hàng năm Nhà trường đều tiến hành công tác đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học. Đối với cán bộ lãnh đạo trường sẽ được đội ngũ lãnh đạo các đơn vị trực tiếp đánh giá theo đúng qui định; đối với lãnh đạo các đơn vị sẽ được cán bộ viên chức cấp dưới đánh giá về năng lực quản lý [H5.05.04.03]. Việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao dựa trên chỉ số đánh giá theo các văn bản qui định của cấp trên [H5.05.04.04]

Kết quả đánh giá xếp loại, hầu hết đội ngũ CBQL của Trường đều hoàn thành xuất sắc công việc được phân công, có phẩm chất đạo đức tốt. Nhiều người đạt các danh hiệu chiến sĩ thi đua các cấp [H5.05.04.05].

Trong 5 năm qua, bên cạnh việc tổ chức đánh giá xếp loại CBVC hàng năm, Nhà trường luôn quan tâm bồi dưỡng đội ngũ CBQL, đã cử nhiều lượt CBQL tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực quản lý [H5.05.04.06].

Tóm lại, thông qua các góp ý nhận xét cán bộ do Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn thanh niên tổ chức, hầu hết CBQL của Trường đều nhận được sự đánh giá tốt [H5.05.04.07].

2. Điểm mạnh

Trường có đội ngũ CBQL đủ về số lượng, mạnh về chất lượng; có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ và kinh nghiệm, tâm huyết với Nhà trường, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ đề ra. Đội ngũ CBQL luôn gương mẫu, nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công tác, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Do vậy, Trường đã được cấp trên khen thưởng và đánh giá cao.

3. Tồn tại:

Từ 2015 đến nay, Nhà trường bổ nhiệm thêm một số CBQL mới, trong đó có một số người chưa được tham gia “Chương trình bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý”.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, Nhà trường tăng cường công tác quy hoạch CBQL trẻ, tiếp tục cử CBQL tham gia các khóa bồi dưỡng, nâng cao năng lực quản lý cho cán bộ được bổ nhiệm.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 5.5. Có đủ số lượng giảng viên để thực hiện chương trình đào tạo và nghiên cứu khoa học; đạt được mục tiêu của chiến lược phát triển giáo dục nhằm giảm tỷ lệ trung bình sinh viên/giảng viên

1. Mô tả

Năm học 2015 – 2016, đội ngũ giảng viên cơ hữu của Nhà trường có 635 giảng viên với 01 Giáo sư, 15 Phó Giáo sư, 115 Tiến sĩ, 504 Thạc sĩ (NCS 97) [H5.05.05.01].

Trường có 100% GV có trình độ sau đại học, trong đó tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên là 20.6% [H5.05.05.02].

Đội ngũ GV thỉnh giảng của Nhà trường ổn định và có trình độ chuyên môn cao. Số lượng GV thỉnh giảng từ năm 2011 - 2016 là 91 người. Tất cả các GV thỉnh giảng đều phải đáp ứng các tiêu chuẩn về học hàm, học vị, kinh nghiệm giảng dạy và nghiên cứu như tiêu chuẩn đối với GV cơ hữu của Trường [H5.05.05.03].

Hiện nay, số lượng sinh viên chính quy toàn Trường là 12.651 sinh viên, căn cứ theo Quyết định số 795/QĐ-BGDĐT ngày 27/02/2010 của Bộ GD&ĐT về việc xác định số sinh viên trên giảng viên cụ thể là: 19.92 SV/1 GV, không bộ môn nào có dưới 3 giảng viên [H5.05.05.04]. Đội ngũ giảng viên cơ hữu đảm nhận giảng dạy tối thiểu 70% khối lượng của CTĐT, trong đó có ít nhất 01 giảng viên có trình độ tiến sĩ và 03

giảng viên có trình độ thạc sĩ đúng ngành [H5.05.05.05]. Vì vậy, Nhà trường có đủ giảng viên để thực hiện chương trình đào tạo và NCKH đáp ứng được nhu cầu đào tạo của Nhà trường [H5.05.05.06].

Trên cơ sở đó, Nhà trường sẽ xây dựng kế hoạch tuyển dụng nhằm tăng cường đội ngũ giảng viên, đáp ứng việc thực hiện chương trình giáo dục và nghiên cứu khoa học. Nhà trường đã cử nhiều giảng viên đi đào tạo tiến sĩ, thạc sĩ trong và ngoài nước [H5.05.05.07].

Về NCKH, đội ngũ CBGD của Trường đã thực hiện nhiều đề tài cấp Nhà nước, cấp bộ và cấp cơ sở:

Bảng 1. Tỷ lệ bài báo đăng trên tạp chí, tập san khoa học trên mỗi giảng viên cơ hữu giai đoạn 2012 - 2016

Năm học	Số lượng bài báo được đăng trên tạp chí, tập san khoa học			Tổng số giảng viên cơ hữu	Tỷ lệ bài báo/giảng viên
	Trong nước	Quốc tế	Tổng		
2011-2012	65	07	72	520	0,14
2012-2013	57	03	60	603	0,10
2013-2014	82	14	96	589	0,16
2014-2015	96	15	111	590	0,19
2015-2016	129	16	145	635	0,23

(Nguồn: Phòng Khoa học tổng hợp đến cuối tháng 6/2016)

2. Điểm mạnh

Trường có đội ngũ CBGV đủ về số lượng, đáp ứng được mục tiêu đào tạo của Nhà trường; các đơn vị đã linh hoạt, tự chủ trong công tác xây dựng đội ngũ.

Đội ngũ giảng viên cơ hữu được đào tạo chính qui, có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng yêu cầu giảng dạy và NCKH.

3. Tồn tại:

Cơ cấu giảng viên có trình độ tiến sĩ chưa đồng đều ở các khoa, các bộ môn.

Các phòng thí nghiệm và các mối quan hệ quốc tế chưa đủ để tạo điều kiện cho giảng viên phát triển các đề tài NCKH tầm cỡ quốc tế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, Nhà trường tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển của Trường, trong đó đặc biệt quan tâm tới sự phát triển đội ngũ giảng viên có trình độ cao. Phần đầu đến năm 2020 có trên 30% giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên. Chú trọng tuyển dụng giảng viên có trình độ cao cho một số ngành mới.

Tiếp tục tìm kiếm các đối tác quốc tế cũng như đầu tư, nâng cấp các phòng thí nghiệm, khuyến khích giảng viên tham gia NCKH.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 5.6. Đội ngũ giảng viên đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo quy định. Giảng dạy theo chuyên môn được đào tạo; đảm bảo cơ cấu chuyên môn và trình độ theo quy định; có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học

1. Mô tả

Trường đã không ngừng phát triển, mở rộng quy mô đào tạo; đội ngũ giảng viên ngày càng tăng nhanh về số lượng lẫn chất lượng, giảng viên giảng dạy theo chuyên môn được đào tạo; đảm bảo cơ cấu chuyên môn và trình độ theo quy định. Hiện nay, Trường có 635 giảng viên cơ hữu, trong đó thạc sĩ chiếm tỷ lệ 79.4%, tiến sĩ chiếm tỷ lệ 20.6%. Đa số đội ngũ GV đều có khả năng sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp và công việc; hầu hết cán bộ sử dụng thành thạo phần mềm chuyên dụng [H5.05.06.01].

Để nâng cao trình độ chuyên môn, Nhà trường đã cử 20 giảng viên đi học NCS tại các trường đại học tiên tiến ở Mỹ, Úc, Anh, Niu – di - lân, Pháp, Bỉ, Đức và Trung Quốc,... Nhà trường thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ nhằm bổ sung kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm cho đội ngũ GV [H5.05.06.02].

Ngoài ra, Nhà trường hiện có 57 bộ môn trực thuộc Khoa, số lượng giảng viên cho từng bộ môn tùy thuộc vào số môn học và nhiệm vụ được giao mà bộ môn phụ trách. Trong mỗi bộ môn, đều có giảng viên lớn tuổi, nhiều kinh nghiệm và có giảng viên trẻ kế thừa. Tỷ lệ nam, nữ trong từng bộ môn được sắp xếp hợp lý theo ngành nghề, môn học [H5.05.06.03]. Đội ngũ GV đảm bảo cơ cấu chuyên môn và trình độ theo qui định, được phân công giảng dạy theo chuyên môn được đào tạo [H5.05.06.04].

Hàng năm, Nhà trường tạo điều kiện cho CBVC đi học văn bằng 2 hoặc cử đi học tin học, ngoại ngữ ở các trường đại học có uy tín. Bên cạnh đó, Nhà trường luôn tạo điều kiện cho đội ngũ giảng viên phát huy quyền tự chủ về học thuật bằng cách

khuyến khích giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học, viết sách chuyên khảo, giáo trình; sách tham khảo và tài liệu hướng dẫn học tập; tham gia các hội thảo, chương trình bồi dưỡng, tập huấn trong và ngoài nước. Đến nay, Trường đã có nhiều bài báo đăng trên các tạp chí, kỷ yếu hội thảo khoa học ở trong và ngoài nước [H5.05.06.05].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ GV của Nhà trường hiện nay có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng được yêu cầu đào tạo và NCKH theo mục tiêu, sứ mạng của Trường, tạo tiền đề để xây dựng Trường theo mô hình đại học ứng dụng, hướng tới đại học nghiên cứu.

GV được phân công giảng dạy đúng chuyên môn được đào tạo.

3. Tồn tại:

Tỷ lệ giảng viên có trình độ từ tiến sĩ trở lên chưa cao và phân bố ở các ngành đào tạo chưa đều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, Nhà trường tiếp tục khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ giảng viên đi học, nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học; nâng cao tỷ lệ giảng viên có trình độ từ tiến sĩ trở lên bằng các chương trình như Đề án 911, 599, các chương trình học bổng của các trường đối tác ở nước ngoài. Ngoài ra, Nhà trường tiếp tục phối hợp với Trung tâm đào tạo tiến sĩ mở các khóa tập huấn cho giảng viên.

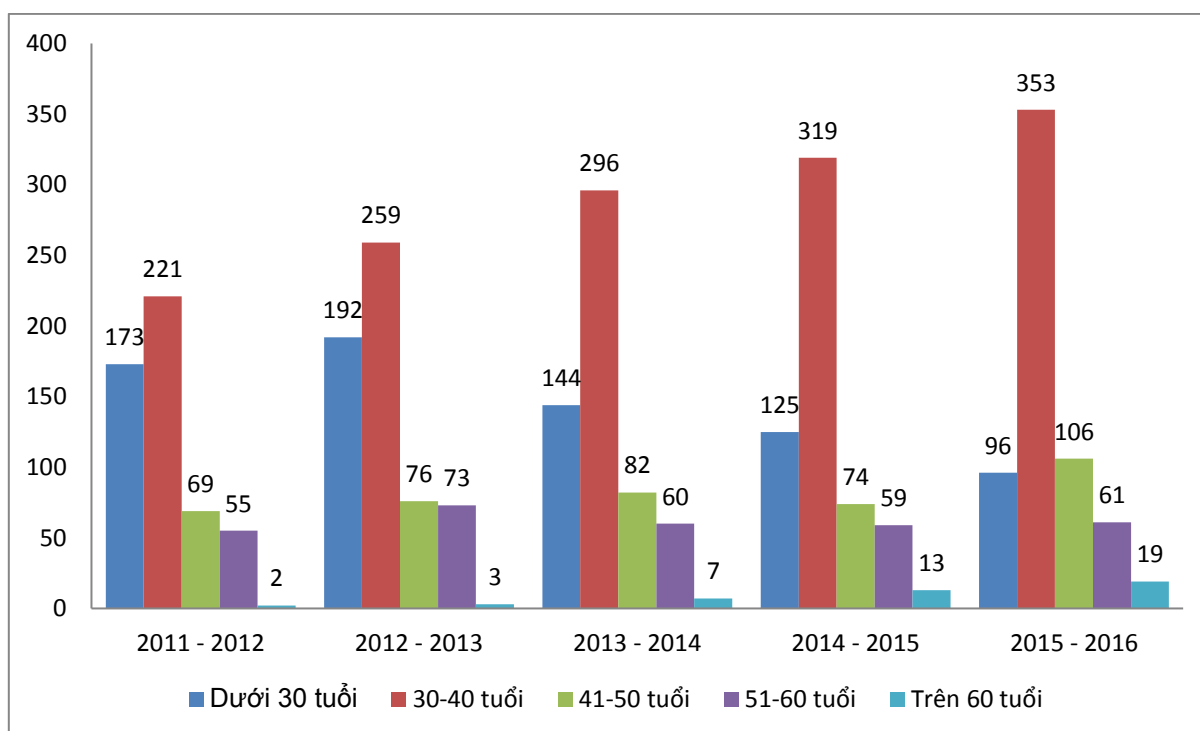
Tiếp tục thực hiện Đề án phát triển nguồn nhân lực Trường Đại học Thủ Dầu Một giai đoạn 2014-2020.

5. Tự đánh giá: Đạt

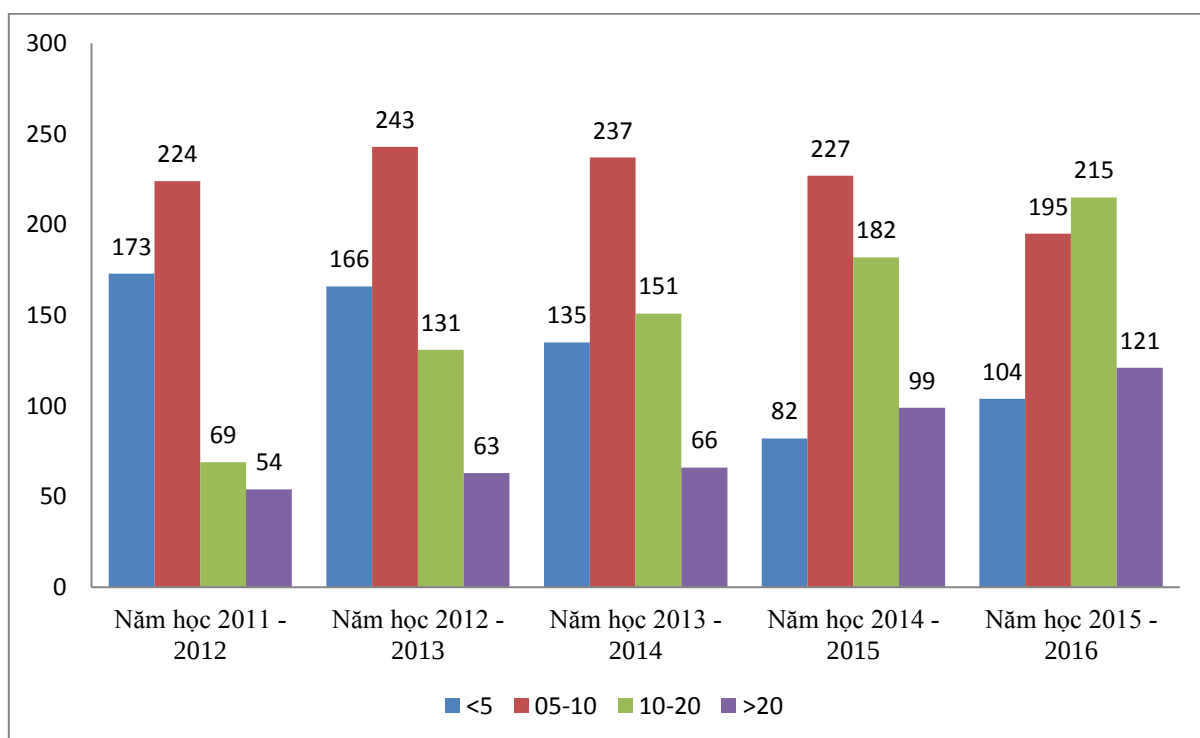
Tiêu chí 5.7. Đội ngũ giảng viên được đảm bảo cân bằng về kinh nghiệm công tác chuyên môn và trẻ hóa của đội ngũ giảng viên theo quy định

1. Mô tả

Trong những năm qua, Nhà trường luôn duy trì tỷ lệ cân đối giữa GV lâu năm và GV trẻ, đảm bảo cân bằng giữa trình độ và kinh nghiệm, điều này đã tạo điều kiện thuận lợi cho GV học hỏi và trao đổi với nhau trong công tác chuyên môn. Giảng viên có độ tuổi trung bình từ 30 đến 50 chiếm tỷ lệ 69.03% và được thể hiện qua biểu đồ bên dưới:



Biểu đồ 2. Biểu đồ thể hiện độ tuổi GV từ năm 2011 - 2016

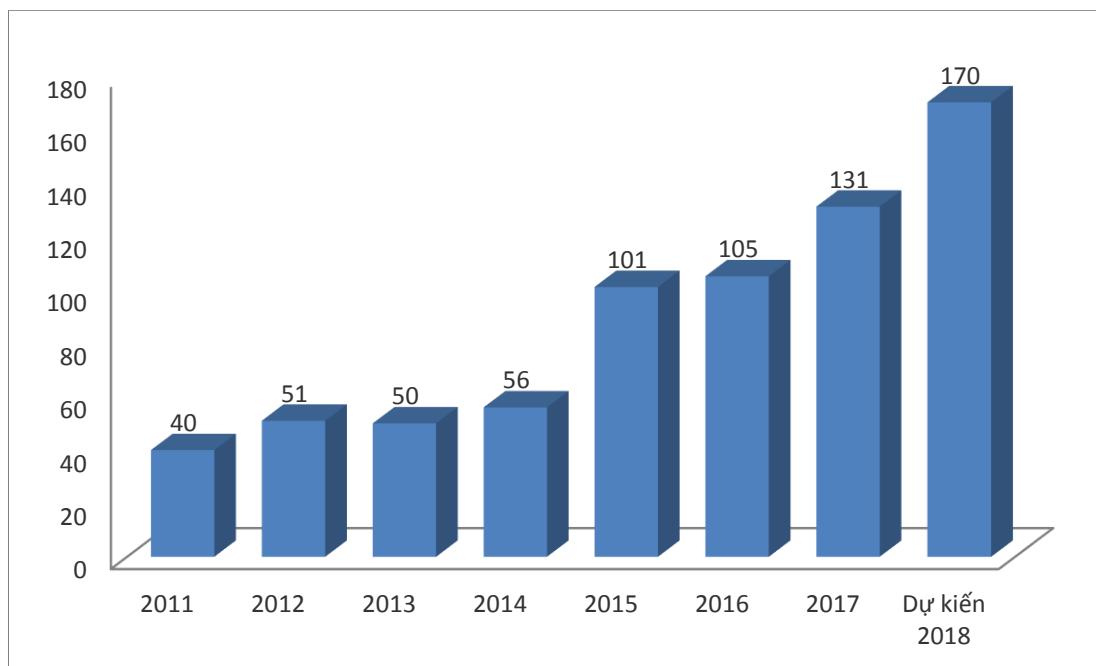


Biểu đồ 3. Biểu đồ thể hiện thâm niên giảng dạy của GV từ năm 2011 – 2016

Theo biểu đồ thể hiện số liệu cơ cấu độ tuổi và thâm niên cho thấy đội ngũ giảng viên của Nhà trường đang từng bước được trẻ hóa nhằm tạo sức mạnh thực hiện sứ mạng, chiến lược phát triển của Nhà trường. Đội ngũ giảng viên trẻ chiếm tỷ lệ tương đối cao, tuy nhiên đối với các ngành thuộc khối xã hội thì đội ngũ giảng viên có

kinh nghiệm thâm niên lâu năm vẫn đảm bảo đáp ứng theo nhu cầu [H5.05.07.01].

Hiện nay, Nhà trường có 153 CBVC đi học nâng cao trình độ (cao học: 56, NCS: 97) [H5.05.07.02].



Biểu đồ 4. Số lượng tiến sĩ qua các năm

Nhà trường xác định xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên có phẩm chất, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, linh hoạt, sáng tạo trong giảng dạy là khâu then chốt, có ý nghĩa đột phá trong xây dựng và phát triển.

2. Điểm mạnh

Cán bộ giảng viên trẻ chiếm tỷ lệ tương đối cao, nhiệt tình công tác và có ý thức trong việc học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ. Nhà trường có chính sách, chế độ hợp lý khuyến khích việc nâng cao trình độ cho đội ngũ giảng viên.

3. Tồn tại

Không.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, Nhà trường tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên trẻ mới tuyển dụng bằng các hình thức như cử đi tập huấn trong và ngoài nước, dự giờ các đồng nghiệp có kinh nghiệm cao về chuyên môn.

Tiếp tục duy trì đội ngũ giảng viên đảm bảo cân bằng về kinh nghiệm công tác chuyên môn và trẻ hóa đội ngũ giảng viên theo qui định.

Nhà trường tăng kinh phí cho đào tạo nhằm thúc đẩy năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ GV và các hoạt động về chuyên môn nghiệp vụ nhằm tích lũy kinh nghiệm cho giảng viên trẻ.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 5.8. Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên đủ số lượng, có năng lực chuyên môn và được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, phục vụ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học

1. Mô tả

Trường ĐHTDM có đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên được đào tạo đúng chuyên môn, nghiệp vụ, hỗ trợ phục vụ cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học đạt hiệu quả cao. Đội ngũ kỹ thuật viên và nhân viên phục vụ của Nhà trường hiện có 163 người, trong đó: nhân viên khối hành chính: 127 người; nhân viên phục vụ: 12 người; 12 kỹ thuật viên phụ trách (phòng thí nghiệm, phòng máy, sửa chữa điện, nước, máy lạnh, âm thanh, ánh sáng, ...); 12 nhân viên bảo vệ.

Bảng 2. Thống kê đội ngũ chuyên viên, nhân viên

S T T	CHỈ TIÊU	Tổng	Độ tuổi				Thâm niên công tác			Trình độ				
			<30	30-39	40-49	50-59	< 5	5-9	> 10	ThS	ĐH	CĐ	TC	LĐPT
1	Viên chức hành chính	127	63	37	15	12	63	42	22	27	91	4	4	1
2	Nhân viên phục vụ	12		5	2	5	5	3	4		3	1	2	6
3	Nhân viên bảo vệ	12		1	7	4	9	2	1					12
4	Kỹ thuật viên	12	3	5	3	1	5	5	2	4	5	1	2	
Tổng		163	66	48	27	22	82	52	29	31	99	6	8	19

Bảng thống kê cho thấy Trường có đủ đội ngũ nhân viên đúng chuẩn theo quy định để phục vụ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và NCKH [H5.05.08.01].

Nhà trường đã phát triển đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên đảm bảo số lượng, có năng lực chuyên môn và được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, phục vụ cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học đạt hiệu quả cao. Các tiêu chuẩn tuyển dụng đối với đội ngũ này cũng được điều chỉnh cho phù hợp với từng chức danh công

việc [H5.05.08.02]. Trong đó, đội ngũ nhân viên văn phòng được Nhà trường cử đi bồi dưỡng học tập nâng cao về tin học văn phòng, nghiệp vụ văn thư lưu trữ ...[H5.05.08.03]. Do đó, đội ngũ viên chức hành chính và nhân viên phục vụ của trường hiện nay đa số đã tốt nghiệp cử nhân, nhiều viên chức đã có học vị thạc sĩ, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ tốt, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Định kỳ hàng năm, Nhà trường có đánh giá xếp loại cho cán bộ, viên chức lao động. Đa số đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên đều hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao [H5.05.08.04]. Ngoài ra, Nhà trường đã tiến hành khảo sát chất lượng phục vụ của các phòng ban thông qua ý kiến của sinh viên và giảng viên. Kết quả khảo sát cho thấy có trên 90% hài lòng về chất lượng phục vụ của các nhân viên trong các phòng ban [H5.05.08.05].

Riêng lực lượng bảo vệ Nhà trường được Công an tỉnh Bình Dương, Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy tập huấn về công tác đảm bảo an ninh Trường [H5.05.08.06].

Với qui mô hiện tại của Nhà trường, đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên của Nhà trường đảm bảo đủ về số lượng, có năng lực về chuyên môn để đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác dạy, học và nghiên cứu khoa học của Nhà trường.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên chuyên trách, có năng lực chuyên môn và được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, phục vụ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và NCKH của Nhà trường.

3. Tồn tại

Công tác tổ chức bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ kỹ thuật viên và nhân viên mặc dù được tiến hành thường xuyên và kịp thời, tuy nhiên hiệu quả chưa thật cao do trình độ ngoại ngữ của một số kỹ thuật viên và nhân viên còn hạn chế nên hiệu quả tiếp nhận chưa thật tốt.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2016-2017 và những năm tiếp theo, Nhà trường triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho từng nhóm đối tượng; chú trọng bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên, nhất là nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh giao tiếp.

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Trong 8 năm xây dựng đội ngũ, Trường đã đạt được những thành quả rõ rệt cả về số lượng và chất lượng, đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trong công tác đào tạo và

ngiên cứu khoa học. Trường luôn có các chế độ chính sách khuyến khích cán bộ, viên chức nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Các chế độ chính sách được xây dựng thành quy chế và được phổ biến, áp dụng công bằng, minh bạch.

Tuy nhiên, công tác xây dựng đội ngũ còn tồn tại một số hạn chế như sự phát triển đội ngũ của Nhà trường chưa thật sự bền vững, số lượng giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên chưa cao. Vì thế, Nhà trường đã và đang xây dựng Đề án và kế hoạch triển khai thực hiện phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2014-2020 và 2020 - 2025, Chiến lược phát triển Trường Đại học Thủ Dầu Một đến năm 2025. Qua đó, chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng để thực hiện tốt hơn nữa nhiệm vụ chính trị được giao, đưa Nhà trường ngày càng phát triển ngang tầm với các trường đại học tiên tiến trong nước và khu vực.

Tiêu chuẩn 5 gồm có: 8 tiêu chí đạt 8/8.

Tiêu chuẩn 6: Người học

Mở đầu

Trường Đại học Thủ Dầu Một luôn xác định người học là trung tâm của hoạt động đào tạo. Trường đã đề ra các kế hoạch, giải pháp cụ thể để thực hiện tốt công tác đối với người học nhằm đảm bảo quyền lợi và tạo điều kiện phấn đấu, tu dưỡng, rèn luyện để người học đạt kết quả cao trong học tập và rèn luyện. Trường hướng dẫn đầy đủ về mục tiêu, CTĐT, CĐR, các yêu cầu kiểm tra đánh giá. Người học còn được đảm bảo các chế độ chính sách xã hội, được chăm sóc sức khỏe theo quy định; được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao; được đảm bảo an toàn trong trường học. Bên cạnh đó, người học cũng được cung cấp kiến thức để hiểu biết và tôn trọng pháp luật, thực hiện tốt chủ trương, đường lối, của Đảng chính sách, pháp luật Nhà nước; chấp hành tốt quy chế. Người học được tạo điều kiện để tham gia vào những hoạt động Đảng, đoàn thể; được đảm bảo an toàn trong trường học; được tư vấn tuyển dụng, việc làm sau khi ra trường.

Tiêu chí 6.1. Người học được hướng dẫn đầy đủ về chương trình đào tạo, kiểm tra đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Mô tả

Trường luôn chú trọng đến công tác triển khai, hướng dẫn SV nắm bắt về CTĐT, kiểm tra, đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của BGD&ĐT một cách đầy đủ. Phổ biến sổ tay sinh viên để SV nắm được Quy chế đào tạo, kiểm tra đánh giá và các quy định liên quan đến suốt quá trình theo học tại trường [H6.06.01.01].

Hàng năm, qua Chương trình tuần Sinh hoạt công dân đầu năm, Phòng Đào tạo kết hợp với Phòng CTSV SV phổ biến chi tiết nội dung các văn bản về Quy chế đào tạo, Quy chế CTSV của BG&ĐT và của Trường tới sinh viên về chương trình và hoạt động đào tạo [H6.06.01.02] [H6.06.01.03]. Phổ biến các quy định trong đào tạo đại học, cao đẳng theo hệ thống tín chỉ [H6.06.01.04]. Tỷ lệ SV tham gia tuần Sinh hoạt công dân đầu khóa hàng năm luôn đạt tỷ lệ 98,5%. Kết quả khảo sát sinh viên đầu khóa nắm bắt về các chương trình đào tạo, hoạt động đào tạo của Trường hàng năm là hơn 95% [H6.06.01.05].

Hầu hết các văn bản chỉ đạo của BGD&ĐT và của Trường đều được công bố trên website, SV có thể xem trực tiếp hoặc tải về làm tư liệu phục vụ cho quá trình học tập và rèn luyện [H6.06.01.06].

Hàng năm, Trường tổ chức gặp gỡ, đối thoại giữa Lãnh đạo Trường, đơn vị thuộc Trường với đại diện SV giải đáp và tư vấn trực tiếp những vướng mắc, kiến nghị của SV [H6.06.01.07].

Ngoài ra, Trường còn có đội ngũ GVCN/CVHT, trợ lý CTSV phụ trách công tác quản lý SV có nhiệm vụ giải đáp thắc mắc, cung cấp các văn bản hướng dẫn về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp, điều kiện dự thi kết thúc từng học phần hoặc môn học và các văn bản có liên quan khác cho SV [H6.06.01.08].

2. Điểm mạnh

SV được phổ biến, hướng dẫn các văn bản về CTĐT, kế hoạch đào tạo, kiểm tra đánh giá và các quy định trong Quy chế đào tạo, Quy chế SV cũng như các chủ trương mới của BGDĐT, Trường qua nhiều kênh khác nhau.

SV được đề đạt trực tiếp những vướng mắc của mình trong quá trình học tập, rèn luyện đến BGH, trưởng các khoa, phòng và nhận được sự giải đáp, giải quyết, tư vấn một cách kịp thời, phù hợp và thỏa đáng.

3. Tồn tại:

Hệ thống hướng dẫn, tra cứu cho SV trên website thực sự chưa hoàn chỉnh.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017, Trường tiếp tục hoàn chỉnh hệ thống website để đáp ứng nhu cầu tra cứu, tìm hiểu của SV.

4. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.2. Người học được đảm bảo các chế độ chính sách xã hội, được khám sức khỏe theo định kỳ y tế học đường; được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao và được đảm bảo an toàn trong khuôn viên nhà trường

1. Mô tả

Thông tin về đối tượng được hưởng các chế độ chính sách và quy trình xét chọn được phổ biến đầy đủ trong Sổ tay sinh viên và được triển khai đầy đủ trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa. [H6.06.02.01]. Chế độ chính sách trợ cấp xã hội, miễn giảm học phí, học bổng khuyến khích học tập, vay vốn đối với SV theo quy định của Nhà nước [H6.06.02.02]. Quy trình giải quyết các chế độ chính sách cho SV được công

khai, SV được hưởng đầy đủ quyền lợi và đúng quy định [H6.06.02.03]. Trong 5 năm, Trường không có SV nào khiếu nại liên quan đến chế độ chính sách.

Trường có Trạm Y tế với 05 cán bộ: 01 Bác sỹ y khoa; 02 Dược sỹ đại học; 01 Dược sỹ trung học và 01 Y sỹ [H6.06.02.04], cùng với cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo yêu cầu chăm sóc sức khỏe cho SV. Tất cả SV đầu khóa đều được nhà trường tổ chức kiểm tra sức khỏe theo quy định của Bộ Y tế [H6.06.02.05]. SV thường xuyên được chăm sóc sức khỏe và công tác y tế dự phòng tại Trạm y tế của Trường [H6.06.02.06]. Trường tích cực vận động 100% SV tham gia bảo hiểm Y tế, bảo hiểm tai nạn [H6.06.02.07].

Trong mọi hoạt động, Trường luôn chú trọng đến đời sống văn hoá tinh thần của SV thông qua việc phát triển các phong trào VHVN và TDTT [H6.06.02.08].

Trường mở rộng cơ sở vật chất như: Hội trường (500 chỗ ngồi có sân khấu), Sân khấu ngoài trời sức chứa trên 3.000 người, Vườn học tập SV (15.305,9 m²), các Phòng hội thảo, Sân bóng đá mini, Sân bóng chuyền, bóng rổ, hệ thống âm thanh, ánh sáng, thiết bị biểu diễn...nhằm đáp ứng nhu cầu của SV khi tổ chức và duy trì các hoạt động VHVN, TDTT [H6.06.02.09].

Trường có Tổ bảo vệ, Tiểu đội tự vệ, Đội phòng cháy chữa cháy [H6.06.02.10]. Thực hiện đầy đủ các yêu cầu về công tác an ninh mà đơn vị chức năng truyền đạt, có báo cáo tổng kết định kỳ [H6.06.02.11]. Trường chủ động phối hợp với công an và chính quyền địa phương quản lý, giáo dục SV ngoại trú một cách toàn diện [H6.06.02.12]. Trong những năm học qua, Trường đã đạt được nhiều thành tích không để xảy ra trộm cắp tài sản lớn, không có trường hợp đe dọa sức khỏe, tính mạng SV [H6.06.02.13].

2. Điểm mạnh

Trường đã thực hiện tốt công tác phổ biến chủ trương, chính sách và đảm bảo tốt việc giải quyết chế độ chính sách cho SV.

Trường xuyên ứng dụng CNTT để cải tiến quy trình, thủ tục nhằm quản lý và phục vụ SV thuộc đối tượng chính sách ngày càng tốt hơn.

Môi trường an ninh trật tự và an toàn xã hội trong Trường được ổn định.

3. Tồn tại:

Một số hạng mục hỗ trợ SV luyện tập thể thao chưa đồng bộ, chưa phát huy hết sở trường và nâng cao thành tích của SV.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017, Trường đẩy mạnh hoạt động VHVN, TDTT duy trì việc chăm sóc sức khỏe thường xuyên cho SV và xây dựng môi trường học tập an toàn thân thiện cho SV, tạo mọi điều kiện để SV học tập và sinh hoạt tốt.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.3. Công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học được thực hiện có hiệu quả

1. Mô tả

Thực hiện Quy chế về việc đánh giá kết quả rèn luyện của SV do BGD&ĐT ban hành [H6.06.03.01], Trường đã xây dựng các tiêu chí và hướng dẫn đánh giá kết quả rèn luyện đối với SV, định kỳ theo từng học kỳ Trường tổ chức đánh giá kết quả rèn luyện SV [H6.06.03.02]. Công tác đánh giá kết quả rèn luyện được thực hiện theo quy trình sinh viên tự đánh giá và tự nhận, kết quả rèn luyện sẽ được lớp bình xét kết quả gửi về Khoa, Hội đồng khoa tổ chức họp xét cho SV [H6.06.03.03]. Công tác xét rèn luyện đảm bảo minh bạch, công bằng, đúng quy chế. Theo thống kê, kết quả rèn luyện của sinh viên toàn trường qua các năm đều đạt tỷ lệ trên 80% từ khá trở lên [H6.06.03.04] và được cập nhật vào phần mềm quản lý để lưu trữ.

Để SV rèn luyện bản lĩnh chính trị, Trường duy trì tổ chức hoạt động chào cờ đầu tuần, viếng nghĩa trang liệt sỹ và thực hiện các hoạt động uống nước nhớ nguồn [H6.06.03.05], học tập nghị quyết, tham gia các hội thi Olympic các môn Khoa học Mác – Lê Nin và Tư tưởng Hồ Chí Minh ..., nhằm ôn lại truyền thống, giáo dục tư tưởng, lòng tự hào dân tộc, ý chí cách mạng và lý tưởng cho SV trong thời đại mới [H6.06.03.06]. Đồng thời, Thư viện cung cấp mỗi năm hàng trăm loại báo, tạp chí nhằm phục vụ nhu cầu tham khảo tài liệu, học tập, rèn luyện cập nhật thông tin kinh tế, chính trị xã hội của SV [H6.06.03.07].

Thông qua việc tổ chức các phong trào hoạt động cho SV hàng năm, ý thức về chính trị, đạo đức, lối sống được nâng lên rõ rệt. SV Nhà trường luôn là lực lượng hạt nhân đi đầu trong các hoạt động và đạt nhiều thành tích xuất sắc, cụ thể: các giải thưởng cấp Trung ương (Danh hiệu SV 5 tốt, giải thưởng Sao tháng Giêng), cấp tỉnh (Thủ lĩnh SV, danh hiệu SV 5 tốt), cấp trường (danh hiệu SV 5 tốt) ...[H6.06.03.08]. Các kênh thông tin của trường và của ĐTN – Hội SV thường xuyên đăng tải, cập nhật các thông tin của Trường, hoạt động và cung cấp thông tin cho người học. Hàng năm, Phòng CTSV phối hợp với ĐTN – Hội SV tổ chức các hoạt động về thông tin thời sự, chính trị, kỹ năng cho SV và lồng ghép vào trong các hội thi, giúp SV nắm vững được

các thông tin, những hoạt động trên được tổ chức thành quy trình đã mang lại hiệu quả thiết thực [H6.06.03.09].

Trong “Tuần sinh hoạt công dân ” đầu khóa học SV được học tập, quán triệt các nội dung để nâng cao nhận thức về chính trị tư tưởng [H6.06.03.10]. Bên cạnh đó, trường thực hiện việc khảo sát “Đánh giá nhận thức chính trị tư tưởng và kỹ năng sống” của SV [H6.06.03.11]. Đây là kênh thông tin quan trọng để Trường có các biện pháp nhằm nâng cao việc rèn luyện chính trị tư tưởng và bồi dưỡng kỹ năng cho SV.

Ngoài ra, Trường còn tổ chức tốt các phong trào tình nguyện, quyên góp ủng hộ người nghèo, hiến máu nhân đạo, chương trình tiếp sức mùa thi với hàng ngàn lượt SV tham gia, giúp đỡ đồng bào khó khăn ở vùng sâu, vùng xa, tổ chức các hoạt động giao lưu, kết nghĩa giữa SV trường với thanh niên trên địa bàn dân cư xây dựng nếp sống văn minh, thanh lịch tại địa phương, nơi trường tọa lạc thông qua các hoạt động VHVN, TDTT [H6.06.03.12]. Trường không có SV vi phạm pháp luật bị xử lý, tình trạng SV vi phạm quy chế hàng năm của Trường có tỷ lệ rất ít [H6.06.03.13].

2. Điểm mạnh

Trường đã thực hiện việc đánh giá kết quả rèn luyện của SV đúng theo quy chế. Hoạt động rèn luyện đã làm SV hiểu rõ ngoài trách nhiệm học tập phải có trách nhiệm rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, thực hiện công tác xã hội nhằm hoàn thiện bản thân.

Không có trường hợp SV vi phạm pháp luật.

3. Tồn tại

Công tác tổ chức các hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng ở một số Khoa còn chưa phong phú, đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2016-2017, nhà trường tăng cường năng lực, nguồn lực, tập huấn và đa dạng hóa các hoạt động giáo dục chính trị tư tưởng và đạo đức lối sống với việc phân cấp tổ chức tại các khoa để tạo điều kiện thu hút SV tham gia.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.4. Công tác Đảng, đoàn thể có tác dụng tốt trong việc rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học

1. Mô tả

Tổ chức sinh hoạt chính trị, tư tưởng, tuyên truyền giác ngộ cho SV về Đảng luôn được Đảng bộ Trường quan tâm, trong BCH đảng bộ có 01 đồng chí phụ trách

công tác ĐTN và Hội SV trường. Kinh phí tổ chức cho các hoạt động của ĐTN và Hội SV luôn được đảm bảo [H6.06.04.01]. Đoàn TN, Hội SV trường luôn bám sát nghị quyết, xây dựng kế hoạch hoạt động và triển khai công tác ĐTN - Hội SV về các Đoàn khoa, Liên chi hội, Chi đoàn, Chi hội. Đảng ủy trường hàng năm đều có nội dung về lĩnh vực này và công tác sơ kết, tổng kết đã nhận rõ vai trò nòng cốt của ĐTN trong lĩnh vực giáo dục và tổ chức các phong trào rèn luyện chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống cho SV [H6.06.04.02].

Công tác tổ chức việc học tập, kiểm tra và cấp chứng nhận 06 bài học lý luận chính trị cho SV toàn trường được thực hiện hiệu quả theo định kỳ hàng năm [H6.06.04.03].

Hàng năm, Đảng ủy Trường phối hợp với Đảng ủy Khối các cơ quan Tỉnh tổ chức các lớp nhận thức về Đảng cho SV [H6.06.04.04]. Nhiều SV có kết quả học tập và rèn luyện tốt, trưởng thành từ phong trào, từ hoạt động Đoàn đã được vinh dự đứng vào hàng ngũ của Đảng, từ năm 2011-2016 có 503 đối tượng đảng là sinh viên và đã kết nạp vượt chỉ tiêu hàng năm theo nghị quyết Đảng bộ nhiệm kỳ 2011-2015 và 2015-2020 [H6.06.04.05].

Trong những năm qua, ĐTN luôn tổ chức nhiều hoạt động phong phú, đa dạng, tạo môi trường rèn luyện nhân cách cho SV như: Hội thi “ Các bộ Đoàn-Hội xuất sắc”, Bí thư chi đoàn giỏi”, sinh hoạt chủ điểm, tọa đàm, nói chuyện chuyên đề ... được tổ chức cho đoàn viên thanh niên. Đặc biệt, các chương trình rèn luyện đoàn viên đã tạo môi trường để SV viên tu dưỡng và rèn luyện [H6.06.04.06].

Tổ chức đoàn thể trong trường được Tỉnh Đoàn, Trung ương Đoàn, Trung ương Hội SV đánh giá là đơn vị xuất sắc dẫn đầu khối trường ĐH-CĐ trong Tỉnh, nhận được nhiều bằng khen từ Tỉnh đến Trung ương [H6.06.04.07].

2. Điểm mạnh

Vai trò của tổ chức Đảng và các Đoàn thể trong nhà trường thể hiện rõ nét, hoạt động có hiệu quả và có tác dụng tốt trong việc hỗ trợ các hoạt động học tập và rèn luyện chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống cho SV.

3. Tồn tại:

Một số hoạt động của ĐTN, Hội SV còn chưa phát huy hết tính sáng tạo của đoàn viên, hội viên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017, Trường tổ chức nhiều hoạt động với nhiều hình thức đa dạng, phong phú để tạo điều kiện cho SV được tham gia các hoạt động đoàn thể.

Tiếp tục tìm các nguồn tài trợ ổn định để tăng cường các hoạt động ĐTN, Hội SV của SV, giúp SV có điều kiện phát triển toàn diện.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.5. Có các biện pháp cụ thể, có tác dụng tích cực để hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt của người học

1. Mô tả

Để hỗ trợ SV học tập và sinh hoạt được tốt, Trường đã thành lập các Trung tâm: “Tuyển sinh và Thị trường Lao động”, “Thông tin – Thư viện”, “Ngoại ngữ”, “Công nghệ thông tin”, “Trung tâm phát triển công tác xã hội”... nhằm hỗ trợ SV học tập chuyên môn nghiệp vụ. Các Trung tâm này phối hợp với các phòng, ban chức năng trong trường đáp ứng nhu cầu cho SV [H6.06.05.01].

Các dịch vụ: Thư viện, wifi, điện, nước sạch miễn phí (nóng, lạnh), khu vực luyện tập thể thao; hội trường (500 chỗ ngồi có sân khấu), sân khấu ngoài trời (sức chứa hơn 3.000 người), vườn học tập SV (15.305,9 mét vuông); các câu lạc bộ, Đội, Nhóm: “Võ thuật”, “Thể hình”, “Thẩm mỹ”, “Bóng chuyền”, Câu lạc bộ Nhà lãnh đạo tương lai, Câu lạc bộ Sách và hành động... SV được khuyến khích, hỗ trợ kinh phí khi tham gia. Trường có Trạm y tế chăm sóc sức khỏe ban đầu, có các hoạt động tư vấn sức khỏe, tâm lý, pháp luật, hỗ trợ tìm kiếm nơi ở cho SV...[H6.06.05.02].

Trường duy trì và tăng dần quỹ học bổng khuyến khích học tập, tìm kiếm các nguồn học bổng ngoài ngân sách, hướng dẫn vay vốn cho SV, Trung tâm tuyển sinh và thị trường lao động hoạt động hiệu quả [H6.06.05.03].

Hỗ trợ SV trong tìm kiếm việc làm, định hướng nghề nghiệp thông qua các hoạt động: đi thực tập, thực tế chuyên ngành, tổ chức các buổi tư vấn về tìm kiếm việc làm; tổ chức “ngày hội việc làm” để SV cuối khóa có cơ hội tìm kiếm việc làm cũng như SV khác định hướng chuyên ngành trong tương lai, cập nhật thường xuyên các thông tin về việc làm để giới thiệu cho SV [H6.06.05.04]; tổ chức các hội thi nghiệp vụ chuyên môn theo ngành học của SV (Hội thi nghiệp vụ Sư phạm, Kế toán viên, Nhà quản trị tương lai...) [H6.06.05.05]; Bên cạnh, còn thực hiện tổ chức các lớp đào tạo kỹ năng mềm và tạo điều kiện để SV tham gia các hoạt động cộng đồng nhằm nâng cao kỹ năng sống [H6.06.05.06]. Thư viện trường luôn thực hiện các hoạt động hướng dẫn tra cứu, sử dụng tài liệu cho SV [H6.06.05.07].

Trường có đội ngũ GVCN/CVHT theo từng lớp học thực hiện nhiệm vụ và kế hoạch theo quy chế của trường. SV được tư vấn về học tập, theo dõi kế hoạch và tiến độ học tập ... Định kỳ gặp mặt SV để tư vấn, tìm hiểu tâm tư nguyện vọng cũng như nhận các đóng góp phản hồi về quá trình học tập và rèn luyện [H6.06.05.08].

2. Điểm mạnh

Cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao được Trường đầu tư xây dựng, sửa chữa, chỉnh trang đáp ứng nhu cầu SV khá tốt.

Các dịch vụ giúp SV tiếp cận kiến thức, nâng cao trình độ Ngoại ngữ, Tin học, các phương tiện sinh hoạt liên quan đến SV cũng được Trường quan tâm đầu tư.

Thành lập, hoạt động có hiệu quả Trung tâm tuyển sinh và Thị trường lao động đã đáp ứng đa số nhu cầu SV.

3. Tồn tại

Hoạt động của một số câu lạc bộ chưa thu hút đông đảo SV tham gia và chậm đổi mới phương thức hoạt động.

Việc tìm kiếm các nguồn học bổng tài trợ chưa đủ lớn và thường xuyên để đáp ứng nhu cầu cho các đối tượng SV.

4. Kế hoạch hành động

Trong những năm tiếp theo, đa dạng hóa hình thức và phương cách hoạt động của các Câu lạc bộ nhằm đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu của SV, tăng cường các trang thiết bị phục vụ tốt nhất cho SV tham gia học tập, rèn luyện và sinh hoạt.

Trường mở rộng quan hệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để tìm kiếm nhiều nguồn học bổng cho SV đặc biệt là mối quan hệ với doanh nghiệp để tìm kiếm việc làm cho SV.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.6. Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước và các nội quy của Nhà trường cho người học

1. Mô tả

Phòng CTSV là đơn vị chuyên trách được phân công thực hiện tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh; Tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước và các nội quy của Trường cho SV. Nhiệm vụ này được quy định rõ trong quy chế công tác SV [H6.06.06.01].

Vào đầu mỗi năm học, những nội dung giáo dục cơ bản được thực hiện trong “Tuần sinh hoạt công dân SV” theo đúng quy định về thời gian, nội dung [H6.06.06.02].

Ngoài ra, Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyên truyền theo chủ đề và những sự kiện chính trị quan trọng trong nước, trong tỉnh [H6.06.06.03]. Trường chủ động lập kế hoạch tuyên truyền giáo dục chính trị tư tưởng cho SV bằng nhiều hình thức khác nhau như: Tuyên truyền qua băng ron, chương trình phát thanh thanh niên, sinh hoạt chuyên đề, tổ chức các hội thi ..., tuyên truyền giáo dục chính trị tư tưởng, phẩm chất, đạo đức lối sống, giáo dục pháp luật cho SV. Việc tuyên truyền còn được lồng ghép thông qua các hoạt động Đoàn TN, Hội SV từ cấp chi đoàn đến Đoàn trường với nhiều hình thức phong phú [H6.06.06.04].

Việc thực hiện nội quy Trường đã được GV, GVCN/CVHT, trợ lý khoa và Phòng CTSV thường xuyên nhắc nhở trong các buổi sinh hoạt chào cờ đầu tuần. Những năm qua có nhiều cá nhân và tập thể được Đoàn trường khen thưởng [H6.06.06.05], tỷ lệ sinh viên vi phạm quy chế có tỷ lệ dưới 1.0% [H6.06.06.06]

2. Điểm mạnh

Trường luôn quan tâm đến công tác tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh; Tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước và các nội quy của trường cho SV; tạo mọi điều kiện thuận lợi cho ĐTN và hội SV tham gia tốt các hoạt động.

SV của trường có nhận thức chính trị và tư tưởng tốt, lối sống lành mạnh, ý thức chấp hành tốt mọi chủ trương, chính sách và pháp luật, cũng như nội quy, quy chế tốt.

3. Tồn tại:

Còn một số SV vi phạm quy chế trong kiểm tra đánh giá.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017, ĐTN, Hội SV và các đơn vị chức năng phối hợp xây dựng nhiều phong trào hoạt động có tính hấp dẫn để thu hút SV tham gia nhằm tạo môi trường chính trị đạo đức lối sống lành mạnh, xây dựng chuẩn phong cách SV Đại học Thủ Dầu Một.

Tổ chức tuyên truyền thực hiện “Mùa thi nghiêm túc” trước các kỳ thi, kiểm tra đánh giá, đồng thời phát hiện và xử lý nghiêm khắc các trường hợp vi phạm quy chế.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.7. Có các hoạt động hỗ trợ hiệu quả nhằm tăng tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo

1. Mô tả

Hàng năm, trước khi SV cuối khóa ra trường, Trường tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân SV” cuối khóa, nội dung chủ yếu là tổ chức tuyên truyền giới thiệu việc làm cho SV, hướng dẫn SV làm hồ sơ tuyển dụng công chức và định hướng quá trình học tập ở tương lai cho SV [H6.06.07.01].

Trung tâm Tuyển sinh và Thị trường lao động là đơn vị tổ chức các hoạt động hỗ trợ người học tìm kiếm việc làm [H6.06.07.02], thường xuyên tư vấn hướng nghiệp, nắm bắt thông tin về các SV đã tốt nghiệp thông qua các hội nghị tuyển sinh hàng năm với Sở GD&ĐT, các Phòng GD&ĐT và các Hiệu trưởng các trường THPT, các doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh và Ban liên lạc Cựu sinh viên. Ngoài ra, Trung tâm còn tổ chức các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng mềm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tìm kiếm việc làm, kỹ năng tự tạo việc làm cho SV nhằm trang bị những kỹ năng cần thiết cho SV trước khi tốt nghiệp ra trường [H6.06.07.03].

Hàng năm, Trường tổ chức Ngày hội việc làm cho sinh viên, tạo điều kiện cho sinh viên được giao lưu, trao đổi với các doanh nghiệp để nâng cao kiến thức, ý thức rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, bồi dưỡng tình cảm, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp. Ngược lại, các nhà đầu tư, chủ doanh nghiệp có cơ hội để giới thiệu doanh nghiệp, quảng bá sản phẩm để thu hút SV có thể đến làm việc sau khi ra trường và đặc biệt là tuyển dụng trực tiếp nhận sự tại các gian hàng của “Ngày hội việc làm” [H6.06.07.04]. Tổ chức các đợt học tập thực tế, thực hành, tham quan và trải nghiệm công tác đối với SV tại các cơ sở sản xuất, công trình, đơn vị kinh doanh để SV làm quen với các yêu cầu của thị trường lao động [H6.06.07.05].

Đối với SV sư phạm, ngoài việc rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên trong CTĐT còn được kiến tập, thực tập sư phạm một cách chu đáo giúp SV tự tin và có vốn kỹ năng khi ra trường [H6.06.07.06].

SV sau khi hoàn thành khóa học được Trung tâm giới thiệu việc làm hỗ trợ, tư vấn và tìm hiểu thị trường lao động theo các chuyên ngành được đào tạo [H6.06.07.07]. Đối với SV mới vào Trường được định hướng nghề nghiệp ngay từ khi tham gia học tập các hoạt động đầu khóa.

Qua khảo sát SV tốt nghiệp ra trường có việc làm tăng theo từng năm, cụ thể năm 2013: 85%; năm 2014: 88.5%; năm 2015: 86.18%, trong đó tỷ lệ có việc làm phù

hợp với ngành nghề được đào tạo: Năm 2013: 91%; năm 2014: 82.2%; năm 2015: 86.2 % [H6.06.07.08].

2. Điểm mạnh

Trường luôn chủ động, có kế hoạch cụ thể trong việc tổ chức các hoạt động hỗ trợ SV nhằm tăng tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành đào tạo.

Nhà trường luôn đa dạng hóa các hoạt động giúp SV có điều kiện thực tập, thực tế, thực hành để làm quen, trải nghiệm với thị trường lao động và nhu cầu xã hội ngay trong quá trình học tập.

3. Tồn tại

Số lượng tổ chức ngày hội tìm hiểu, giới thiệu việc làm còn ít (01 lần/năm) chưa đáp ứng nhu cầu của SV.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017, Trường hàng năm tổ chức 02, 03 “Ngày hội việc làm”. Thường xuyên cập nhật các nhu cầu tuyển dụng của các sở giáo dục, đơn vị sản xuất kinh doanh và doanh nghiệp.

Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng mềm cho SV thông qua các hoạt động tư vấn và chương trình phù hợp của “Trung tâm Phát triển công tác xã hội”.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.8. Người học có khả năng tìm việc làm và tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp. Trong năm đầu sau khi tốt nghiệp trên 50% người tốt nghiệp tìm được việc làm đúng ngành đào tạo

1. Mô tả

Để nắm bắt thực tế SV của Trường sau tốt nghiệp có khả năng đáp ứng nhu cầu thị trường lao động và tìm kiếm việc làm, từ năm học 2013-2014, Trường đã thực hiện thu thập thông tin của các cựu SV qua số điện thoại và địa chỉ Email cá nhân để cập nhật các thông tin về việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường. [H6.06.08.01].

Năm 2016, Trường thành lập Ban liên lạc Hội cựu SV. Ban liên lạc là cầu nối giữa nhà trường và cựu sinh viên giúp nhà trường nắm bắt tình hình việc làm, thu nhập của cựu sinh viên [H6.06.08.02].

Qua khảo sát, thống kê hàng năm, số SV có việc làm đúng với nghề được đào tạo, cụ thể: năm 2013 có 91% SV ra trường có việc làm (*năm 2013 chỉ có SV ngành sư phạm ra trường*); năm 2014: 88,5%; năm 2015: 86,18%, trong đó tỷ lệ có việc làm phù

hợp với ngành nghề được đào tạo: Năm 2013 có 91%; năm 2014 có 82.2%; năm 2015 có 86.2 %. Phần lớn sinh viên ra trường có thu nhập từ 2,5 đến 5 triệu đồng/tháng [H6.06.08.03].

2. Điểm mạnh

Trường luôn quan tâm đến tỷ lệ có việc làm và làm đúng chuyên ngành của SV, thể hiện qua các cuộc khảo sát nhu cầu lao động và kỹ năng nghề nghiệp cần có của từng chuyên ngành đào tạo đồng thời coi đây là yếu tố then chốt trong quá trình đào tạo tại trường.

3. Tồn tại

Ban liên lạc cựu SV chưa tổ chức được các hoạt động sự liên kết giữa SV tốt nghiệp với Trường trong tìm hiểu sâu rộng về thị trường lao động.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016- 2017, Trường tiếp tục khảo sát, lấy số liệu về việc làm của SV mới tốt nghiệp. Tổ chức hội thảo nhu cầu lao động và kỹ năng nghề nghiệp cho SV ở từng chuyên ngành và điều chỉnh lại CTĐT cho phù hợp với nhu cầu xã hội. Kết nối mối quan hệ chặt chẽ giữa Trường với các đơn vị sử dụng nguồn lao động giúp cho người học trước và sau khi tốt nghiệp có cơ hội tìm việc làm thích hợp.

Hỗ trợ ban liên lạc cựu SV tổ chức các hoạt động thiết thực để tạo mối quan hệ chặt chẽ giữa cựu SV và Nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.9. Người học được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên khi kết thúc môn học, được tham gia đánh giá chất lượng đào tạo của trường đại học trước khi tốt nghiệp

1. Mô tả

SV là đối tượng hướng đến trong quá trình đào tạo, việc đánh giá chất lượng giảng dạy của GV thông qua ý kiến của SV khi kết thúc môn học được nhà trường tổ chức 1 năm 1 lần [H6.06.09.01]. Việc đánh giá chất lượng đào tạo của Trường đối với sinh viên khi tốt nghiệp là cơ sở để Trường nâng cao chất lượng về chương trình và hoạt động đào tạo [H6.06.09.02].

Từ năm học 2013-2014, Trường đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến của sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên đối với môn học. Kết quả khảo sát được phản hồi đến giảng viên, khoa và lãnh đạo Nhà trường. Giúp cho các đối tượng được khảo sát cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo [H6.06.09.03]. Năm học 2015-2016, Trường

triển khai 100% SV được đánh giá môn học dưới hình thức phiếu khảo sát và khảo sát online [H6.06.09.04].

SV trước khi tốt nghiệp được tham gia đánh giá chất lượng đào tạo của Trường, với 6 nhóm nội dung: mục tiêu chương trình đào tạo, Đội ngũ giảng viên, mức độ đáp ứng yêu cầu của khóa học, công tác quản lý và phục vụ đào tạo, công tác hỗ trợ người học, cảm nhận chung của SV tốt nghiệp về chương trình đào tạo và môi trường sống tại Trường [H6.06.09.05].

2. Điểm mạnh

Trường đã tổ chức cho SV tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của GV khi kết thúc môn học, SV còn được tham gia đánh giá chương trình đào tạo. Có bộ phận chuyên trách là “Phòng đảm bảo chất lượng” thực hiện hoạt động lấy ý kiến đánh giá.

3. Tồn tại

Việc xử lý số liệu khảo sát ý kiến SV về công tác giảng dạy của GV và ý kiến SV trước tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của Trường còn chậm.

4. Kế hoạch hành động

Định kỳ tổng hợp ý kiến phản hồi từ SV tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của GV trực tuyến khi kết thúc môn học, xử lý kết quả đến bộ phận quản lý và cá nhân GV nhằm đánh giá rút kinh nghiệm và cải tiến trong công tác quản lý và giảng dạy.

Năm học 2016-2017, các đơn vị chức năng của Trường triển khai khảo sát ý kiến SV trước khi tốt nghiệp kịp thời về khóa học để có cơ sở điều chỉnh, cải tiến nâng cao hiệu quả đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận về Tiêu chuẩn 6:

SV đã được cung cấp, hướng dẫn đầy đủ về CTĐT, kiểm tra đánh giá các quy định từ khi nhập học. Các quy định thường xuyên được cập nhật điều chỉnh để phù hợp với yêu cầu thực tế. Trường luôn quan tâm thực hiện các chế độ chính sách xã hội, các hoạt động VHVN-TDĐT được tổ chức thường xuyên. Công tác bảo đảm an ninh trật tự trường học và nơi ở của SV được quan tâm thực hiện. SV được tạo điều kiện để tham gia các hoạt động của Đoàn TN, Hội TN và được bồi dưỡng, tạo điều kiện đứng vào hàng ngũ của Đảng. Trường đã có giải pháp để khuyến khích SV tham gia hoạt động đoàn thể. Công tác hướng nghiệp và tìm kiếm việc làm cho SV trong những năm gần đây được tổ chức thường xuyên với các hình thức phong phú. SV một

số khối ngành: Sư phạm, Kinh tế, Ngoại ngữ, Khoa học môi trường đang được thị trường lao động quan tâm.

Bên cạnh những điểm mạnh, tiêu chuẩn 6 còn chỉ ra một số hạn chế: vẫn còn tình trạng SV vi phạm quy chế thi; công tác liên lạc với cựu SV còn ít; hoạt động tư vấn hướng nghiệp và tìm kiếm, giới thiệu việc làm cho SV chưa đáp ứng nhu cầu thực tế... Tuy nhiên, các hạn chế này đã được trường chủ động kế hoạch nhằm cải tiến, đổi mới và khắc phục hợp lý trong các năm học tiếp theo.

Tiêu chuẩn 6 gồm có: 9 tiêu chí đạt 9/9.

Tiêu chuẩn 7: Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ

Mở đầu

Với sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của tỉnh Bình Dương, miền Đông Nam Bộ - vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và trở thành trung tâm tư vấn nghiên cứu trong khu vực, Nhà trường đặc biệt quan tâm đến hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH), ứng dụng phát triển và chuyển giao công nghệ (CGCN), xem đây là một trong những hoạt động chính của Trường. Qua 07 năm đầu xây dựng và phát triển, từ 2009 đến 2016, Trường đã có nhiều công trình NCKH đạt chất lượng cao và được ứng dụng vào thực tiễn phục vụ công tác giảng dạy, quản lý của Nhà trường, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương,... Một số kết quả nghiên cứu của CBGV Trường đã được công bố trên các tạp chí khoa học uy tín trong nước và quốc tế.

Hoạt động NCKH, ứng dụng, phát triển và CGCN đã có sự gắn kết và hỗ trợ tốt cho hoạt động đào tạo của Trường; đã kết nối Nhà trường với các viện nghiên cứu, trường đại học khác, doanh nghiệp; góp phần nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn cho đội ngũ và gia tăng nguồn thu cho Nhà trường.

Tiêu chí 7.1. Xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của trường đại học

1. Mô tả

Căn cứ vào Chiến lược phát triển Trường Đại học Thủ Dầu Một [H7.07.01.01], giai đoạn 2013-2016, Nhà trường đã xây dựng Đề án Phát triển hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) Trường Đại học Thủ Dầu Một đến năm 2020 [H7.07.01.02], Đề án NCKH về miền Đông Nam Bộ [H7.07.01.03]. Các đề án này đã xác định rõ mục tiêu, nội dung và các giải pháp đối với hoạt động KH&CN của Trường trong từng giai đoạn cụ thể 2013-2015 và 2016-2020, nhằm tiếp tục định hướng và thúc đẩy hoạt động KH&CN của Trường theo định hướng đạt chuẩn ứng dụng và hướng tới đại học nghiên cứu. Nghiên cứu về miền Đông Nam Bộ được xác định là mục tiêu nghiên cứu chiến lược của Trường, thực hiện trên các lĩnh vực: kinh tế, xã hội, lịch sử - văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ, đô thị, môi trường, biển đảo, biên giới,...

Hàng năm, căn cứ vào các đề án, Trường phê duyệt kế hoạch hoạt động KH&CN của các đơn vị [H7.07.01.04] và ban hành kế hoạch tổ chức các hoạt động KH&CN của Trường [H7.07.01.05]. Với nguồn kinh phí NCKH được UBND tỉnh cấp

và Trường phân bổ hàng năm [H7.07.01.06], các hoạt động KH&CN của Trường đảm bảo được triển khai, tạo ra các sản phẩm có giá trị khoa học và giá trị ứng dụng [H7.07.01.07]. Trường cũng đã thực hiện tổng kết hoạt động KH&CN cuối năm học nhằm đánh giá những ưu điểm và hạn chế trong việc xây dựng, tổ chức, triển khai kế hoạch hoạt động KH&CN [H7.07.01.08].

Từ các đề án, Trường đã tổ chức và triển khai thực hiện nhiều chương trình, đề tài nghiên cứu về miền Đông Nam Bộ như: “Lịch sử Thủ Dầu Một – Bình Dương”, “Khảo cứu di văn Hán Nôm vùng Đông Nam Bộ”, “Quan hệ vùng biên giới Việt Nam – Campuchia ở các tỉnh miền Đông Nam Bộ”, “20 năm đô thị hóa Bình Dương – Những vấn đề thực tiễn”,... [H7.07.01.09]. Trường cũng đã chủ động, phối hợp xây dựng kế hoạch và tổ chức thành công nhiều hội thảo khoa học (cấp quốc tế, cấp quốc gia, cấp trường) [H7.07.01.10]; tổ chức các hoạt động NCKH dành cho SV hàng năm như: Cuộc thi SV NCKH, Giải thưởng “Tài năng khoa học trẻ Đại học Thủ Dầu Một”, Hội nghị khoa học SV, Ngày hội khoa học SV,... [H7.07.01.11].

Hoạt động KH&CN của Trường được triển khai thực hiện theo đúng quy định của Luật KH&CN [H7.07.01.12], Bộ GD&ĐT [H7.07.01.13] và UBND tỉnh Bình Dương [H7.07.01.14]. Công tác quản lý KH&CN được thực hiện theo quy trình của của Bộ GD&ĐT [H7.07.01.15], Sở KH&CN tỉnh Bình Dương [H7.07.01.16] và Quy chế hoạt động KH&CN của Trường [H7.07.01.17].

Với sứ mạng trở thành trung tâm tư vấn nghiên cứu trong khu vực và mục tiêu đạt chuẩn Quốc gia đại học theo định hướng ứng dụng vào năm 2021, Trường đã từng bước đưa NCKH thành một nhiệm vụ bắt buộc đối với GV và lượng hóa các nhiệm vụ NCKH thành giờ lao động, xem đó là một trong những tiêu chuẩn quan trọng trong đánh giá và bình xét lao động hàng năm [H7.07.01.18]. Đồng thời, Trường cũng đề ra một số cơ chế, chính sách để động viên và thúc đẩy GV tham gia NCKH như: khen thưởng tác giả có bài báo công bố trên các tạp chí khoa học uy tín [H7.07.01.19]; ưu tiên xét công nhận các danh hiệu thi đua cuối năm đối với các GV có bài công bố trong nước và quốc tế [H7.07.01.20], sử dụng hiệu quả các cơ sở vật chất của trường phục vụ NCKH [H7.07.01.21].

Năm 2014, Trường đã lấy ý kiến đóng góp của GV và người học về sự phù hợp giữa việc xây dựng, triển khai kế hoạch hoạt động KH&CN với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của Nhà trường thông qua hình thức điều tra bảng hỏi [H7.07.01.22].

2. Điểm mạnh

Trường đã chủ động xây dựng định hướng nghiên cứu trung và dài hạn bằng các đề án nhằm hiện thực hóa sứ mạng phát triển, đồng thời cũng điều chỉnh, bổ sung kịp thời những định hướng nghiên cứu phù hợp với sứ mạng trở thành trung tâm tư vấn nghiên cứu trong khu vực; ban hành và thực hiện một số cơ chế, chính sách thúc đẩy hoạt động NCKH; tổ chức thực hiện những chương trình, đề tài quy mô lớn nhằm phục vụ yêu cầu phát triển của địa phương và khu vực.

Trường đã bước đầu tổ chức thu thập một số thông tin từ CBGV và người học về định hướng, kế hoạch tổ chức hoạt động KH&CN, từ đó có thể kịp thời điều chỉnh các kế hoạch cho phù hợp hơn với thực tiễn nghiên cứu của Trường.

3. Tồn tại

Các đề án, kế hoạch phát triển hoạt động KH&CN của Trường mới được triển khai từ năm 2013, còn chậm cập nhật.

Việc thu thập thông tin phản hồi từ CBGV và người học nhằm hỗ trợ việc điều chỉnh các đề án, kế hoạch KH&CN chưa được thực hiện định kỳ.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, căn cứ vào Chiến lược phát triển đến năm 2025, Nhà trường tiếp tục bổ sung, hoàn thiện Đề án phát triển hoạt động KH&CN của Trường đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; đồng thời cụ thể hóa Đề án thành những chương trình, đề tài, dự án nghiên cứu phù hợp.

Lựa chọn cách thức thu thập thông tin từ CBGV và người học phù hợp với từng đối tượng và thực hiện định kỳ vào giai đoạn giữa của đề án, kế hoạch KH&CN để kịp thời cập nhật, điều chỉnh đề án, kế hoạch.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 7.2. Có các đề tài, dự án được thực hiện và nghiệm thu theo kế hoạch

1. Mô tả

Trên cơ sở các quy định nhiệm vụ NCKH đối với GV [H7.07.02.01], kế hoạch tổ chức các hoạt động KH&CN của Trường hàng năm được ban hành [H7.07.02.02], các cá nhân được khuyến khích và tạo điều kiện tốt nhất để tham gia thực hiện nhiệm vụ NCKH.

Từ năm 2011 đến nay, Trường được giao trách nhiệm và tổ chức thực hiện 01 đề tài do Quỹ Nafosted tài trợ [H7.07.02.03], 07 đề tài cấp Tỉnh do Sở Khoa học Công nghệ tỉnh Bình Dương quản lý [H7.07.02.04], 01 đề tài cấp Tỉnh do Sở Khoa học Công nghệ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quản lý [H7.07.02.05], 01 đề tài cấp Tỉnh do Sở

Khoa học Công nghệ tỉnh Bình Thuận quản lý [H7.07.02.06] và 01 đề tài cấp cơ sở do Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bình Dương quản lý [H7.07.02.07]. Trường đã phê duyệt và giao trách nhiệm thực hiện hơn 140 đề tài cấp Cơ sở cho CBGV [H7.07.02.08].

Bảng 3: Số lượng đề tài được giao thực hiện giai đoạn 2011-2016

TT	Cấp quản lý đề tài	Số lượng đề tài được giao thực hiện theo từng năm						Tổng
		2011	2012	2013	2014	2015	2016	Tổng
1	Đề tài do Quỹ Nafosted tài trợ	0	0	0	0	01	0	01
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh	03	01	0	01	01	03	09
3	Đề tài cấp Cơ sở	15	11	23	32	23	39	143
Tổng cộng		18	12	23	33	25	42	153

(nguồn: Tổng hợp của Phòng Khoa học đến cuối tháng 12/2016)

Hầu hết các đề tài NCKH được đảm bảo đủ nguồn lực và tổ chức thực hiện, nghiệm thu đúng tiến độ theo kế hoạch được phê duyệt [H7.07.02.09]. Qua quy trình xét duyệt và thẩm định [H7.07.02.10], đối với các đề tài được phê duyệt thực hiện, chủ nhiệm sẽ được ký kết hợp đồng thực hiện đề tài với đơn vị chủ trì và Nhà trường. Chủ nhiệm đề tài được tạm ứng kinh phí trong quá trình thực hiện đề tài, được đề nghị nghiệm thu khi hoàn thành các sản phẩm của đề tài theo hợp đồng hoặc xin gia hạn thời gian thực hiện theo quy định.

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở các chủ nhiệm đề tài nhằm thúc đẩy tiến độ thực hiện đề tài [H7.07.02.11]. Đối với chủ nhiệm đề tài thực hiện không đúng tiến độ mà không có lý do chính đáng, Trường thực hiện thanh lý hợp đồng nghiên cứu và thu hồi kinh phí đã tạm ứng. Trường đã cho dừng thực hiện và thu hồi kinh phí của 4/115 (chiếm tỷ lệ 3,48 %) đề tài cấp Cơ sở [H7.07.02.12] thực hiện không đúng tiến độ, kế hoạch được phê duyệt với một số lý do của chủ nhiệm đề tài như: nghỉ bệnh hoặc thai sản, tham gia giảng dạy chuyên môn nhiều so với định mức quy định,... [H7.07.02.13].

2. Điểm mạnh

Hầu hết các đề tài của Trường được thực hiện và nghiệm thu theo đúng tiến độ, kế hoạch được phê duyệt. Việc nhắc nhở, kiểm tra tiến độ đề tài được thực hiện thường xuyên.

3. Tồn tại

Một số chủ nhiệm đề tài chưa cân đối hợp lý giữa thời gian nghiên cứu và thời gian giảng dạy, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện đề tài.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, Trường tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện đề tài các cấp của CBGV bằng việc xây dựng các đề án, chương trình nghiên cứu cụ thể, hình thành các nhóm nghiên cứu liên ngành, cải tiến quy trình quản lý đề tài tinh gọn và khoa học hơn.

Trường tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện, nghiệm thu đề tài bằng văn bản vào giữa kỳ, cuối kỳ để các chủ nhiệm đảm bảo thực hiện đúng tiến độ.

Trường cập nhật, bổ sung quy định khuyến khích đối với đề tài được nghiệm thu trước hạn và chế tài đối với đề tài nghiệm thu trễ hạn như: trừ điểm đánh giá nghiệm thu đề tài, không giao thực hiện đề tài cho CBGV đã hoàn hủy hợp đồng nghiên cứu trong vòng 02 năm sau đó.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 7.3. Số lượng bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế tương ứng với số đề tài nghiên cứu khoa học và phù hợp với định hướng nghiên cứu và phát triển của trường đại học

1. Mô tả

Việc công bố khoa học của CBGV Trường trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế được quan tâm và khuyến khích. Từ năm học 2015-2016, Trường đã ban hành và thực hiện chế độ tiền thưởng cho tác giả có bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín (tạp chí thuộc danh mục ISI, SCI, SCIE) và tạp chí khoa học được tính điểm trong danh mục của Hội đồng Chức danh Giáo sư Nhà nước [H7.07.03.01]. Giai đoạn 2011-2016, CB, GV Trường đã công bố 484 bài báo khoa học, trong đó có 55 bài trên các tạp chí khoa học quốc tế. Các tạp chí khoa học trong nước, tạp chí của trường đại học được nhiều GV quan tâm đưa vào kế hoạch công bố cá nhân [H7.07.03.02]. Đặc biệt, đã có 17 bài báo của GV được đăng trên các tạp chí khoa học quốc tế thuộc danh mục ISI [H7.07.03.03].

Số lượng bài báo của CBGV Trường được công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước và quốc tế hàng năm đều lớn hơn số lượng các đề tài quy đổi mà Trường thực hiện. Tuy nhiên, số lượng bài báo được đăng trên các tạp chí còn chưa tương ứng với số đề tài NCKH được nghiệm thu.

Bảng 4: Tỷ lệ bài báo trên mỗi đề tài được nghiệm thu giai đoạn 2011-2016

Năm	Số lượng		Tỷ lệ bài báo/đề tài
	Bài báo	Đề tài nghiệm thu	
2012	5	7	0,71
2013	8	13	0,62
2014	12	14	0,86
2015	21	24	0,88
2016	35	31	1,13
Tổng cộng	81	89	0,91

(nguồn: Tổng hợp của Phòng Khoa học đến cuối tháng 6/2016)

Thực trạng nêu trên là do quy định bắt buộc sản phẩm của đề tài phải bao gồm bài báo khoa học được công bố mới được Bộ KH&CN triển khai từ năm 2013. Từ sau năm 2013, Trường đã quy định việc thực hiện đề tài phải gắn với việc công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học [H7.07.03.04] và sản phẩm của đề tài đã dần đáp ứng được yêu cầu này.

Năm 2011, Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một được cấp Giấy phép hoạt động và Mã số chuẩn quốc tế cho xuất bản phẩm nhiều kỳ (ISSN) [H7.07.03.05]. Đây là một trong những địa chỉ công bố tin cậy của các tác giả, nhà nghiên cứu ở trong và ngoài Trường [H7.07.03.06], qua đó góp phần thúc đẩy việc công bố khoa học của CBGV Trường và người học.

Các bài báo khoa học của CBGV Trường đã công bố có nội dung đa dạng, phù hợp với chiến lược đào tạo và NCKH của Trường, được chia theo 03 nhóm lĩnh vực nghiên cứu: Khoa học Xã hội và Nhân văn, Khoa học Kỹ thuật và Công nghệ, Khoa học Tự nhiên [H7.07.03.07]. Hầu hết nội dung các bài báo mang tính ứng dụng cao, được công bố trên các tạp chí của trường đại học, các tạp chí chuyên ngành trong nước.

Ở nhóm lĩnh vực Khoa học Xã hội và Nhân văn, các bài báo đề cập đến những vấn đề về lịch sử, văn hóa, xã hội, giáo dục, kinh tế,... đóng góp luận cứ khoa học cho việc hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương thuộc miền Đông Nam bộ - Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Các bài báo thuộc nhóm lĩnh vực

Khoa học Kỹ thuật và Công nghệ tập trung công bố những kết quả nghiên cứu, ứng dụng về công nghệ sinh học, công nghệ thông tin, công nghệ nano, công nghệ vật liệu,... góp phần tạo ra các sản phẩm thiết thực, hữu ích phục vụ cho nhu cầu của con người; trong khi các bài báo thuộc nhóm lĩnh vực Khoa học Tự nhiên đóng góp những tri thức mới trong nghiên cứu cơ bản của toán học, vật lý, hóa học, sinh học,...

2. Điểm mạnh

Số lượng bài báo khoa học đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế của CBGV Trường tăng dần hàng năm.

CBGV đã thực hiện việc công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học trong quá trình thực hiện đề tài.

3. Tồn tại

Số bài báo khoa học được đăng trên các tạp chí so với số đề tài NCKH được nghiệm thu chưa tương ứng với tỷ lệ 1:1.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, Trường ban hành quy định cụ thể hơn đối với việc công bố kết quả thực hiện đề tài trên các tạp chí khoa học trước khi nghiệm thu.

Trường tổ chức các khóa tập huấn, báo cáo chuyên đề nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu, chia sẻ kinh nghiệm về công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học cho đội ngũ CBGV.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 7.4. Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của trường đại học có những đóng góp mới cho khoa học, có giá trị ứng dụng thực tế để giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước

1. Mô tả

Hầu hết các công trình NCKH của GV, đặc biệt là công trình được công bố trên các tạp chí khoa học đã có những đóng góp mới cho khoa học [H7.07.04.01]. Một số bài báo được công bố trên các tạp chí khoa học thuộc danh mục SCI, SCIE có chỉ số tác động khá cao đối với cộng đồng học thuật (IF) [H7.07.04.02]. Ngoài việc phục vụ cho công tác đào tạo và quản lý của Trường [H7.07.04.03], hoạt động NCKH và phát triển công nghệ (PTCN) của Trường còn đáp ứng các yêu cầu của quá trình phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương và cả nước [H7.07.04.04].

Nhà trường cũng luôn chú trọng đến hoạt động triển khai, ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn cuộc sống, đặc biệt là đối với các đề tài thuộc lĩnh vực khoa

học tự nhiên và kỹ thuật. Thành quả nghiên cứu nổi bật của Trường là nuôi cấy thành công nấm Đông trùng Hạ thảo (*Cordyceps militaris*), được đánh giá đạt chất lượng tốt và đã được trao tặng Cúp vàng sở hữu trí tuệ “Sản phẩm tin cậy – Dịch vụ hoàn hảo – Nhân hiệu ưa dùng” của Tạp chí Sở hữu trí tuệ và Viện Sở hữu trí tuệ Quốc tế [H7.07.04.05]. Bên cạnh đó, có một số công trình tham gia dự thi và đạt được giải thưởng cao ở Hội thi sáng tạo kỹ thuật tỉnh Bình Dương như: “*Bộ điều khiển lập trình cho chuồng trường học*” (Giải Nhì), “*Nghiên cứu tấm CFRP để sửa chữa kết cấu nhịp cầu bê tông cốt thép*” (Giải Ba),... [H7.07.04.06]. Một số đề tài đã góp phần phục vụ cho công tác quản lý của Nhà trường như: *Nghiên cứu triển khai hệ thống caching cải tiến cho mạng Trường Đại học Thủ Dầu Một, Xây dựng phần mềm hỗ trợ nghiệp vụ công tác tổ chức tại Trường Đại học Thủ Dầu Một, Biện pháp quản lý hoạt động KH&CN Trường Đại học Thủ Dầu Một*,... [H7.07.04.07].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động NCKH và PTCN của Trường có những đóng góp mới cho khoa học, có giá trị ứng dụng thực tế, phục vụ cho công tác đào tạo của Trường và góp phần giải quyết các vấn đề liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước.

3. Tồn tại

Việc triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu từ đề tài vào thực tế còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là các đề tài thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, Trường tiếp tục đẩy mạnh công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học quốc tế, hội thảo khoa học uy tín.

Trường có kế hoạch đẩy mạnh việc triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tế bằng cách hỗ trợ, tạo điều kiện thuận đồng thời tăng cường giám sát chủ nhiệm đề tài thực hiện triển khai ứng dụng sau khi kết quả nghiên cứu được nghiệm thu.

Trường có kế hoạch tăng cường quan hệ, trao đổi thông tin KH&CN với các địa phương, doanh nghiệp để tìm hiểu, thực hiện các đặt hàng NCKH và PTCN.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 7.5. Đảm bảo nguồn thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ không ít hơn kinh phí của trường đại học dành cho các hoạt động này

1. Mô tả

Kinh phí hoạt động NCKH và CGCN của Trường bao gồm:

- Nguồn thu từ hợp đồng NCKH ngoài Trường: là nguồn kinh phí thu được từ việc thực hiện đề tài NCKH các cấp ở ngoài Trường của CBGV do Nhà trường làm đơn vị chủ trì thực hiện [H7.07.05.01], hoặc phối hợp với đơn vị khác làm đơn vị chủ trì thực hiện [H7.07.05.02].

- Nguồn thu từ hoạt động tư vấn, CGCN: là nguồn kinh phí thu được từ các dịch vụ KH&CN liên quan đến hoạt động tư vấn, CGCN [H7.07.05.03].

Các khoản chi:

- Chi thực hiện đề tài NCKH cấp Cơ sở: là khoản kinh phí từ Ngân sách Nhà nước hàng năm cấp cho Trường để chi thực hiện các đề tài NCKH cấp Cơ sở [H7.07.05.04].

- Chi khác: là khoản kinh phí từ nguồn thu sự nghiệp của Trường dùng để chi cho các khoản như: hỗ trợ SV thực hiện đề tài NCKH; biên soạn tài liệu tham khảo, giảng dạy; tổ chức hội thảo khoa học; thưởng cho các công bố khoa học,... [H7.07.05.05].

Nguồn thu từ hoạt động NCKH và CGCN của Trường hàng năm luôn cao hơn tổng các khoản chi từ ngân sách của Trường dành cho hoạt động này.

Bảng 5: Nguồn kinh phí hoạt động NCKH và CGCN giai đoạn 2011-2016

Đơn vị tính: 1.000 VNĐ

Năm	Các nguồn thu			Các khoản chi			Tỷ lệ giữa thu và chi (1)/(2)
	Từ hợp đồng NCKH ngoài Trường	Từ hoạt động tư vấn, CGCN	Tổng (1)	Thực hiện đề tài cấp Trường	Khác	Tổng (2)	
2011	131.000	337.567	468.567	303.935	51.251	355.186	1,32
2012	778.000	424.379	1.202.379	444.114	52.354	496.468	2,42
2013	1.127.000	460.602	1.587.602	830.082	161.000	991.082	1,60
2014	1.819.425	284.646	2.104.071	1.209.168	725.000	1.934.168	1,09
2015	3.568.800	508.673	4.077.473	2.280.336	1.730.000	4.010.336	1,02
2016	7.447.134	100.000	7.547.134	4.484.171	2.080.000	6.564.171	1,15

(nguồn: Tổng hợp của Phòng Kế hoạch – Tài chính đến cuối tháng 12/2016)

Từ năm 2014, Trường đẩy mạnh hoạt động NCKH và CGCN trong CB, GV và SV bằng việc động viên, khuyến khích tham gia, thực hiện đề tài NCKH các cấp ở trong và ngoài trường; tổ chức nhiều hội thảo khoa học quy mô lớn; thưởng tiền cho các công bố khoa học trên tạp chí uy tín trong và ngoài nước; hỗ trợ kinh phí cho SV thực hiện đề tài NCKH; chi thù lao cho công tác biên soạn tài liệu giảng dạy;...

Trường cũng đã có quy định phân bổ kinh phí để đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động KH&CN [H7.07.05.06]. Theo đó, hàng năm, Trường đảm bảo dành tối thiểu 5% kinh phí từ nguồn thu hợp pháp của Nhà trường để đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động KH&CN; dành tối thiểu 3% kinh phí từ nguồn thu học phí để sinh viên và người học hoạt động NCKH.

2. Điểm mạnh

Tổng các khoản thu bên ngoài cho NCKH và từ NCKH đều cao hơn tổng các khoản chi từ ngân sách của Trường cho NCKH trong từng năm của giai đoạn 2011-2016.

Trường đã ban hành và thực hiện quy định phân bổ kinh phí để đầu tư phát triển tiềm lực, khuyến khích hoạt động KH&CN đối với CB, GV và người học.

3. Tồn tại

Nguồn thu từ hoạt động tư vấn, CGCN còn chưa tương xứng so với nguồn thu từ các hợp đồng NCKH ngoài Trường.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, Trường tiếp tục khuyến khích và tạo điều kiện cho CBGV thực hiện các đề tài, dự án NCKH và CGCN ở ngoài Trường, ngoài tỉnh. Có kế hoạch tư vấn, CGCN đối với các kết quả nghiên cứu cho các địa phương, doanh nghiệp.

Trường xây dựng kế hoạch nâng cao năng lực nghiên cứu cho CBGV và người học; tổ chức các hoạt động KH&CN đa dạng; ban hành các chính sách khuyến khích hoạt động KH&CN.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chuẩn 7.6. Các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của trường đại học gắn với đào tạo, gắn kết với các viện nghiên cứu khoa học, các trường đại học khác và các doanh nghiệp. Kết quả của các hoạt động khoa học và công nghệ đóng góp vào sự phát triển các nguồn lực của trường

1. Mô tả

Trường luôn quan tâm gắn kết giữa hoạt động NCKH và PTCN với hoạt động đào tạo [H7.07.06.01], qua đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường. Kết quả một số công trình NCKH được phát triển thành môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo cho môn học, chuyên đề,... như các sách tham khảo “Sử liệu học”, “Lịch sử văn minh thế giới”, giáo trình “Thi pháp học”, giáo trình điện tử học phần “Thiên văn học”, hệ thống câu hỏi nhiều lựa chọn trong kiểm tra đánh giá học phần “Đánh giá kết quả học tập ở tiểu học”... [H7.07.06.02]. Thông tin từ các hội thảo khoa học về *Đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát huy tính tích cực, sáng tạo của người học, Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực các ngành khoa học xã hội và nhân văn, Đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập Tiếng Anh ở bậc THPT và bậc Đại học, Xây dựng chuẩn đầu ra ngành Sư phạm Lịch sử, Sư phạm Địa lý theo hướng tiếp cận CDIO – Nhu cầu và giải pháp, Giảng dạy và học tập bộ môn khoa học Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong các trường đại học, cao đẳng hiện nay, Nghiên cứu và giảng dạy Tiếng Việt trong nhà trường hiện nay*... [H7.07.06.03] đã góp phần bổ sung những tri thức mới vào nội dung bài giảng, môn học, chương trình đào tạo.

Trong những năm qua, các hoạt động NCKH và PTCN cũng đã góp phần vào việc xây dựng đội ngũ nghiên cứu cũng như tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị cho Nhà trường. Hoạt động của các nhóm nghiên cứu trong quá trình thực hiện các chương trình, đề tài đã hình thành nên các nhóm nghiên cứu khá mạnh dưới sự hướng dẫn của các chuyên gia đầu ngành của Trường, chuyên gia bên ngoài tham gia nghiên cứu tại Trường [H7.07.06.04]. Một số đề tài NCKH có sản phẩm đào tạo là hướng dẫn luận văn thạc sĩ, khóa luận tốt nghiệp, đề tài NCKH của SV [H7.07.06.05]. Bên cạnh đó, nhiều máy móc, thiết bị hiện đại được trang bị cho các phòng thí nghiệm [H7.07.06.06], đáp ứng tốt nhu cầu NCKH, giảng dạy của CBGV Trường và người học.

Từ kết quả nghiên cứu của các đề tài, Nhà trường đã thực hiện chuyển giao công nghệ để các doanh nghiệp sản xuất ra một số sản phẩm phục vụ cho nhu cầu của xã hội, qua đó góp phần gia tăng nguồn thu của Trường [H7.07.06.07].

Trường chủ động phối hợp với các viện nghiên cứu, trường đại học khác để cùng thực hiện các hoạt động KH&CN với quy mô lớn như: tổ chức hội thảo khoa học quốc tế, quốc gia; thực hiện đề tài cấp Nhà nước, cấp tỉnh [H7.07.06.08]; hợp tác đào

tạo, bồi dưỡng những kỹ năng có liên quan đến NCKH và quản lý NCKH cho đội ngũ CBGV [H7.07.06.09].

Nhiều bài báo khoa học – sản phẩm của các hội thảo quốc gia, quốc tế – được đăng tải trên các tạp chí khoa học có uy tín trong nước, quốc tế và tạp chí khoa học của Nhà trường [H7.07.06.10].

Thông qua các hoạt động này, nhiều CBGV Trường có cơ hội được giao lưu, học tập kinh nghiệm, kỹ năng NCKH từ các chuyên gia, nhà khoa học uy tín hoặc tham gia vào các nhóm nghiên cứu mạnh, nhóm nghiên cứu liên ngành; qua đó, trình độ, năng lực chuyên môn của CBGV được nâng cao [H7.07.06.11].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động NCKH và PTCN của Trường có sự gắn kết và hỗ trợ tốt cho hoạt động đào tạo. Trường cũng đã phối hợp, hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học khác, doanh nghiệp trong việc triển khai một số hoạt động KH&CN.

Kết quả của các hoạt động KH&CN bước đầu đã có đóng góp cho sự phát triển các nguồn lực của Trường.

3. Tồn tại

Hoạt động NCKH và PTCN của Trường gắn kết với các doanh nghiệp còn chưa thật sự tương xứng với nguồn lực của Trường.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh gắn kết các hoạt động NCKH và PTCN với hoạt động đào tạo bằng việc quan tâm đến sản phẩm đào tạo trong các kết quả nghiên cứu; phát triển các kết quả nghiên cứu thành nguồn học liệu cho người học; tổ chức hội thảo khoa học hàng năm cho CBGV trẻ và học viên sau đại học; triển khai xây dựng các phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn, đầu tư hạ tầng phục vụ hoạt động NCKH và đào tạo.

Trường có kế hoạch đẩy mạnh liên kết, hợp tác NCKH và PTCN với các viện nghiên cứu, trường đại học khác, doanh nghiệp trong nước và quốc tế trên cơ sở phát huy các lĩnh vực nghiên cứu thuộc thế mạnh của Trường; tạo mọi điều kiện cho CB, GV trẻ được tham gia đào tạo, trao đổi công tác và cùng thực hiện nghiên cứu, công bố khoa học tại các đơn vị đối tác ở nước ngoài.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chuẩn 7.7. Có các quy định cụ thể về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định; có các biện pháp để đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ

1. Mô tả

Nhà trường có các quy định cụ thể về tiêu chuẩn khi đăng ký chủ trì, thực hiện đề tài NCKH các cấp đối với chủ nhiệm đề tài và các thành viên tham gia như: học vị, trình độ chuyên môn và các điều kiện cần thiết khác [H7.07.07.01]. Đây là các tiêu chuẩn năng lực cần thiết đối với các cá nhân tham gia NCKH tại Trường.

Bên cạnh những văn bản pháp quy và hướng dẫn thực hiện về bản quyền, quyền sở hữu trí tuệ [H7.07.07.02], Trường cũng ban hành và phổ biến một số quy định về bảo vệ quyền tác giả trong hoạt động KH&CN, về thực thi đạo đức trong NCKH ở Trường Đại học Thủ Dầu Một [H7.07.07.03] đến toàn thể CBGV và người học trên Trang thông tin điện tử của Trường [H7.07.07.04].

Trường cũng chú ý lồng ghép việc giáo dục nhận thức về quyền sở hữu trí tuệ và đạo đức trong NCKH cho SV thông qua môn học Phương pháp NCKH [H7.07.07.05], đồng thời cử các bộ phận quản lý có liên quan tham gia lớp tập huấn sử dụng các phần mềm chống sao chép, đạo văn [H7.07.07.06] và các hội nghị, hội thảo khoa học về sở hữu trí tuệ [H7.07.07.07]. Đặc biệt, Trường cập nhật thông tin khoa học nhanh chóng, kịp thời và rộng rãi thông qua việc đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Nhà trường là một trong những biện pháp quan trọng chống sao chép, vi phạm quyền sở hữu trí tuệ. Cho đến nay, chưa có hiện tượng vi phạm các quy định về bản quyền, quyền sở hữu trí tuệ trong đội ngũ CBGV và người học trong Trường.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã chủ động ban hành các quy định cụ thể về hoạt động KH&CN và tiêu chuẩn năng lực, đạo đức trong các hoạt động KH&CN theo hướng dẫn, quy định của cấp quản lý trực tiếp; tạo mạng lưới thông tin khoa học để phổ biến rộng rãi các kết quả nghiên cứu mới và thường xuyên cập nhật trên tạp chí và trang thông tin điện tử của Trường.

3. Tồn tại

Không

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, tiếp tục triển khai, bổ sung các biện pháp cụ thể để đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ được thực thi đầy đủ; đồng thời tiếp tục tổ chức các lớp tập huấn,

hướng dẫn cho CBGV, SV biết và thực hiện tốt về quyền sở hữu trí tuệ trong hoạt động KH&CN.

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận về Tiêu chuẩn 7

Trong thời gian qua, Trường Đại học Thủ Dầu Một đã xây dựng, triển khai các đề án, kế hoạch hoạt động KH&CN phù hợp với sứ mạng và Chiến lược phát triển của Trường. Kế hoạch hoạt động KH&CN của Trường đa dạng, phong phú bao gồm những đề tài, chương trình nghiên cứu; các hội thảo, tọa đàm khoa học trong nước và quốc tế; các hoạt động NCKH của SV, người học,... Bước đầu, Trường đã tạo lập được môi trường NCKH thuận lợi nhằm thúc đẩy và nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Dương và các tỉnh miền Đông Nam Bộ - vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Hoạt động NCKH của Trường đã có những đóng góp mới về mặt tri thức và nâng cao năng lực nghiên cứu của CBGV, các kết quả nghiên cứu được công bố trên các tạp chí khoa học uy tín, gắn kết và tạo môi trường tốt cho hoạt động đào tạo không những đối với SV mà còn góp phần tích cực trong việc đào tạo đội ngũ CB khoa học của Trường; hoạt động hợp tác nghiên cứu với một số đối tác trong nước và quốc tế đạt kết quả tốt, góp phần tích cực vào sự phát triển các nguồn lực của Trường.

Hoạt động NCKH, ứng dụng, phát triển và CGCN của Trường có chiều hướng phát triển không ngừng qua từng năm. Nguồn thu từ NCKH và CGCN dần đi vào ổn định, ngày càng phát triển, doanh thu KH&CN hàng năm đều tăng hơn kinh phí đầu tư của Trường cho các hoạt động này, đáp ứng tốt yêu cầu hoạt động KH&CN của Trường. Nhà trường đã ban hành hệ thống văn bản quy định về đạo đức trong hoạt động KH&CN của CBGV và người học.

Tiêu chuẩn 7 gồm có 7 tiêu chí: 7/7 tiêu chí đạt.

Tiêu chuẩn 8: Hoạt động hợp tác quốc tế

Mở đầu

Hoạt động hợp tác quốc tế của Trường luôn tuân thủ đúng các quy định hiện hành của Nhà nước; đa dạng về hình thức với các chương trình hợp tác thuộc các lĩnh vực: đào tạo và nghiên cứu khoa học, trao đổi giảng viên và người học, các hoạt động tham quan khảo sát, giao lưu văn hóa, tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học. Trường chú trọng phát triển các mối quan hệ và hợp tác lâu dài với các Trường Đại học, các tổ chức khoa học giáo dục có uy tín tại các quốc gia trên thế giới như: Hàn Quốc, Trung Quốc, Đài Loan, Philippines, Singapore, Nhật Bản, Anh, Pháp, Đức, Hoa Kỳ, Australia, New Zealand.

Tiêu chí 8.1. Các hoạt động hợp tác quốc tế được thực hiện theo quy định của Nhà nước

1. Mô tả

Các hoạt động hợp tác quốc tế của Nhà trường đều thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước về các vấn đề: nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam; công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập; về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục; việc đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam và tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế. Hoạt động hợp tác quốc tế của Nhà trường cho đến nay không có trường hợp nào vi phạm quy định hiện hành [H8.08.01.01].

Nhằm quản lý và giám sát chặt chẽ hoạt động hợp tác quốc tế, Trường luôn có sự phối hợp làm việc với các đơn vị chức năng của Tỉnh có liên quan như: Sở Ngoại vụ, Phòng An ninh Chính trị nội bộ (PA83), Phòng Bảo vệ chính trị (PA61), Phòng Quản lý xuất nhập cảnh thuộc Công an tỉnh Bình Dương trong các hoạt động có liên quan đến yếu tố nước ngoài [H8.08.01.02]. Phòng Hợp tác Quốc tế của Trường đã xây dựng quy chế hoạt động, phân rõ trách nhiệm, quyền hạn của Phòng và phối hợp với các đơn vị trong Trường về công tác quản lý hoạt động hợp tác quốc tế [H8.08.01.03].

Nhà trường luôn thực hiện đầy đủ các báo cáo định kỳ hàng năm và đột xuất về hợp tác quốc tế với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan chức năng của Tỉnh khi có yêu cầu [H8.08.01.04].

Nhà trường đã xây dựng và ban hành Quy định về công tác đối ngoại và hoạt động hợp tác quốc tế và Bộ Quy trình Hợp tác quốc tế; trong đó quy định rõ việc quản lý các dự án quốc tế, các chương trình liên kết đào tạo với đối tác nước ngoài; quản lý

người nước ngoài đến học tập và công tác tại Trường; quản lý cán bộ, sinh viên đi công tác, học tập, nghiên cứu, trao đổi ở nước ngoài; quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế; công tác lễ tân và đối ngoại [H8.08.01.05].

Việc tiếp đón các đoàn khách quốc tế đến thăm và làm việc tại Trường đều được thực hiện đúng quy trình, có chương trình làm việc chi tiết được Lãnh đạo Trường phê duyệt và gửi đến các đơn vị có liên quan và đối tác trước khi đoàn khách quốc tế đến làm việc [H8.08.01.06]. Các chế độ hỗ trợ, chi trả cho các giảng viên, chuyên gia nước ngoài được mời đến Trường làm việc đều tuân thủ theo quy định của Nhà nước và quy chế của Nhà trường, có dự trù và quyết toán chi phí rõ ràng [H8.08.01.07].

Việc tổ chức và quản lý cán bộ - giảng viên, các đoàn công tác của Trường đi nước ngoài được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước [H8.08.01.08]. Cán bộ, giảng viên và các đoàn đi công tác nước ngoài đều có mục đích rõ ràng, phù hợp với kế hoạch được phê duyệt và có báo cáo chi tiết sau khi hoàn tất chuyến công tác [H8.08.01.09].

Việc tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Trường cũng tuân thủ quy định hiện hành, được sự đồng ý của cơ quan cấp trên và có kế hoạch chi tiết, cụ thể [H8.08.01.10].

Tóm lại, các hoạt động hợp tác quốc tế của Trường đều được thực hiện theo quy trình nhất quán từ cá nhân đến đơn vị. Các chương trình, kế hoạch đều phải thông qua phòng Hợp tác Quốc tế, Lãnh đạo Trường và các cơ quan chức năng trước khi tổ chức thực hiện. Chính vì thế, trong 05 năm qua, Trường Đại học Thủ Dầu Một luôn thực hiện tốt hoạt động này, không có trường hợp vi phạm quy định của Nhà nước.

2. Điểm mạnh

Hoạt động hợp tác quốc tế của Trường luôn tuân thủ các quy định của Nhà nước và các cơ quan chức năng ở địa phương.

Nhà trường đã ban hành, phổ biến và áp dụng các quy trình hỗ trợ, đón tiếp đoàn khách nước ngoài, học giả quốc tế; tổ chức hội thảo, hội nghị quốc tế; tổ chức các đoàn công tác nước ngoài... giúp cho công tác hợp tác quốc tế được thực hiện nhanh chóng, tiết kiệm và hiệu quả.

Đội ngũ cán bộ quản lý và chuyên viên của Phòng Hợp tác Quốc tế có kinh nghiệm làm việc, nắm vững quy định Nhà nước về hợp tác quốc tế và quy trình hợp tác quốc tế, có trình độ ngoại ngữ tốt nên việc triển khai công tác hợp tác quốc tế tại Trường được thực hiện tốt.

Thiết lập tốt mối quan hệ với Sở Ngoại vụ, Phòng PA61, PA83, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Bình Dương nhằm đảm bảo công việc luôn được thực hiện đúng tiến độ và đạt hiệu quả cao nhất.

3. Tồn tại:

Chưa tiến hành rà soát, điều chỉnh các quy trình liên quan đến hoạt động hợp tác quốc tế một cách thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, tiếp tục tiến hành rà soát các quy trình làm việc liên quan đến hoạt động hợp tác quốc tế theo định kỳ mỗi năm học hai lần nhằm nâng cao hiệu quả công việc.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 8.2. Các hoạt động hợp tác quốc tế về đào tạo có hiệu quả, thể hiện qua các chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi học thuật; các chương trình trao đổi giảng viên và người học, các hoạt động tham quan khảo sát, hỗ trợ, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị của trường đại học

1. Mô tả

Nhà trường đã triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế trên nhiều lĩnh vực, nhiều hình thức, đặc biệt tập trung vào tính hiệu quả; với mục tiêu cụ thể được nêu rõ trong Chiến lược phát triển Trường Đại học Thủ Dầu Một đến năm 2020 là “Duy trì, phát triển các mối quan hệ hợp tác đã có. Mở rộng hợp tác với các đối tác mới là các trường, viện, học viện có uy tín trong và ngoài nước. Đa dạng hóa loại hình hợp tác và đa phương hóa đối tác” [H8.08.02.01]. Do vậy, Nhà trường đã có những bước phát triển mạnh trong việc mở rộng hợp tác quốc tế.

Trong 05 năm qua, đã có nhiều đoàn đại biểu đến thăm, giao lưu và làm việc với Trường từ các quốc gia như: Hàn Quốc, Trung Quốc, Đài Loan, Philippines, Singapore, Nhật Bản, Anh, Pháp, Đức, Hoa Kỳ, Australia, New Zealand [H8.08.02.02]. Kết quả, Trường đã ký kết Biên bản ghi nhớ hợp tác (MOU) với các trường: Đại học Woosong, Đại học Kyung Sung (Hàn Quốc), Đại học Fortune, Đại học Bình Đông, Đại học Trung Hưng, Đại học Chi Nan, Đại học Da Yeh (Đài Loan), Đại học Northern Kentucky (Hoa Kỳ), Đại học Cordilleras (Philippines) trong liên kết đào tạo, nghiên cứu khoa học và các trao đổi học thuật khác [H8.08.02.03]. Thông qua việc ký kết hợp tác, các dự án và chương trình đào tạo có sự phối hợp với đối tác nước ngoài từng bước được định hình và triển khai tại Trường, trong đó tiêu biểu như việc liên kết với trường Đại học Công lập

Bình Đông (Đài Loan) và Hiệp hội thương gia Đài Loan tại tỉnh Bình Dương triển khai chiêu sinh lớp đào tạo Thạc sĩ dành cho doanh nhân Đài Loan (theo hình thức cho thuê cơ sở vật chất) để cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp Đài Loan trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Nhà trường có mối quan hệ thường xuyên với Văn phòng Kinh tế và Văn hóa Đài Bắc tại Thành phố Hồ Chí Minh; đã tiếp nhận 02 đợt giảng viên tình nguyện người Đài Loan đến làm việc tại Trường, đồng thời cử giảng viên Nhà trường sang Đài Loan đào tạo ngắn hạn [H8.08.02.04].

Nhằm đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng giảng dạy tiếng Anh cho sinh viên, Nhà trường liên tục tiếp nhận các giáo viên nước ngoài đến tham gia giảng dạy tiếng Anh dựa trên tiêu chí giáo viên phải có trình độ chuyên môn cao và được các tổ chức có uy tín giới thiệu [H8.08.02.05].

Thông qua các mối quan hệ quốc tế, Trường đã mời các chuyên gia ngoài nước có nhiều kinh nghiệm trong công tác đào tạo và thành tựu trong nghiên cứu đến diễn thuyết, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm trên nhiều lĩnh vực, góp phần nâng cao chất lượng học tập, nghiên cứu của CBGV và sinh viên Nhà trường [H8.08.02.06].

Nhà trường đã liên tục tổ chức các đoàn CBGV đến khảo sát, học tập kinh nghiệm tại các Trường Đại học, các tổ chức giáo dục có uy tín trong khu vực. Thành quả đạt được là Trường Đại học Thủ Dầu Một đã được kết nạp vào Tổ chức CDIO thế giới, đang hoàn tất các thủ tục cần thiết để được kết nạp vào Hệ thống các Trường Đại học ASEAN đã được kiểm định (ASEAN University Network) [H8.08.02.07].

Nhà trường cũng tiếp nhận đào tạo các sinh viên nước ngoài đến học tập, nghiên cứu. Đến năm học 2015-2016, Trường đã và đang đào tạo 40 sinh viên nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào, tập trung học tập tại Khoa Kinh tế và Khoa Công nghệ Thông tin [H8.08.02.08].

Trường đã cử sinh viên tham gia các chương trình giao lưu quốc tế trong khu vực cũng như tiếp đón các đoàn sinh viên quốc tế đến giao lưu văn hóa với sinh viên Nhà trường [H8.08.02.09].

Đến cuối năm 2016, Nhà trường đang chuẩn bị các thủ tục cần thiết để tiến hành hoạt động liên kết đào tạo với các Trường Đại học, tổ chức giáo dục hàng đầu trong khu vực và thế giới, cụ thể như:

- Liên kết đào tạo Cử nhân chuyên ngành Khoa học máy tính với Đại học Northern Kentucky (Hoa Kỳ) [H8.08.02.10].

- Liên kết đào tạo tiếng Anh với Học viện Anh ngữ SME-AG (Philippines) [H8.08.02.11].

- Liên kết đào tạo Cử nhân chuyên ngành Công nghệ sinh học với Đại học Da Yeh (Đài Loan) [H8.08.02.12].

Thông qua các hoạt động hợp tác quốc tế, trình độ và năng lực quản lý, chuyên môn của CBGV được nâng cao hơn, cơ sở vật chất của Trường phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu được bổ sung, nâng cấp. Năm 2016, Trường thực hiện tiếp nhận 600 đầu sách chuyên ngành Công tác xã hội (giá trị ước tính 30.000 USD) do cá nhân Giáo sư Newfield Neal Allen (Đại học West Virginia, Hoa Kỳ) tặng cho Thư viện Trường, dự kiến đến cuối quý III năm 2017 sẽ hoàn thành tiếp nhận [H8.08.02.13].

Đồng thời với hoạt động liên kết đào tạo, Nhà trường còn chú trọng đẩy mạnh quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào, thường xuyên tổ chức các hoạt động chào mừng Quốc khánh nước bạn, giúp sinh viên Lào học tập với điều kiện vật chất và tinh thần cao nhất [H8.08.02.14].

2. Điểm mạnh

Trường có quan hệ và hợp tác ngày càng nhiều với các quốc gia, tổ chức quốc tế và tổ chức phi chính phủ với những hình thức hợp tác đa dạng, phong phú.

3. Tồn tại:

Một số khoa còn chậm trong việc triển khai các chương trình hợp tác đào tạo với các trường nước ngoài.

4. Kế hoạch hành động

Tiếp tục mở rộng quan hệ hợp tác với các trường Đại học tiên tiến trong khu vực Đông Nam Á nói riêng và trên thế giới nói chung về các hoạt động như: trao đổi sinh viên, đội ngũ CBGV, tổ chức các hội thảo chuyên đề, giao lưu, hợp tác nghiên cứu khoa học...

Tiếp tục đề ra chiến lược, kế hoạch nhằm tìm kiếm các đối tác mới song song với việc phát triển các mối quan hệ hợp tác đã có. Mục tiêu đến năm 2025 phải có từ 3-5 chương trình liên kết đào tạo do các trường Đại học nước ngoài có uy tín kiểm định chất lượng và cấp bằng, tập trung vào các đối tác như: Đại học Champasak (Lào), Đại học Trung Hưng, Đại học Chi Nan, Đại học Da Yeh (Đài Loan), Đại học Northern Kentucky (Hoa Kỳ)...

Các Khoa tích cực tìm kiếm, xây dựng mối quan hệ với các Trường có chất lượng cao trong khu vực và trên thế giới; chủ động trong việc lựa chọn hình thức liên

kết phù hợp với khả năng đào tạo và nhân sự của Khoa.

Tìm kiếm và phát triển nguồn nhân lực đạt yêu cầu về chuyên môn để đáp ứng nhu cầu công việc của Phòng Hợp tác Quốc tế, chú trọng nguồn nhân lực được đào tạo ngoài nước; năng động, nhạy bén và khả năng ngoại ngữ giỏi.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 8.3. Các hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học có hiệu quả, thể hiện qua việc thực hiện dự án, đề án hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, các chương trình áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào thực tiễn, tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học chung, công bố các công trình khoa học chung

1. Mô tả

Trong 05 năm qua, Nhà trường đã lập kế hoạch và triển khai thực hiện được nhiều hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học. Tất cả các kế hoạch, thông tin cần thiết, quy trình, biểu mẫu,... trong việc thực hiện dự án, đề án hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế đều được đăng tải đầy đủ trên website Nhà trường [H8.08.03.01].

Hoạt động hợp tác quốc tế đã mang đến cho Trường nhiều đề tài nghiên cứu có giá trị thiết thực. Tham gia các đề tài này, ngoài các giáo sư, tiến sĩ còn có nhiều giảng viên trẻ cộng tác. Từ việc tham gia các đề tài, dự án và tiếp cận với phong cách làm việc của các chuyên gia nước ngoài, năng lực nghiên cứu khoa học, khả năng làm việc độc lập của đội ngũ CBGV Nhà trường không ngừng được nâng cao. [H8.08.03.02]

Hoạt động trao đổi học thuật với các chuyên gia, nhà khoa học từ nước ngoài được chú trọng thông qua việc tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế. Từ năm 2013 đến 2016, Nhà trường đã tổ chức, phối hợp đồng tổ chức 06 hội thảo quốc tế trong nhiều lĩnh vực với chất lượng học thuật cao như:

1) Hội thảo quốc tế “Nền móng và các giải pháp địa kỹ thuật khu vực đồng bằng sông Cửu Long” (tháng 10/2013);

2) Hội thảo Quốc tế “Việt Nam 40 năm (1975-2015): Thống nhất, hội nhập và phát triển” (tháng 4/2015);

3) Hội thảo Quốc tế “Tác động của quá trình công nghiệp hóa đối với cộng đồng dân cư – Những bài học kinh nghiệm từ Trung Quốc, Ấn Độ và thực tiễn Việt Nam” (tháng 10/2015);

4) Hội nghị Quốc tế “Thành phố thông minh - Smart City” (tháng 3/2016). Đặc

biệt tại Hội nghị này có sự tham gia nhiệt tình và tích cực của sinh viên Nhà trường. Kết quả nổi bật là sinh viên khoa Công nghệ Thông tin đã đạt giải nhất cuộc thi lập trình về Thành phố thông minh.

5) Hội thảo Quốc tế “Tăng trưởng xanh – Con đường hướng đến phát triển bền vững” (tháng 7/2016);

6) Hội thảo Quốc tế “Các hệ thống cảm ngữ cảnh và ứng dụng” (tháng 10/2016).

Các hội thảo đã quy tụ được nhiều giáo sư hàng đầu trên thế giới và nhiều nhà khoa học có uy tín trong các lĩnh vực. Các đề tài tham luận đều mang tính ứng dụng cao, có giá trị nghiên cứu đối với CBGV của Trường [H8.08.03.03].

Với tiền đề trên, Nhà trường tiếp tục có những chủ trương khuyến khích các cá nhân, đơn vị tìm kiếm đối tác quốc tế để thực hiện các đề tài, dự án khoa học công nghệ, nhằm tạo ra những thay đổi tích cực trong nguồn lực của Trường.

2. Điểm mạnh

Lãnh đạo Trường tạo mọi điều kiện thuận lợi để các Khoa tìm kiếm các đối tác nước ngoài trong giao lưu học thuật, nghiên cứu khoa học. Nhiều Khoa đã chủ động trong việc tìm đối tác liên kết, tổ chức hội thảo khoa học.

Trang web của Nhà trường có đầy đủ thông tin cần thiết phục vụ cho cán bộ, giảng viên và sinh viên.

3. Tồn tại:

Vẫn còn một số khoa chưa thật sự chú trọng đến hoạt động nghiên cứu khoa học và tổ chức hội thảo khoa học mang tính quốc tế, còn chủ yếu tập trung vào giảng dạy.

Số lượng giáo viên tham dự các hội thảo tổ chức tại Trường vẫn còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, tiếp tục tăng cường hơn nữa mối quan hệ với các đối tác quốc tế, đẩy mạnh trao đổi giảng viên, tổ chức hội thảo khoa học mang tính ứng dụng cao. Mỗi năm cử ít nhất 10 giảng viên ra nước ngoài tham dự các hội thảo quốc tế.

Khuyến khích giảng viên của Trường tích cực tham gia các hội thảo quốc tế phù hợp với chuyên môn do các Trường trong khu vực tổ chức.

Tăng cường sự chỉ đạo để các Khoa tích cực và chủ động hơn nữa trong công tác tổ chức hội thảo quốc tế; bố trí mỗi Khoa có một trợ lý về hợp tác quốc tế.

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận:

Từ khi được thành lập cho đến nay, hoạt động hợp tác quốc tế của Nhà trường luôn tuân thủ đúng các quy định quản lý hiện hành và có những bước phát triển mạnh mẽ, hiệu quả về nhiều mặt. Sự phát triển này đã giúp cho đội ngũ CBGV Nhà trường trưởng thành nhanh chóng, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học ngày càng hiện đại, mang lại lợi ích cho Nhà trường nói riêng và cho xã hội, cho cộng đồng nói chung; nâng cao vị thế và uy tín của Nhà trường trên trường quốc tế. Trường Đại học Thủ Dầu Một phấn đấu đưa hoạt động hợp tác quốc tế lên một tầm cao mới trong những năm tiếp theo.

Tiêu chuẩn 8 gồm có: 3 tiêu chí đạt: 3/3

Tiêu chuẩn 9: Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác

Mở đầu

Công tác đầu tư, phát triển thư viện và cơ sở vật chất (CSVC) luôn được Trường quan tâm. Thư viện bố trí trên lầu 1 thuộc dãy nhà A3, được đầu tư tài liệu và các trang thiết bị đáp ứng nhu cầu cho việc dạy, học và NCKH.

CSVC ngày càng hoàn thiện, diện tích xây dựng tăng hàng năm. Trường đã bố trí các giảng đường, phòng thí nghiệm, các lớp học dưới nhiều loại hình khác nhau, trang bị đầy đủ thiết bị chuyên ngành và thông dụng, bố trí khoa học, sử dụng với hiệu suất cao nên đã đáp ứng nhu cầu người học. Công nghệ thông tin (CNTT) được đầu tư nâng cấp, trang bị máy tính và phần mềm hỗ trợ cho các đơn vị để từng bước tin học hóa công tác quản lý và đào tạo. Trường thực hiện xã hội hóa giáo dục trong việc bố trí nơi ăn ở cho sinh viên. Trường có đội bảo vệ làm việc 24/24 giờ. Công tác phòng cháy chữa cháy (PCCC) được chú trọng với hệ thống báo cháy, dụng cụ chữa cháy được lắp đặt ở các vị trí thuận tiện.

Tiêu chí 9.1. Thư viện của trường đại học có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học. Có thư viện điện tử được nối mạng, phục vụ dạy, học và nghiên cứu khoa học có hiệu quả

1. Mô tả

Thư viện được bố trí ở khu vực trung tâm Trường tạo điều kiện thuận lợi cho GV và SV, tổng diện tích 990m² được chia làm 03 phòng với gần 200 chỗ ngồi. Ngoài ra, Trường còn có vườn học tập với không gian thoáng mát tạo thuận lợi cho SV tự học, tự nghiên cứu. Thư viện được trang bị đầy đủ các thiết bị, máy móc như máy tính, máy in, máy scan, photocopy để làm việc và phục vụ nhu cầu bạn đọc [H9.09.01.01]. Thư viện có quy chế tổ chức hoạt động, kế hoạch ngắn hạn và dài hạn, dự trù mua sắm trang thiết bị, báo cáo hoạt động định kỳ [H9.09.01.02]; có đội ngũ chuyên trách được đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ hàng năm [H9.09.01.03].

Thư viện cung cấp đủ tài liệu học tập chính cho người học. Tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài được cập nhật bổ sung (định kỳ hoặc đột xuất) theo quy trình [H9.09.01.04]. Hàng năm Thư viện đều có dự trù kinh phí bổ sung, việc bổ sung có sự phối hợp giữa thư viện với khoa, bộ môn và GV [H9.09.01.05]. Yêu cầu bổ sung được rà soát lại, đảm bảo đáp ứng chương trình đào tạo và NCKH. Kinh phí bổ sung và nguồn tài liệu đều tăng qua các năm [H9.09.01.06].

Bảng 6: Thống kê kinh phí và số lượng bổ sung tài liệu hàng năm

Năm học	Kinh phí (VNĐ)			Số lượng bổ sung	
	Tài liệu giấy	Tài liệu điện tử	Tổng cộng	Tài liệu giấy (nhan đề/cuốn)	Tài liệu điện tử (CSDL)
2011-2012	469,509,450	19,500,000	489,009,450	1465/9331	01
2012-2013	635,974,100	75,292,000	711,266,100	1627/9344	02
2013-2014	859,833,450	19,500,000	879,333,450	1777/7177	01
2014-2015	1,094,772,632	354,350,000	1,449,122,632	1645/5228	03
2015-2016	1,215,299,000	431,437,000	1,646,736,000	1336/4179	04

Bên cạnh tài liệu giấy, Thư viện cũng đầu tư xây dựng thư viện điện tử, bao gồm phần mềm hỗ trợ nghiệp vụ Libol 6.0, trang web và các nguồn tài nguyên điện tử khác (tiếng Việt và cơ sở dữ liệu ngoại văn) [H9.09.01.07]. Thư viện có ký kết hợp tác, trao đổi và chia sẻ nguồn tin điện tử với Thư viện Trung tâm và Thư viện Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh; kết nối thư viện số với các thư viện khác tạo điều kiện cho bạn đọc khai thác cơ sở dữ liệu dùng chung [H9.09.01.08]. Các tài liệu điện tử được Thư viện tổ chức thành nhiều hình thức phục vụ và giới thiệu, hướng dẫn sử dụng qua nhiều kênh thông tin khác nhau [H9.09.01.09].

Bảng 7: Thống kê Cơ sở dữ liệu điện tử

Tên cơ sở dữ liệu	Số lượng	Nhà cung cấp	Năm sử dụng	Thời hạn sử dụng	Hình thức phục vụ
CD-Rom	473 nhan đề	Theo sách và Thư viện xây dựng	2011	Vĩnh viễn	Tại chỗ
Bộ sưu tập tài liệu điện tử	2.147 file	Thư viện xây dựng	2011	Vĩnh viễn	Tại chỗ
Ebook ngoại văn (IGLibrary&Oxford)	02	IGroup	2016	Vĩnh viễn	Từ xa
CSDL SpringerLink	01	Trung tâm Thông tin KH&CN Quốc gia	2016	01 năm, gia hạn hàng năm	Từ xa
CSDL ProQuest (tạp chí ngoại văn)	01	Cục Thông tin KH&CN Quốc gia	2014	01 năm, gia hạn hàng năm	Tại chỗ
CSDL STD (tạp chí tiếng Việt)	01	Cục Thông tin KH&CN Quốc gia	2014	01 năm, gia hạn hàng năm	Tại chỗ
CSDL Credo Reference	01	Cục Thông tin KH&CN Quốc gia	2014	01 năm, gia hạn hàng năm	Tại chỗ

		gia			
CSDL tailieu.vn	01	Công ty TNHH tài liệu trực tuyến VINA - VDOC	2015	01 năm, gia hạn hàng năm	Từ xa

Thư viện là thành viên của Liên Chi hội Thư viện đại học phía Nam và Liên hiệp Thư viện Việt Nam, thường xuyên trao đổi thông tin và hỗ trợ nghiệp vụ khi cần thiết [H9.09.01.10].

Thư viện có những hoạt động hỗ trợ bạn đọc như cung cấp thông tin theo yêu cầu, dịch vụ hỏi-đáp, hỗ trợ mua tài liệu, tặng sách, báo-tạp chí [H9.09.01.11].

Để theo dõi nhu cầu sử dụng và khả năng đáp ứng, Thư viện thống kê lượt sử dụng thực tế [H9.09.01.12] và khảo sát 2 năm/lần. Việc khảo sát được lên kế hoạch, kết quả được tổng hợp và có biện pháp khắc phục hạn chế nhằm đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu của bạn đọc. Theo số liệu khảo sát năm học 2015-2016, mức độ đáp ứng về tài liệu của Thư viện được SV đánh giá đạt 79,4%, của GV là 62,3%; mức độ hài lòng về thái độ phục vụ đạt 76,1% (SV) và 88,3% (GV) [H9.09.01.13].

2. Điểm mạnh

- Thư viện có nguồn tài liệu phong phú, đa dạng đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, giảng dạy và học tập của cán bộ, GV và SV;
- Đội ngũ cán bộ vững chuyên môn, phương pháp quản lý và vận hành khoa học tạo điều kiện thuận lợi cho bạn đọc trong quá trình sử dụng thư viện.

3. Tồn tại

- Tài liệu tham khảo phong phú nhưng chưa sát với đề cương chi tiết. Diện tích dành cho kho sách và bạn đọc còn hạn chế.
- Thư viện đang khai thác các cơ sở dữ liệu ngoại văn nhưng chưa trao đổi và chia sẻ nguồn lực thông tin với các thư viện nước ngoài.

4. Kế hoạch hành động

Giai đoạn 2017-2018: Thư viện nâng cao hiệu quả liên kết với khoa và bộ môn trong việc bổ sung tài liệu. Kiến nghị lên Ban giám hiệu về việc mở rộng diện tích theo kế hoạch đã đề ra; cải thiện và bố trí lại không gian hợp lý.

Giai đoạn 2018-2020: Thư viện đẩy mạnh liên kết với thư viện các trường trong hệ thống Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, tìm kiếm hợp tác với các tổ chức nước ngoài nhằm trao đổi và chia sẻ các nguồn lực. Phát triển nguồn lực thông tin, đa dạng hóa phương thức cung cấp tin cho bạn đọc.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 9.2. Có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ cho dạy, học và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo

1. Mô tả

Trường có đủ phòng học, giảng đường lớn, phục vụ cho dạy và học đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo, cụ thể hiện có: 135 phòng học và 02 hội trường, đáp ứng nhu cầu 12.651 sinh viên/252 lớp chia làm 02 ca học cho tất cả các ngành đào tạo. Sức chứa từng loại phòng học lý thuyết cụ thể như sau [H9.09.02.01]:

Bảng 8: Thống kê phòng học lý thuyết

Loại phòng	Sức chứa (chỗ ngồi)	Số lượng (phòng)
Phòng học	20-30	05
Phòng học	44-60	91
Phòng học	64-84	31
Phòng học	96-140	08
Hội trường 1	250	01
Hội trường 2	450	01
Tổng cộng		137

Phòng học do Phòng Đào tạo phụ trách với phần mềm quản lý Edusoft.net để theo dõi, sắp xếp, phân bổ và truy xuất nhằm đạt hiệu suất sử dụng cao nhất [H9.09.02.02]. Phòng CSVN quản lý về trang thiết bị, vệ sinh môi trường và an toàn lớp học.

Trường có đủ phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ cho dạy, học và NCKH đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo. Với 35 phòng được trang bị đầy đủ các phương tiện phục vụ thí nghiệm, thực hành ở các khoa và bộ môn, được nâng cấp mở rộng và tăng cường thiết bị hàng năm, cụ thể như sau:

Bảng 9: Thống kê phòng thực hành, thí nghiệm

Khoa	Số lượng (phòng)	Chi tiết
Tự nhiên	11	- Thực tập môn Sinh (4 phòng) - Thực tập môn Hóa (5 phòng) - Thực hành môn Lý (2 phòng)
Xây dựng	03	- Thực hành trắc địa - Phòng thí nghiệm VLXD trắc địa - Phòng thí nghiệm địa kỹ thuật

Kiến trúc	03	- Phòng Hội họa - Phòng Điêu khắc - Phòng Họa thất
Điện - Điện tử	04	- Điện - Điện tử cơ bản - Mô phỏng và truyền thông - Điện công nghiệp - Tự động hóa
Khoa Môi trường	05	- Thực hành Môi trường I - Thực hành Môi trường II - Thực hành Môi trường III
Khoa Sư phạm	02	- Thực hành Múa - Thực hành Nhạc
Khoa CNTT	07	Thực hành CNTT
Tổng cộng	35	

Đa số GV đánh giá phòng học và phòng thực hành, thí nghiệm đáp ứng nhu cầu giảng dạy của các khoa và các bộ môn [H9.09.02.03]. Tùy theo tình hình phát triển, Trường có quy hoạch và kế hoạch xây dựng phù hợp với từng năm học [H9.09.02.04].

2. Điểm mạnh

Trường có đủ số phòng học, giảng đường, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ cho công tác đào tạo, NCKH theo yêu cầu của từng ngành đào tạo.

3. Tồn tại

Các phòng học được nâng cấp từ khu ký túc xá nên chưa đồng bộ.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2017-2018, Trường tiếp tục xây dựng và nâng cấp các phòng học, giảng đường, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ cho đào tạo sau đại học, đào tạo chuyên sâu, chất lượng cao và NCKH.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 9.3. Có đủ trang thiết bị dạy và học để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và NCKH, được đảm bảo về chất lượng và sử dụng có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của các ngành đào tạo

1. Mô tả

Trường có đủ trang thiết bị dạy và học để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và NCKH, đáp ứng yêu cầu của các ngành đào tạo, bao gồm: đường truyền Internet, Wifi, hệ thống âm thanh, micro, projector gắn cố định cho từng phòng học. Trường từng bước đáp ứng đầy đủ các thiết bị theo đề nghị của các khoa [H9.09.03.01], có phòng kỹ thuật viên sẵn sàng hỗ trợ khi có sự cố.

Phòng thí nghiệm, thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị cần thiết, đáp ứng yêu cầu của các Khoa, Bộ môn. Các thiết bị cung cấp theo yêu cầu của các đơn vị đều thông qua quy trình đã được Trường phê duyệt [H9.09.03.02]. Kế hoạch mua sắm, kết quả thực hiện và quản lý, sử dụng đều được công khai [H9.09.03.03]

Trang thiết bị được đảm bảo về chất lượng và sử dụng có hiệu quả. Phòng CSVC phụ trách tổng thể việc mua sắm, thanh lý trang thiết bị, tài sản của toàn trường. Các khoa chịu trách nhiệm điều phối sử dụng trang thiết bị, có nội quy sử dụng phòng thí nghiệm, có sổ nhật ký theo dõi, cập nhật hàng ngày quá trình sử dụng nhằm đạt hiệu quả sử dụng cao nhất [H9.09.03.04].

Hàng năm, Trường thành lập tổ kiểm kê tài sản cố định kiểm tra, thẩm định, đánh giá chất lượng và hiệu quả sử dụng thiết bị theo đúng quy định [H9.09.03.05].

Theo kế hoạch hoạt động từng năm học, phòng CSVC khảo sát ý kiến của giảng viên và sinh viên về khả năng đáp ứng giúp Trường có cơ sở cải tiến, nâng cao chất lượng phục vụ [H9.09.03.06]. Hầu hết ý kiến phản hồi đánh giá ở mức độ hài lòng [H9.09.03.07]. Trên cơ sở đó, Trường có những biện pháp khắc phục một số hạn chế về cơ sở hạ tầng một cách kịp thời và hiệu quả [H9.09.03.08].

2. Điểm mạnh

Phòng học được trang bị đầy đủ các phương tiện giảng dạy, nghe nhìn, máy tính đảm bảo cho công tác dạy và học.

Phòng thí nghiệm được trang bị các thiết bị cần thiết, phân bố hợp lý ở Khoa, Bộ môn đáp ứng yêu cầu giảng dạy và nghiên cứu.

3. Tồn tại

Trang thiết bị phục vụ cho công tác đào tạo chất lượng cao và đào tạo sau đại học còn thiếu.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2017-2018, Trường xây dựng kế hoạch, huy động nguồn đầu tư xây dựng và mua sắm thiết bị thí nghiệm, thực hành phục vụ cho đào tạo sau đại học, đào tạo chuyên sâu, chất lượng cao.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 9.4. Cung cấp đầy đủ thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy và học, nghiên cứu khoa học và quản lý

1. Mô tả

Trường có đầy đủ thiết bị tin học hỗ trợ hiệu quả hoạt động dạy và học, NCKH và quản lý. Với 681 máy tính để bàn, trong đó có 7 phòng thực hành với 300 máy được sắp xếp lịch phù hợp, đáp ứng giảng dạy chuyên ngành CNTT và các ngành có nhu cầu sử dụng (đạt tỷ lệ khoảng 03 máy tính/120 sinh viên). Trường có 108 máy in các loại, 24 máy scanner, 09 máy photocopy, 05 máy quét mã vạch sử dụng cho Thư viện; các phòng học được trang bị máy chiếu, projector. Trung tâm CNTT chịu trách nhiệm đảm bảo về mặt công nghệ, hệ thống máy tính của Trường (đường truyền và máy chủ). Trường có đội ngũ kỹ thuật viên với 07 nhân sự kiêm nhiệm thuộc phòng CSVC và Trung tâm CNTT, có nhiệm vụ hướng dẫn sử dụng các thiết bị tin học và bảo mật thông tin.

Để đảm bảo cho hoạt động của Trường được hiệu quả và thông suốt, các đơn vị chuyên trách đều có phần mềm quản lý công việc phù hợp [H9.09.04.01].

Bảng 10: Thống kê phần mềm sử dụng tại Trường

Đơn vị sử dụng	Tên phần mềm	Chức năng	Năm sử dụng
Phòng Đào tạo và các khoa	Edusoft.net	Quản lý hệ thống đào tạo và số liệu của người học, người dạy	2011
P. Kế hoạch Tài chính	Misa	Quản lý Kế toán tài chính	2009
Phòng Hành chính	Quản lý văn bản	Quản lý văn bản và hồ sơ công việc	2011
Phòng Tổ chức	Quản lý nhân sự	Quản lý hồ sơ về nhân sự	2010
Thư viện	Libol	Quản lý tài liệu và thông tin bạn đọc	2009

Trong khuôn viên Trường có hệ thống wifi tốc độ cao cho SV, GV. Tỷ lệ máy tính dùng cho công tác quản lý và các phòng chức năng đạt 100%. Tất cả cán bộ, giảng viên đều có email công vụ; website trường và các khoa, đơn vị được cập nhật thông tin đầy đủ tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình công tác và giảng dạy [H9.09.04.02].

Trường có các biện pháp đảm bảo an toàn cho hệ thống máy tính, cụ thể như: hợp đồng mua phần mềm diệt vi rút cài đặt cho tất cả máy tính cá nhân, hợp đồng bảo trì cho các phần mềm hàng năm [H9.09.04.03].

2. Điểm mạnh

Thiết bị tin học được cung cấp đầy đủ, đáp ứng các yêu cầu về thực hành, giảng dạy, học tập, NCKH và quản lý.

3. Tồn tại

Một số máy tính và máy chiếu qua thời gian sử dụng đã xuống cấp, ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy và học tập.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2017-2018, Trường tiếp tục có kế hoạch sửa chữa các thiết bị phục vụ giảng dạy, trang bị thêm các thiết bị tin học cần thiết, kịp thời thay thế khi các thiết bị hư hỏng xuống cấp.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 9.5. Có đủ diện tích lớp học theo quy định cho việc dạy và học; có ký túc xá cho người học, đảm bảo đủ diện tích nhà ở và sinh hoạt cho sinh viên nội trú; có trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao theo quy định

1. Mô tả

Trường có đủ diện tích lớp học theo quy định cho việc dạy và học. Tổng diện tích lớp học lý thuyết và thực hành toàn trường hiện nay là 29.107,8m²/12.651 SV. Tỷ lệ bình quân diện tích chỗ học tập cho người học là 2,3 m²/SV.

Diện tích sân bãi dành cho các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, giáo dục quốc phòng an ninh luôn được đảm bảo, gồm 01 câu lạc bộ thể hình, 01 nhà học võ thuật, 02 sân bóng chuyền, 01 sân bóng đá mini, 01 sân bóng rổ, sân tập TDTT ngoài trời khoảng 2,2ha, 01 đường chạy 400m, 01 sân khấu ngoài trời, 01 nhà đa năng diện tích 927,91m² (trong nhà đa năng có sân khấu, hệ thống âm thanh, ánh sáng đầy đủ phục vụ cho văn nghệ và các ngày sự kiện); 01 bãi để xe sinh viên diện tích 5.720m², 01 bãi để xe ô tô diện tích 1.850m², 01 nhà ở công vụ gồm 24 phòng đôi với đầy đủ tiện nghi để nghỉ lại cho giảng viên và khách [H9.09.05.01].

Bảng 11: Thống kê diện tích sàn xây dựng

Stt	Khuôn viên về đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ diện tích/SV (m ² /sv)	TCVN	Đánh giá
1	Tổng diện tích sàn xây dựng	66.306,8	5.2		Đạt
2	Diện tích trực tiếp phục vụ học tập	29.107,8	2.3	Không được nhỏ hơn 2,2 (m ² /sv)	Đạt
3	Diện tích phòng học	17.724,1	1.4	Không được lớn hơn 1,5 (m ² /sv)	Đạt

4	Phòng thực hành, thí nghiệm	7.756,68	0.6		Đạt
5	Sân bãi phục vụ thể dục thể thao, vườn học tập	37.199	2.9		Đạt

Để đảm bảo về nhu cầu phát triển, Trường đã cải tạo, nâng cấp ký túc xá thành các phòng học. Vì vậy, nơi ở cho SV được Trường giải quyết bằng cách xã hội hóa. Trường đã kết hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, các cá nhân và đơn vị liên kết đầu tư xây dựng 06 khu nhà ở ký túc xá SV, đảm bảo tiện ích về y tế và an toàn PCCC [H9.09.05.02]. Phòng Công tác Sinh viên và Đoàn thanh niên là đầu mối quản lý hoạt động này từ khi SV nhập học đến khi ra trường.

Bảng 12: Thống kê các khu ký túc xá sinh viên

Stt	Ký túc xá	Diện tích (m ²)	Tổng số sinh viên	Tiêu chuẩn (m ² /sv)	Đánh giá
1	Khu ký túc xá số 01	500	184	2,7	Đạt
2	Khu ký túc xá số 02	520	160	3,3	Đạt
3	Khu ký túc xá số 03	604	256	2,4	Đạt
4	Khu ký túc xá số 04	320	144	2,2	Đạt
5	Khu ký túc xá số 05	315	168	1,9	Đạt
6	Khu ký túc xá số 06	420	320	1,3	Đạt

Hàng năm, Trường tiến hành rà soát tình hình sử dụng phòng học, phòng thực hành thí nghiệm để lập kế hoạch xây dựng, điều chỉnh. Các kiến nghị được Phòng CSVC giải quyết kịp thời khi cần thiết [H9.09.05.03].

2. Điểm mạnh

Diện tích lớp học đáp ứng việc dạy và học của Trường theo quy định. Có đầy đủ các sân chơi, giải trí lành mạnh, phục vụ tốt nhu cầu của người học.

3. Tồn tại

Các ngành và UBND tỉnh chưa cân đối được ngân sách để cấp vốn đầu tư xây dựng ký túc sinh viên (giai đoạn 01) theo quyết định đã được phê duyệt.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2017 và những năm tiếp theo, Trường tiếp tục phối hợp với chính quyền địa phương và các nhà đầu tư để tiếp tục giải quyết xã hội hóa ký túc xá cho SV yên tâm học tập tại cơ sở số 06 Trần Văn Ôn, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một.

Trong khi chờ dự án xây dựng cơ sở mới, Trường tiếp tục phối hợp các ngành và UBND tỉnh khẩn trương xem xét, cấp vốn để thực hiện đầu tư xây dựng Ký túc xá SV (giai đoạn 01) theo dự án đầu tư đã được UBND tỉnh phê duyệt.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 9.6. Có đủ phòng làm việc cho cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu theo quy định.

1. Mô tả

Trường có tòa nhà 3 tầng gồm 23 phòng để Lãnh đạo Trường, các phòng, ban chuyên môn làm việc, hội họp và tiếp khách; 5 dãy nhà cấp 4 gồm 50 phòng để các khoa làm việc (trong đó có phòng làm việc cho lãnh đạo khoa và phòng sinh hoạt chuyên môn cho giảng viên); 02 phòng làm việc chung cho giáo sư và phó giáo sư; 24 phòng khách đủ tiện nghi và 02 dãy phòng làm việc cho các trung tâm; 05 phòng sử dụng chung cho họp, hội thảo và sinh hoạt chuyên môn của giảng viên và học viên cao học [*cũng xem minh chứng H9.09.05.01*].

Tổng diện tích sàn xây phòng làm việc cho bộ máy là 3.855 m², đạt tỷ lệ 5,2m²/cán bộ, giảng viên. Diện tích làm việc cho Hiệu trưởng là 92,4m², không gian làm việc thông thoáng, có cây xanh, bóng mát, cảnh quan thiên nhiên trong lành, tạo tâm lý thoải mái cho cán bộ, giảng viên khi làm việc và nghiên cứu [H9.09.06.01].

Trường định kỳ thông qua đầu mối là phòng CSVC lấy ý kiến cán bộ, giảng viên và nhân viên về phòng làm việc. Đa số ý kiến đều đồng tình với việc cải tiến hàng năm của Trường. Đối với những đóng góp, phản ánh của cán bộ giảng viên, phòng CSVC đều có kế hoạch khắc phục hạn chế [*cũng xem MC H9.09.03.07*].

2. Điểm mạnh

Diện tích làm việc của các phòng, ban, khoa và các trung tâm được đảm bảo. Các đơn vị, khoa, bộ môn làm việc theo cụm nên việc phối hợp, trao đổi công tác gặp nhiều thuận lợi.

3. Tồn tại

Phòng làm việc của các khoa do cải tạo từ khu nhà ở của cán bộ, giảng viên nên chưa đồng bộ.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2017 – 2018, Trường tiếp tục khảo sát đề duy trì, xây dựng thêm các phòng làm việc, duy tu bảo dưỡng các khối nhà làm việc các khoa nhằm nâng cao tính thẩm mỹ, đồng bộ và tiện ích cần thiết khác.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chuẩn 9.7. Có đủ diện tích sử dụng đất theo quy định của tiêu chuẩn TCVN 3981-85. Diện tích mặt bằng tổng thể đạt mức tối thiểu theo quy định.

1. Mô tả

Trường có 02 cơ sở. Tổng diện tích đất của 02 cơ sở là: 643.630,5m² (64,3 ha), đạt tiêu chuẩn 50,8 m²/SV (với quy mô 12.651 SV). Cụ thể:

*Cơ sở số 6, đường Trần Văn Ôn, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một: 67.435,5m², với cơ cấu sử dụng khu đất như sau [H9.09.07.01]

Bảng 13. Diện tích đất tại Cơ sở số 6, đường Trần Văn Ôn

Stt	Quy mô sử dụng đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng chính	30.236,5	44,84%
2	Đất sân vườn cây xanh	20.340,13	30,17%
3	Đất giao thông nội bộ, sân bãi thể dục thể thao	16.858,87	24,99%
Tổng cộng		67.435,5	100%

* Khu đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng trường mới tại Khu Công nghiệp và Đô thị Thới Hòa, thuộc phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương với diện tích là 576.195m² [H9.09.07.02].

Theo quy hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt trường mới gồm các phân khu chức năng và cơ cấu sử dụng đất, cụ thể như sau:

Bảng 14. Cơ cấu sử dụng đất tại Cơ sở khu Đô thị và Dân cư Thới Hòa, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát

Stt	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Mật độ xây dựng (%)	Tầng cao (tầng)
1	Khu hành chính - Thư viện, Giảng đường	60.780	10,55	20-25	1-11
2	Các khoa - Phòng thí nghiệm -	106.524	18,49	20-25	2-5

	trường phổ thông năng khiếu				
3	Ký túc xá - Nhà ở cán bộ	86.008	14,93	25-30	4-7
4	Khu Quảng trường	48,442	8,40	5-10	1-2
5	Khu TĐTT	40,257	7,00	15-20	1-3
6	Đất công trình ĐMK	8.968	1,56	25-30	1-2
7	Đất cây xanh, phụ trợ	148.071	25,69	5-10	1-2
8	Đất giao thông	77.144	13,38	-	-
	Tổng cộng	576.194	100		

2. Điểm mạnh

Trường có đủ diện tích sử dụng đất theo quy định tiêu chuẩn TCVN 3981-85. Diện tích mặt bằng tổng thể đạt trên mức tối thiểu theo quy định.

3. Tồn tại: Không

4. Kế hoạch hành động

Năm 2017 và những năm tiếp theo, Trường tiếp tục kiến nghị các ngành và UBND tỉnh xem xét đầu tư từng hạng mục dự án trường mới.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chuẩn 9.8 Có quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển CSVC trong kế hoạch chiến lược của trường

1. Mô tả

Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trường Đại học Thủ Dầu Một tại phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1921/QĐ-UBND ngày 19/7/2012, theo hướng kiên cố hóa và hiện đại [H9.09.08.01].

Theo quy hoạch đầu tư xây dựng trường mới, với quy mô 24.000 sinh viên, khối ký túc xá đảm bảo 14.000 chỗ ở, gồm 4 dự án thành phần:

- Dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, cổng, tường rào, khuôn viên cây xanh (đầu tư theo hình thức BT).
- Dự án: Đại học Thủ Dầu Một (đầu tư theo hình thức BT).
- Dự án: Ký túc xá sinh viên (đầu tư bằng nguồn ngân sách tỉnh).
- Dự án: Trường Phổ thông năng khiếu Đại học Thủ Dầu Một.

Sơ đồ quy hoạch tổng thể Trường Đại học Thủ Dầu Một đã được Ủy ban nhân dân tỉnh và các ngành có liên quan thẩm định phê duyệt kèm theo Quy hoạch chi tiết

xây dựng tỷ lệ 1/500 [H9.09.08.02].

Chiến lược phát triển CSVN Trường Đại học Thủ Dầu Một đến năm 2020 đã được UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt tại Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 29/01/2013 [H9.09.08.03]. Trong đó, UBND tỉnh chấp thuận cho Trường hàng năm tiếp tục mua sắm trang thiết bị cần thiết phục vụ cho việc dạy và học.

Quá trình quy hoạch tổng thể phát triển CSVN của Trường có tham khảo ý kiến của tư vấn, các bên chuyên môn và của cán bộ giảng viên trong Trường, cụ thể là Khoa Xây dựng, Khoa Kiến trúc và cơ cấu lãnh đạo các khoa chuyên môn này vào thành viên Ban Quản lý các dự án để cùng xem xét cụ thể toàn bộ quá trình xây dựng dự án [H9.09.08.04].

2. Điểm mạnh

Trường có quy hoạch chi tiết và lâu dài về diện tích sử dụng đất đã được UBND tỉnh phê duyệt.

3. Tồn tại

Kinh phí đầu tư xây dựng trường tại địa điểm mới khá lớn (khoảng 4.000 tỷ đồng), do đó việc cân đối vốn để đầu tư xây dựng dự án của các ngành và UBND tỉnh chưa kịp thời, làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2017 và những năm tiếp theo, Trường tiếp tục kiến nghị các ngành và UBND tỉnh xem xét đầu tư từng hạng mục dự án trường mới. Trường phấn đấu thực hiện xây dựng trường mới theo đúng kế hoạch đã được phê duyệt.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 9.9. Có các biện pháp hữu hiệu bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học

1. Mô tả

Công tác quản lý và bảo vệ tài sản, trật tự an toàn cho cán bộ, GV và SV luôn được Trường chú trọng. Trường có đội bảo vệ chuyên trách do phòng Tổ chức quản lý, gồm 14 người chia ca trực ngày đêm, hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định; được tập huấn chuyên môn hàng năm [H9.09.09.01]. Nhân viên bảo vệ có sổ ghi chép và bàn giao [H9.09.09.02]. Các thành viên phân công trực theo lịch nhằm đảm bảo 24/24 giờ. Những ngày lễ, tết có phân công trực lãnh đạo, trực tự vệ để hỗ trợ tổ bảo vệ [H9.09.09.03]. Lực lượng bảo vệ được trang bị các công cụ hỗ trợ như máy bộ đàm, dùi cui điện cùng một số vật dụng hỗ trợ công tác. Trường có

đội dân quân tự vệ được tập huấn hàng năm [H9.09.09.04]. Ngoài ra, Trường liên hệ chặt chẽ với lực lượng dân phòng hỗ trợ ban đêm trong công tác tuần tra, bảo vệ [H9.09.09.05].

Trường luôn có sự phối hợp với lực lượng Công an địa phương khi tổ chức các hoạt động lớn như tuyển sinh, hội nghị,... nhằm bảo đảm an ninh, trật tự, đảm bảo đúng theo quy định. Trước khi tổ chức các hoạt động lớn, Trường có công văn yêu cầu lực lượng công an hỗ trợ bảo đảm an ninh trật tự [H9.09.09.06].

Trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa Trường có tổ chức các hoạt động tuyên truyền giáo dục các quy định, thông tư của nhà nước về pháp luật, công tác đảm bảo an ninh, an toàn xã hội,... đến người học [H9.09.09.07]. Ngoài ra, Trường có các nội quy, quy định về trật tự, nề nếp sinh hoạt, học tập; quy định sử dụng an toàn các thiết bị trong phòng thí nghiệm được dán ở các phòng tương ứng để phổ biến đến người học và cán bộ giảng viên trong trường [H9.09.09.08].

Trường có đội PC&CC và được tập huấn công tác PC&CC hàng năm. Phòng học và làm việc được trang bị bình chữa cháy, hệ thống chữa cháy [H9.09.09.09].

Trường có quy định việc bảo vệ tài sản, mỗi đơn vị có trách nhiệm theo dõi, quản lý và sử dụng, được kiểm tra, đánh giá lại theo kiểm kê định kỳ hàng năm [H9.09.09.10]. Vì vậy, trong các năm qua không xảy ra trường hợp mất mát, cháy nổ, hư hại tài sản. Công tác đảm bảo an ninh trật tự được báo cáo đầy đủ [H9.09.09.11].

2. Điểm mạnh

Công tác bảo vệ an ninh, trật tự trong Trường những năm qua luôn được đảm bảo cho các hoạt động diễn ra đúng theo kế hoạch.

Trường có ký kết giao ước và thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Công an, chính quyền địa phương trong công tác đảm bảo an ninh, trật tự.

3. Tồn tại

Đội bảo vệ còn thiếu các trang thiết bị hiện đại hỗ trợ nghiệp vụ.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2017-2018, phòng CSVC phối hợp với phòng Tổ chức tiếp tục lập kế hoạch, trang bị thêm phương tiện, công cụ hỗ trợ hiện đại hiện đại cho đội bảo vệ.

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận tiêu chuẩn 9

Trường đảm bảo các điều kiện về thư viện và CSVC, đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập và NCKH cho giảng viên và sinh viên.

Hệ thống phòng học, phòng thực hành với đầy đủ máy tính và thiết bị hiện đại đảm bảo cho các hoạt động đào tạo, NCKH. CSVC của Trường được khai thác với tần suất cao, có chế độ duy tu và bảo dưỡng định kỳ nhằm sử dụng có hiệu quả. Diện tích sử dụng đất, diện tích lớp học và phòng làm việc cho cán bộ, giảng viên đảm bảo cho hoạt động của Trường. Bên cạnh đó, Trường đã và đang thực hiện Dự án đầu tư xây dựng cơ sở mới tại phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Tiêu chuẩn 10: Tài chính và quản lý tài chính

Mở đầu

Trường Đại học Thủ Dầu Một là đơn vị dự toán cấp 1, có con dấu và tài khoản riêng, thực hiện cơ chế quản lý tài chính của đơn vị sự nghiệp có thu theo quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ về Quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09/8/2006 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ; Nhà trường triển khai thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về việc Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. Trong thời gian bảy năm hoạt động, quản lý tài chính đúng quy định, sử dụng có hiệu quả các nguồn kinh phí cho việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và sự phát triển Nhà trường lâu dài.

Tiêu chí 10.1. Có những giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính, tạo được các nguồn tài chính hợp pháp, đáp ứng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của trường đại học.

Mô tả

Trường Đại học Thủ Dầu Một thực hiện theo quy định của Điều lệ trường đại học [H10.10.01.01] và Quyết định số 72/2009/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thủ Dầu Một [H10.10.01.02]. Trường đã xây dựng kế hoạch thu, chi rõ ràng, cụ thể từng nguồn kinh phí trình Sở Tài chính thẩm định và Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hàng năm [H1.10.01.03] và trong Quy chế Chi tiêu nội bộ [H1.10.01.04]. Các nguồn thu của Trường đều tăng lên hàng năm [H10.10.01.05] và đúng quy định của các cơ quan có thẩm quyền [H10.10.01.06], [H10.10.01.07].

Bảng 15: Thống kê nguồn thu hàng năm

Năm	Thu từ Ngân sách cấp	Thu từ học phí, lệ phí	Thu hoạt động sự nghiệp	Tổng thu
2011	61.687.355.000	3.366.483.000	2.183.255.000	67.237.093.000
2012	105.420.797.000	10.288.530.633	1.457.980.000	117.167.307.633
2013	110.855.773.000	20.653.380.000	1.755.223.000	133.264.376.000
2014	121.531.000.000	38.654.133.000	1.967.444.000	162.152.577.000
2015	132.767.000.000	36.229.956.000	2.716.487.800	171.713.443.800
2016	126.529.000.000	63.274.603.200	7.552.507.513	197.356.110.713

Nhằm để tăng nguồn thu hàng năm Nhà trường đều mở thêm các ngành đào tạo và các đơn vị trực thuộc. Cụ thể năm học 2015 – 2016 tăng 06 ngành đào tạo sau đại học [H10.10.01.08]; năm học 2016 – 2017 tăng thêm 04 ngành đào tạo đại học [H10.10.01.09] và dự kiến tăng thêm 03 ngành đào tạo sau đại học.

Nguồn thu tài chính của Trường chủ yếu từ hai nguồn chính là Ngân sách Nhà nước cấp và kinh phí thu sự nghiệp; ngoài ra còn có các nguồn thu từ hoạt động khác như thu từ hoạt động của các Trung tâm, dịch vụ, các đề tài khoa học ngoài tỉnh [H10.10.01.10]. Nhà trường đã có kế hoạch chiến lược phát triển nguồn thu ngoài ngân sách nhà nước như phát triển thêm các Trung tâm, viện [H10.10.01.11], cải tạo nâng cấp căn tin, nhà giữ xe sinh viên [H10.10.01.12]. Các nguồn thu trên được hỗ trợ cho chi thường xuyên và tăng thu nhập cho cán bộ giảng viên như tăng thu nhập cho giảng viên có học hàm, học vị (thạc sỹ 1.5, tiến sỹ 2.5 theo lương cơ bản), phụ cấp ưu đãi ngành cho giảng viên các khối, ngành không phải giảng viên bộ môn lý luận chính trị là 45% lương/tháng [H10.10.01.13].

Tổng thu từ các nguồn thu sự nghiệp (phí, lệ phí) đã được đầu tư thích hợp, đáp ứng các hoạt động của Nhà trường và tăng lên hàng năm [H10.10.01.14].

Bảng 16: Thống kê nguồn chi hàng năm

Năm	Chi đào tạo	Chi NCKH	Chi CSVC
2011	2.142.000.000	51.251.000	307.000.000
2012	6.880.000.000	52.354.000	722.000.000
2013	8.935.000.000	161.000.000	1.461.000.000
2014	24.300.000.000	725.000.000	2.126.000.000
2015	43.004.000.000	1.730.000.000	10.710.000.000
2016	51.445.683.000	2.080.000.000	17.687.655.000
Tổng	136.706.683.000	4.799.605.000	33.013.655.000

2. Điểm mạnh

Các nguồn thu của Trường đều hợp pháp và tăng lên hàng năm. Kinh phí được sử dụng đúng mục đích, xây dựng kế hoạch phục vụ các hoạt động đào tạo, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị, nghiên cứu khoa học và phát triển nguồn nhân lực. Trường đã phát triển các hệ, ngành đào tạo, liên kết đào tạo, hoạt động nghiên cứu khoa học và khai thác các nguồn thu sự nghiệp phù hợp với chức năng nhiệm vụ của Nhà trường nhằm tăng nguồn thu để chi hỗ trợ ngân sách, tăng cường cơ sở vật chất.

3. Tồn tại

- Chưa có nhiều cá nhân chủ động, sáng tạo đem lại nguồn thu cho Trường.
- Trường chưa liên kết được với nhiều cơ sở đào tạo, cơ quan, đơn vị để khai thác tối đa nguồn nhân lực để tăng nguồn thu cho Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

Tiếp tục phát huy quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp có thu. Tiết kiệm chi, khai thác đầy đủ các nguồn thu hợp pháp, chi tiêu hợp lý, sử dụng tài sản đúng mục đích có hiệu quả, thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Khuyến khích các đơn vị phát triển sản phẩm khoa học công nghệ.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 10.2. Công tác lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính được chuẩn hóa, công khai hóa, minh bạch và theo đúng quy định

1. Mô tả

Kế hoạch thu chi tài chính hàng năm của Nhà trường được xây dựng đúng quy định của Luật Ngân sách và của các cơ quan có thẩm quyền; kế hoạch tài chính được xác định rõ các nguồn kinh phí Nhà trường được sử dụng trong năm bao gồm kinh phí chi thường xuyên (kinh phí khoán), kinh phí không thường xuyên (kinh phí ngoài khoán), nguồn thu, phí, lệ phí theo quy định và các nguồn thu sự nghiệp theo đúng chức năng, nhiệm vụ [H10.10.02.01]. Kế hoạch tài chính được xây dựng sát thực tế, có thuyết minh cơ sở tính toán (có tính đến các đề xuất từ các đơn vị trong Trường) [H10.10.02.02]. Hàng năm, trước khi lập kế hoạch tài chính cho năm tiếp theo, Nhà trường đều có đánh giá và rút kinh nghiệm cho công tác lập kế hoạch như trong kế hoạch cần phải xác định rõ các nguồn kinh phí khoán, kinh phí ngoài khoán, đầu tư xây dựng, sửa chữa thường xuyên, mua sắm trang thiết bị, nghiên cứu khoa học ...[H10.10.02.03] và các nguồn kinh phí đưa vào kế hoạch kèm theo thuyết minh [H10.10.02.04] để làm cơ sở cho các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Trường quản lý tài chính theo đúng quy định. Hệ thống kế toán của Nhà trường áp dụng theo Quyết định số 19//2006/QĐ-BTC về “ Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp” và Thông tư số 185/2010/TT-BTC về “ Hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán hành chính sự nghiệp” [H10.10.02.05]. Theo đó, Trường xây dựng Quy chế Chi tiêu nội bộ và hàng năm năm đều có điều chỉnh, bổ sung để quy định toàn bộ các khoản thu chi tiêu của Trường theo đúng quy định của các cơ quan có thẩm quyền [H10.10.02.06].

Trường công khai các nguồn tài chính được sử dụng, chi tiết đến từng nhiệm vụ; đào tạo, nghiên cứu khoa học, nhiệm vụ khác, mua sắm tài sản, trang thiết bị... tình hình phân bổ kinh phí cho các hoạt động của Trường, các đơn vị [H10.10.02.07] và báo cáo quyết toán kinh phí hàng năm với Sở Tài chính đúng quy định [H10.10.02.08].

Trường đã sử dụng phần mềm kế toán (phần mềm Misa) để thực hiện nghiệp vụ kế toán, phần mềm (edusoft) và phần mềm kê khai bảo hiểm xã hội để thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội cán bộ giảng viên một cách chuyên nghiệp, đáp ứng hoạt động tài chính toàn Trường.

Theo kết luận quyết toán, kiểm toán kinh phí hàng năm của các cơ quan có thẩm quyền, công tác quản lý và sử dụng tài chính của Trường đã thực hiện đúng quy định của Nhà nước [H10.10.02.09], [H10.10.02.10], [H10.10.02.11].

Việc bổ sung và điều chỉnh Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm do Nhà trường dự thảo và gửi cho các đơn vị góp ý trong Hội nghị cán bộ viên chức của đơn vị. Công đoàn trường tổng hợp và trình bày thống nhất trong Hội nghị cán bộ viên chức để thực hiện [H10.10.02.12] theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Điểm mạnh

Công tác lập kế hoạch và quản lý tài chính đã đáp ứng những yêu cầu chung của Nhà trường đảm bảo các hoạt động thường xuyên, định hướng phục vụ nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của Trường.

Phân bổ kinh phí hợp lý và sử dụng kinh phí hiệu quả theo mục tiêu trọng tâm và định hướng phát triển Nhà trường.

3. Tồn tại

Kế hoạch kinh phí cho hoạt động khoa học từ nguồn ngân sách Nhà nước cấp thường không sử dụng hết trong năm tài chính mà phải chuyển tạm ứng cho năm sau do chủ nhiệm các đề tài không hoàn thành kế hoạch nghiên cứu theo tiến độ đã đăng ký.

4. Kế hoạch hành động

Chuẩn hóa quy trình quản lý tài chính, nâng cấp phần mềm quản lý tài chính. Cụ thể năm 2016 nâng cấp phần mềm kế toán cập nhật theo mẫu biểu theo quy định của khoa bạc Nhà nước (thực hiện theo Thông tư số 61/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính) và bổ sung phần mềm kê khai bảo hiểm xã hội, trong thời gian tới trường tiếp tục nâng cấp các phần mềm hiện hữu (Misa, Edusoft) nhằm phục vụ tốt cho công tác lập kế hoạch và quản lý tài chính; hoàn thiện Hệ thống Tin học hóa nghiệp vụ tài chính

- kế toán, phục vụ tốt hoạt động quản lý và sử dụng tài chính của Trường theo đúng quy định của Luật Ngân sách và các quy định của các cơ quan có thẩm quyền về quản lý tài chính đối với đơn vị sự nghiệp có thu.

Từ năm 2016 trở đi tiếp tục xây dựng biện pháp sử dụng hết kinh phí nghiên cứu khoa học trong năm tài chính như có biện pháp chế tài đối với các chủ nhiệm đề tài không hoàn thành kế hoạch nghiên cứu theo tiến độ đã đăng ký.

5. Tự đánh giá mức: Đạt

Tiêu chí 10.3. Đảm bảo sự phân bổ, sử dụng tài chính hợp lý, minh bạch và hiệu quả cho các bộ phận và các hoạt động của trường đại học.

1. Mô tả

Kế hoạch tài chính hàng năm được xây dựng trên cơ sở kế hoạch hoạt động chung của Trường và đề xuất của các đơn vị như mô tả ở Tiêu chí 10.2.

Như đã trình bày tại các Tiêu chí 10.1 và 10.2, kinh phí được phân bổ hợp lý theo hướng hiện đại hóa có trọng điểm theo từng lĩnh vực và phù hợp với nhu cầu thực tế của Trường hàng năm như dự toán mua sắm trang thiết bị nhằm phục vụ nâng cao chất lượng đào tạo, hỗ trợ sinh viên được tiếp cận với phương pháp giảng dạy, trang thiết bị hiện đại, nâng cao tính tự chủ sáng tạo của sinh viên trong học tập; kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nhằm xây dựng đội ngũ; phân bổ kinh phí hoạt động cho các khoa (văn phòng phẩm, hội thảo khoa học, hoạt động phong trào, mua sắm vật rẻ tiền mau hỏng ...), kinh phí hoạt động nghiên cứu khoa học, định mức kinh phí cho các loại đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên và các hoạt động khác [H10.10.03.01]. [Chi cho nghiên cứu khoa học (giảng viên, sinh viên): Ngân sách nhà nước cấp hàng năm đều tăng lên, cuối năm quyết toán không hết được chuyển sang năm sau đối với các đề tài đang thực hiện, nếu không đủ thanh toán các đề tài đã được nghiệm thu ngân sách nhà nước sẽ cấp bổ sung [H10.10.03.02]. Ngoài nguồn kinh phí do ngân sách cấp như mô tả nêu trên hàng năm Nhà trường còn dành tối thiểu 5% kinh phí từ nguồn thu hợp pháp để đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ, dành tối thiểu 3% từ nguồn thu học phí để sinh viên và người học hoạt động nghiên cứu khoa học [H10.10.03.03]. Nguồn kinh phí nêu trên đủ để Nhà trường triển khai thực hiện đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ H10.10.03.04].

Quy chế Chi tiêu nội bộ là căn cứ quan trọng để sử dụng kinh phí, Trường tổ chức xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm một cách khoa học, nội dung thu chi

rõ ràng phù hợp với tình hình thực tế nhằm phục vụ tốt cho việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của Trường [H10.10.03.05], là kết quả thu nhận ý kiến đóng góp của cán bộ công chức trong nhiều phiên họp [H10.10.03.06] và thông qua các phương thức lấy ý kiến khác như thông qua hội nghị công chức ở các đơn vị trực thuộc [H10.10.03.07] và hội nghị công chức hàng năm của Nhà trường [H10.10.03.08] và được bổ sung theo định kỳ để phù hợp với tình hình thực tế [H10.10.03.09].

Thực hiện quy chế công khai tại các cơ sở giáo dục theo Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân: Nhà trường có ban hành Quy chế công khai được Hiệu trưởng ký ban hành theo Quyết định số 81/QĐ-ĐHTDM ngày 26/01/2010 [H10.10.03.10]. Hàng năm Nhà trường đều có công khai tài chính trong Hội nghị cán bộ công chức về chất lượng đào tạo và điều kiện để đảm bảo chất lượng đào tạo; công khai mức thu học phí cho các hệ đào tạo trong thông báo tuyển sinh, tờ rơi, trên Website của Trường theo quy định [H10.10.03.11]. Các ý kiến đóng góp của cán bộ giảng viên trong hội nghị cán bộ viên chức tại các đơn vị có liên quan đến chế độ chính sách Công đoàn nhà trường tổng hợp thành văn bản và chuyển cho Phòng Kế hoạch – Tài chính để giải trình và thống nhất thực hiện sau Hội nghị công nhân viên chức.

Trong những năm vừa qua, Trường không có vi phạm về sử dụng và quản lý tài chính thông qua kết quả kiểm toán và quyết toán kinh phí hàng năm của Nhà trường với Sở Tài chính [H10.10.03.12] [H10.10.03.13].

2. Điểm mạnh

Việc sử dụng tài chính đã được định hướng phục vụ nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và thực hành tiết kiệm để tăng thu nhập cho cán bộ giảng viên, nhân viên của Nhà trường hàng năm.

3. Tồn tại:

Các khoa chưa chủ động sử dụng và lập chứng từ quyết toán các nguồn kinh phí được khoán theo quy định .

3. Kế hoạch hành động

Cải tiến quy trình và nội dung xây dựng kế hoạch phân bổ kinh phí, phù hợp với sự quy mô phát triển của Trường trong những năm tới.

Cụ thể hóa hướng dẫn các đơn vị lập dự trù kinh phí mua sắm, sửa chữa, nghiên cứu khoa học để phục vụ cho việc giảng dạy và học tập.

5. Tự đánh giá mức: Đạt

Kết luận tiêu chuẩn 10:

Công tác tài chính và quản lý tài chính của Nhà trường trong những năm qua hoạt động có hiệu quả, đúng pháp luật và đã đáp ứng được yêu cầu phát triển của Trường .

Trường đã có những quy định về sử dụng kinh phí cho các hoạt động bằng việc xây dựng Quy chế Chi tiêu nội bộ hoàn thiện. Quy chế này, sau nhiều lần sửa đổi (với sự góp ý xây dựng của các đơn vị) đã góp phần vào việc tăng cường quản lý tài chính của Trường, nhất là thực hiện công khai các hoạt động tài chính. Trường xây dựng kế hoạch thu hút nguồn kinh phí khác ngoài hoạt động giảng dạy các lớp vừa làm vừa học và các nguồn thu từ các hoạt động dịch vụ.

Trong thời gian tới, Trường sẽ tiếp tục củng cố các hoạt động tài chính theo hướng minh bạch, công khai, có kế hoạch, phấn đấu đưa quản lý tài chính thành một động lực nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học, tăng thu nhập cho cán bộ, giảng viên.

Tiêu chuẩn 10 gồm có: 3 tiêu chí đạt 3/3.

KẾT LUẬN

Trường ĐHTDM có sứ mạng rõ ràng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực. Sứ mạng của Trường luôn gắn với nhu cầu phát triển của tỉnh Bình Dương, khu vực miền Đông Nam bộ và nhu cầu của cả nước. Mục tiêu giáo dục của Trường đã được cụ thể hóa thành chiến lược. Hàng năm, sứ mạng, mục tiêu được rà soát, bổ sung, điều chỉnh và được tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trong và ngoài Trường. Nhà trường có đội ngũ CBQL, GV và NV có năng lực, tham gia đào tạo và NCKH. Sinh viên của Trường sau khi tốt nghiệp khóa học được các nhà tuyển dụng lao động đánh giá cao về chuyên môn, nghiệp vụ và thái độ làm việc đáp ứng nhu cầu lao động của địa phương và cả nước.

Trường có các CTĐT được thường xuyên cập nhật, được thiết kế với sự tham gia của các bên liên quan. Cơ sở vật chất và tài chính luôn đáp ứng nhu cầu đào tạo và NCKH. Nhà trường từng bước khẳng định vị trí của mình thông qua các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và hợp tác quốc tế. Luôn tiếp thu ý kiến phản hồi của các bên liên quan để phát huy các mặt mạnh và khắc phục các tồn tại trong tất cả các hoạt động đào tạo của Nhà trường.

Trường có chế độ thu hút các nhà khoa học có trình độ cao về làm việc. Tăng cường hội nhập thông qua các chương trình hợp tác quốc tế. Từng bước kiện toàn bộ máy quản lý, xây dựng quy trình hoạt động khoa học công nghệ và thực hiện tốt công tác vận hành, thống kê, lưu trữ. Tiến hành xúc tiến triển khai các chương trình liên kết đào tạo, đẩy mạnh hoạt động NCKH, góp phần nâng cao uy tín, vị thế của Trường.

Kết quả tự đánh giá cho thấy, Nhà trường đã nghiêm túc thực hiện công tác tự đánh giá chất lượng đào tạo, NCKH và các công tác khác theo Bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng đào tạo đại học của Bộ GD&ĐT. Trường đã huy động tất cả CBQL tham gia vào quá trình tự đánh giá và nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình của hầu hết các CB, GV, NV, SV và các bên liên quan. Kết quả đạt được trong Báo cáo tự đánh giá đã thể hiện được sự nỗ lực của toàn Trường trong giai đoạn từ 2011 - 2016, phản ánh chính xác thực trạng của Trường với các điểm mạnh, điểm còn tồn tại và kế hoạch hành động của Trường trong giai đoạn tới.

PHẦN IV: TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ									
Mã trường:									
Tên trường: Trường Đại học Thủ Dầu Một									
Khối ngành:									
Ngày hoàn thành tự đánh giá: 31/3/2015									
Các mức đánh giá: Đ: Đạt; C: Chưa đạt; KĐG: Không đánh giá									
Tiêu chuẩn 1: Sứ mạng và mục tiêu				Tiêu chuẩn 6: Người học					
1	Đ			1	Đ				
2	Đ			2	Đ				
Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và quản lý				3	Đ				
1	Đ			4	Đ				
2	Đ			5	Đ				
3	Đ			6	Đ				
4	Đ			7	Đ				
5	Đ			8	Đ				
6	Đ			9	Đ				
7	Đ			Tiêu chuẩn 7: Nghiên cứu khoa học					
Tiêu chuẩn 3: Chương trình				1	Đ				
1	Đ			2	Đ				
2	Đ			3	Đ				
3	Đ			4	Đ				
4	Đ			5	Đ				
5	Đ			6	Đ				
6	Đ			7	Đ				
Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đào tạo				Tiêu chuẩn 8: Hợp tác quốc tế					
1	Đ			1	Đ				
2	Đ			2	Đ				
3	Đ			3	Đ				
4	Đ			Tiêu chuẩn 9: Thư viện					
5	Đ			1	Đ				

6	Đ				2	Đ		
7	Đ				3	Đ		
Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ					4	Đ		
1	Đ				5	Đ		
2	Đ				6	Đ		
3	Đ				7	Đ		
4	Đ				8	Đ		
5	Đ				9	Đ		
6	Đ				Tiêu chuẩn 10: Tài chính			
7	Đ				1	Đ		
8	Đ				2	Đ		
					3	Đ		

Tổng hợp:

- Số tiêu chuẩn có ít nhất 1 tiêu chí đạt: 10 ;
- Số tiêu chí đạt: 61 (chiếm 100%);
- Số tiêu chí chưa đạt: 0 (chiếm 0%);
- Số tiêu chí không đánh giá: 0 (chiếm 0%).

Bình Dương, ngày tháng năm 2017

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)